

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI
VÀ THƯƠNG MẠI TÙNG DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/CV-TD.....

Văn Lâm, ngày 12 tháng 12 năm 2024

V/v đề nghị đăng thông tin tham vấn đánh
giá tác động môi trường dự án “Nhà máy
sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải”

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG-T. HƯNG YÊN

ĐẾN Số:.....
Ngày: 12 / 12 / 2024
Chuyển.....
Lưu hồ sơ số:.....

Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương đã xây dựng Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải”.

Căn cứ Khoản 3, Điều 26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương kính gửi Quý cơ quan nội dung tham vấn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án để đăng tải tham vấn ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp dự án đầu tư trên Cổng thông tin điện tử theo quy định.

Hồ sơ nội dung tham vấn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án gửi kèm công văn này, bao gồm: 02 tệp tin nội dung tham vấn báo cáo ĐTM của dự án (01 tệp tin scan (có đóng dấu và giáp lai) định dạng .pdf và 01 tệp tin định dạng .doc).

Tổng hợp các ý kiến tham vấn xin gửi về Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương theo địa chỉ:

Chủ đầu tư: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương

Địa chỉ trụ sở: xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Số điện thoại: 0963150566

Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương kính đề nghị Quý cơ quan xem xét hồ sơ, đăng tải và gửi tổng hợp ý kiến tham vấn để Chủ dự án hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ
THƯƠNG MẠI TÙNG DƯƠNG**



GIÁM ĐỐC
Đỗ Trọng Chước

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Xuất xứ của dự án	1
1.1. Thông tin chung về dự án	1
1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư	1
1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.	1
2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM	4
2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án	4
2.1.1. Luật, Nghị định, thông tư, nghị quyết	4
2.1.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam	6
2.2. Văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án	7
2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ đầu tư dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường	8
3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường	8
4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường	10
4.1. Nhóm phương pháp ĐTM	10
4.2. Nhóm các phương pháp khác	11
5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM	11
5.1. Thông tin về dự án	11
5.2. Hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án	13
5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án	14
5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	15
5.4.1 Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường không khí	15
5.4.2 Các công trình và biện pháp xử lý nước thải	16
5.4.3. Công trình lưu giữ chất thải	17
5.4.4. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải	17
5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án	19
CHƯƠNG 1. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN	21
1.1. Thông tin chung về dự án	21
1.1.1. Tên dự án	21
1.1.2. Chủ đầu tư dự án	21
1.1.3. Vị trí địa lý dự án	22

1.1.4. Mục tiêu, quy mô công suất, công nghệ và loại hình dự án	24
1.2. Các hạng mục công trình của dự án	24
1.2.1. Danh mục máy móc, thiết bị tại dự án.....	24
1.2.2. Các hạng mục công trình chính	26
1.2.3. Các hạng mục công trình phụ trợ	26
1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	26
1.2.5. Hiện trạng sử dụng đất khu đất thực hiện dự án; sự phù hợp địa điểm thực hiện dự án	28
1.2.5.1. Hiện trạng sử dụng đất trên khu đất dự án	28
1.2.5.2. Hiện trạng kiến trúc- cảnh quan	28
1.2.5.3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật	28
1.2.5.4 Đánh giá sự phù hợp của địa điểm dự án	29
1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án.....	29
1.3.1 Nhu cầu nguyên liệu	29
* Thành phần tính chất:	Error! Bookmark not defined.
1. Sơn.....	Error! Bookmark not defined.
1.3.2. Nhu cầu sử dụng nước	30
1.3.3 Sản phẩm của dự án.....	31
1.4.1 Quy trình sản xuất thùng xe.....	31
1.5. Biện pháp tổ chức thi công	31
1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án	35
1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án.....	35
1.6.2. Vốn đầu tư	35
1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án	35
CHƯƠNG 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	37
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	37
2.1.1. Điều kiện tự nhiên	37
2.1.1.1. Điều kiện địa lý, địa chất.....	37
2.1.1.2. Điều kiện về khí tượng	38
2.1.1.3. Điều kiện thủy văn.....	42
2.1.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội.....	42
2.1.2.1. Điều kiện về kinh tế, xã hội huyện Văn Lâm.....	42
2.1.2.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội xã Đình Dù.....	44
2.1.2.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội xã Lạc Hồng.....	45
2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án	48
2.2.1. Hiện trạng các thành phần môi trường	48
2.2.1.1. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí.....	48

2.2.1.2. Chất lượng môi trường nước.....	49
2.2.1.3. Chất lượng môi trường đất.....	50
2.2.2. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật.....	51
2.2.2.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường.....	51
2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án.....	54
2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án.....	54
CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.....	56
3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị của dự án.....	56
3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	56
3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường thực hiện.....	60
+ Đền bù về thiệt hại về đất: Bao gồm các chính sách đền bù đối với đất nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;.....	60
3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng của dự án.....	61
3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.....	61
3.2.1.1. Các nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải.....	61
3.2.1.2. Các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải.....	74
3.2.1.3. Dự báo tác động gây ra bởi các rủi ro, sự cố.....	75
3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	76
3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động có liên quan đến chất thải.....	76
3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động không liên quan đến chất thải.....	79
3.2.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án.....	81
3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	82
3.3.1. Đánh giá, dự báo các tác động.....	82
3.3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động liên quan đến chất thải.....	82
3.3.1.2. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải.....	95
3.3.1.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án.....	98
3.3.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	100
3.3.2.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường không khí.....	100
* Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng.....	101
+ XÂY DỰNG BỂ KÍN, SỬ DỤNG LẮP THĂM KÍN. THIẾT KẾ ĐƯỜNG THÔNG HƠI ĐƯA LÊN CAO.....	101
3.3.2.2 Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường nước.....	101

3.3.2.3	Biện pháp giảm thiểu do tác động của chất thải rắn và chất thải nguy hại	112
3.3.2.4.	Các biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động không liên quan đến chất thải.....	113
3.3.2.5.	Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	114
3.4.	Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	119
3.4.	Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo: ..	120
CHƯƠNG 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG..		122
4.1.	Chương trình quản lý môi trường của chủ đầu tư dự án	122
4.2.	Chương trình giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án	124
4.2.1.	Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng.....	124
4.2.2.	Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm của dự án	124
4.2.3.	Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án	124
4.2.4.	Các phương pháp quan trắc và phân tích	124
4.2.5.	Dự toán kinh phí quản lý, giám sát môi trường.....	124
5.1.	Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng.....	126
5.1.1.	Tham vấn thông qua đăng tải trên mạng thông tin điện tử.....	126
5.1.2.	Tham vấn bằng tổ chức họp lấy ý kiến.....	126
5.1.3.	Tham vấn bằng văn bản.....	126
5.2.	Kết quả tham vấn cộng đồng.....	127
KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT.....		132
1.	Kết luận	132
2.	Kiến nghị	132
3.	Cam kết.....	132
3.1.	Cam kết thực hiện các văn bản pháp luật.....	132
3.2.	Cam kết với cộng đồng.....	134
3.3.	Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án.....	134

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
QH	Quốc hội
NĐ-CP	Nghị định – Chính phủ
WHO	Tổ chức y tế thế giới
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
ATLĐ	An toàn lao động
BTCT	Bê tông cốt thép
GPMB	Giải phóng mặt bằng
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
BYT	Bộ Y tế
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
CTNH	Chất thải nguy hại
HTXL	Hệ thống xử lý

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3 ⁰) các điểm mốc ranh giới thực hiện dự án.....	22
Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị giai đoạn thi công, xây dựng	24
Bảng 1.3. Danh mục thiết bị máy móc dùng trong sản xuất của Dự án.....	25
Bảng 1.5: Diện tích đất sử dụng của Dự án.....	27
Bảng 1.6. Nhu cầu nguyên liệu cần sử dụng của dự án.....	29
Bảng 1.7. Nhu cầu nguyên liệu cần sử dụng của dự án.....	30
Bảng 1.8. Nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	31
Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng lao động của dự án	35
Bảng 2.5: Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh	48
Bảng 2.6: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt	49
Bảng 2.7. Kết quả phân tích chất lượng đất	50
Bảng 3.1: Đối tượng và quy mô tác động trong giai đoạn đền bù, bồi thường.....	59
Bảng 3.2: Nguồn phát sinh và đối tượng chịu tác động trong giai đoạn xây dựng.....	61
Bảng 3.3: Hệ số ô nhiễm từ quá trình đào đắp	63
Bảng 3.4: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đắp.....	64
Bảng 3.5: Nồng độ khí thải của các phương tiện vận tải khi hoạt động	65
Bảng 3.6: Tải lượng các chất khí ô nhiễm do ô tô vận chuyển gây ra	66
Bảng 3.7: Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm do hoạt động vận chuyển.....	66
Bảng 3.8: Định mức tiêu thụ nhiên liệu của các động cơ.....	66
Bảng 3.9: Tải lượng các khí thải phát sinh từ các loại máy thi công, xây dựng	67
Bảng 3.10: Nguồn phát sinh, mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn theo khoảng cách	68
Bảng 3.11: Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	70
Bảng 3.12: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt.....	71
Bảng 3.13: Chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng.....	73
Bảng 3.14: Tổng hợp nguồn phát sinh chất thải giai đoạn hoạt động của dự án	82
Bảng 3.15: Tải lượng khí thải của các phương tiện vận tải khi hoạt động.....	83
Bảng 3.16: Tải lượng các chất khí ô nhiễm do ô tô vận chuyển gây ra	84
Bảng 3.17. Khí ô nhiễm, hệ số phát thải đối với loại hình sản xuất sản phẩm nhựa	85
Bảng 3.18: Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt.....	91
Bảng 3.19: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt.....	92
Bảng 3.20: Khối lượng chất thải thông thường phát sinh	94
Bảng 3.21: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh	94
Bảng 3.22: Vị trí, diện tích trồng cây xanh của Công ty	100
Bảng 3.23: Các hạng mục công trình của HTXL nước thải tập trung.....	108
Bảng 3.24: Thông số kỹ thuật thiết bị của công trình HTXL nước thải tập trung	109

Bảng 3.25: Kinh phí đầu tư các hạng mục công trình BVMT của dự án.....	119
Bảng 3.26: Độ tin cậy của các phương pháp ĐTM	120
Bảng 4.1: Chương trình giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng.....	124

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án.....	23
Hình 1.2. Hình ảnh hiện trạng khu đất thực hiện dự án	24
Hình 1.3. Hình ảnh minh họa máy móc, thiết bị tại dự án	28
Hình 1.4. Hình ảnh minh họa sản phẩm của dự án.....	37
Hình 1.5. Quy trình công nghệ sản xuất các loại hạt nhựa màu.....	38
Hình 3.1: Quy trình thu hồi bụi phát sinh trong công đoạn nạp liệu.....	104
Hình 3.2. Sơ đồ xử lý nước mưa chảy tràn.....	105
Hình 3.3. Sơ đồ phân luồng dòng thải của dự án	106
Hình 3.4. Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn	106
Hình 3.5. Sơ đồ hệ thống tuần hoàn nước làm mát của nhà máy.....	107
Hình 3.6. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của Công ty	109
Hình 3.7. Hình ảnh minh họa về màng MBR.....	112
Hình 3.8. Biểu cảnh báo chất thải nguy hại.....	117

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty TNHH với mã số doanh nghiệp 0900257706, được phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 01/9/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/7/2018.

Năm 2016, Công ty đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Quyết định chủ trương đầu tư số 19/QĐ-UBND ngày 05/02/2016 thực hiện dự án *Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải*. Mục tiêu của dự án là sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải với quy mô 2.000 sản phẩm/năm.

Năm 2024, Công ty đã được UBND tỉnh Hưng Yên cấp Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 124/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày ngày 05/02/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 18/11/2024 với mục tiêu dự án không thay đổi chỉ tăng quy mô công suất lên 2.200 sản phẩm/năm.

Dự án *Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải* là dự án đầu tư mới 100%. Theo mục số 6, Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/ 01/ 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án phải lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường, nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên thẩm định và trình UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt.

Việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án đầu tư *Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải* của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương là cơ sở pháp lý cho việc đầu tư xây dựng và vận hành dự án nhằm đánh giá tác động của các hoạt động thực hiện tại dự án đến môi trường. Từ đó, đưa ra các biện pháp quản lý, xử lý và kiểm soát chất thải phát sinh, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình triển khai dự án.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư

Dự án đầu tư *Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải* do chủ dự án là Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương lập.

Cơ quan có thẩm quyền quyết định chấp thuận, phê duyệt dự án đầu tư *Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải* và cấp Quyết định chủ trương đầu tư là Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Dự án đầu tư phù hợp với các văn bản pháp lý sau về quy hoạch bảo vệ môi

trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường, cụ thể:

- Phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

- Phù hợp với quy định về Phân vùng môi trường được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Cụ thể: Tuân theo Điều 22, Điều 23, Điều 25, Mục 1, Chương III của Nghị định;

- Phù hợp với Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;

- Phù hợp với Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017;

**** Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia***

Ngày 8/7/2024, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt 611/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Mục tiêu của Quy hoạch nhằm chủ động phòng ngừa, kiểm soát được ô nhiễm và suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện được chất lượng môi trường; ngăn chặn suy giảm và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học, nhằm bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành của nhân dân trên cơ sở sắp xếp, định hướng phân bố hợp lý không gian, phân vùng quản lý chất lượng môi trường; định hướng thiết lập các khu bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh; định hướng xây dựng mạng lưới quan trắc và cảnh báo môi trường cấp quốc gia và cấp tỉnh; phát triển kinh tế - xã hội bền vững theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế carbon thấp, hài hòa với tự nhiên và thân thiện với môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Mục tiêu đến năm 2050, môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm môi trường sống trong lành cho nhân dân; bảo tồn hiệu quả đa dạng sinh học và duy trì được cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội phát triển hài hòa với thiên nhiên, đất nước phát triển bền vững theo hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp nhằm hướng tới đưa phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050; bảo đảm an ninh môi trường gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Trong đó, tăng cường ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng hạ tầng kỹ thuật, mạng lưới quan trắc và cơ sở dữ liệu môi trường thông qua: Khuyến khích áp dụng công nghệ sạch, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguyên, nhiên liệu và năng lượng; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; cải tiến, chuyển đổi công nghệ, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (BAT), công nghệ cao trong

các ngành, lĩnh vực để bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Hoạt động sản xuất của nhà máy không sử dụng các nguyên, nhiên liệu làm phát thải cacbon, do đó hoạt động của Nhà máy là phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

*** Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh**

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì dự án “Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải” của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương hoàn toàn phù hợp với quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, được thể hiện ở các nội dung sau:

+ Về phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng: Tập trung phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên bao gồm: Công nghiệp công nghệ cao gắn với công nghệ số (sản xuất các sản phẩm điện tử, viễn thông, chip bán dẫn, sản phẩm quang học, chế tạo phần mềm, sản phẩm công nghệ số,...); công nghiệp sản xuất thiết bị điện, năng lượng; công nghiệp sản xuất cơ khí - chế tạo (sản xuất, lắp ráp ô tô, phương tiện vận tải, máy móc, phụ tùng, linh kiện,...); công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm chất lượng cao; công nghiệp sản xuất các thiết bị y tế, y tế, hóa dược, công nghệ sinh học, dược phẩm; công nghiệp dệt may; **công nghiệp vật liệu, nhất là vật liệu mới...** Do đó, việc đầu tư dự án với mục tiêu là sản xuất các sản phẩm tôn lấy sáng cao cấp; tấm nhựa thông minh Poly Carbonat; Panel EPS/PU; tấm lợp mạ màu, mạ kẽm, mạ nhôm kẽm; các sản phẩm kết cấu thép định hình, ống thép hộp các loại là phù hợp với thực trạng phát triển ngành công nghiệp vật liệu trên địa bàn tỉnh.

*** Quy hoạch phát triển huyện Văn Lâm năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Dự án có mối quan hệ với các dự án, quy hoạch phát triển của huyện Văn Lâm như sau:

Về quy hoạch sử dụng đất của huyện Văn Lâm: Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất theo quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 30/01/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Văn Lâm. Theo Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên, có thể thấy cơ cấu đất nông nghiệp có xu hướng giảm và đất phi nông nghiệp có xu hướng tăng. Khu đất thực hiện dự án hầu hết là đất nông nghiệp, có thể thấy việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất khi thực hiện dự án là phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Văn Lâm.

Khu đất thực hiện dự án tiếp giáp đường quốc lộ 38 mới tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển, trao đổi hàng hóa, nguyên liệu và hàng hóa.

Dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải” của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương được thực hiện tại xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm. Dự án đi vào hoạt động góp phần phát triển ngành công

ng nghiệp, đem lại lợi ích kinh tế - xã hội cho địa phương (tăng ngân sách địa phương, giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế địa phương...) là hoàn toàn phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên nói chung và trên địa bàn huyện Văn Lâm nói riêng.

Như vậy, dự án “*Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải*” được đầu tư xây dựng hoàn toàn phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, với chủ trương phát triển của tỉnh Hưng Yên.

2. Căn cứ pháp luật và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật về môi trường làm căn cứ thực hiện ĐTM và lập báo cáo ĐTM của dự án

2.1.1. Luật, Nghị định, thông tư, nghị quyết

► Luật

- Luật PCCC số 27/2001/QH10 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 12/7/2001 và có hiệu lực từ ngày 04/10/2001;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII ban hành ngày 22/11/2013 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2014;

- Luật Đất đai số 13/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/1/2024 và có hiệu lực từ ngày 01/8/2014;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/06/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015;

- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 19/6/2017 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2018;

- Luật trồng trọt số 31/2018/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 19/11/2018 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2020;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 62/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 13/06/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2020;

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

► Nghị định

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết

thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính Phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

► **Thông tư**

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/02/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy chữa cháy;

- Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông hồ;

- Thông tư số 02/2019/TT-BYT ngày 21/3/2019 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;

- Thông tư số 10/2019/TT-BYT ngày 10/6/2019 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia- giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16/6/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT

ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

- Thông tư 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh.

► **Quyết định**

- Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND ngày 29/1/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường;

- Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 16/06/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt và công bố danh mục hồ, ao, đầm không được san lấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 8/7/2024 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 10/6/2024 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

► **Chỉ thị**

- Chỉ thị số 04/2009/CT-UBND ngày 31/3/2009 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc tăng cường công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ thị số 16/CT-UBND ngày 20/10/2016 của UBND tỉnh Hưng Yên về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

► **Nghị quyết**

- Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 15/06/2021 của Tỉnh ủy Hưng Yên tại hội nghị lần thứ 9 Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về Chương trình Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

► **Công văn**

- Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phân loại rác thải sinh hoạt.

2.1.2. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam

- TCXDVN 7957:2008/BXD: Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 13606:2023: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình – Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 13877-2:2023: Phòng cháy chữa cháy – Hệ thống chữa cháy bằng bột – Phần 2: Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 3890:2023: Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí;
- QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;
- QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, lưu giữ, vận chuyển hóa chất;
- TCVN 6707:2009/BTNMT: về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại;
- QCVN 26: 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- QCVN 27: 2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- QCVN 03:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng tại nơi làm việc;
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc;
- QCVN 02:2019/BYT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi- giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
- QCDP 01:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt;
- QCDP 02:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp

2.2. Văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án

- Quyết định chủ trương đầu tư số 19/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp ngày 05/02/2016.

- Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 124/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày ngày 05/02/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 18/11/2024

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số 0100777600, được phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/09/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 24/03/2023.

- Thông báo số 1033/CV-SXD ngày 06/10/2021 về việc thống nhất mặt bằng quy hoạch sơ bộ của dự án “*Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải*”.

- Công văn trả lời tham vấn của UBND xã Đình Dù số 18/CV-UBND ngày 05/02/2024;

- Công văn trả lời tham vấn của UBND xã Đình Dù số 03/CV-MTTQ ngày 05/02/2024;

- Công văn trả lời tham vấn của UBND xã Lạc Hồng số 18/CV-UBND ngày 05/02/2024;

- Công văn trả lời tham vấn của UBND xã Lạc Hồng số 03/CV-MTTQ ngày 05/02/2024;

- Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động bởi dự án.

2.3. Các tài liệu, dữ liệu do chủ đầu tư dự án tự tạo lập được sử dụng trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường

- Hồ sơ dự án đầu tư *Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải* của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương;

- Trích lục khu đất thực hiện dự án;

- Kết quả phân tích hiện trạng chất lượng môi trường do Trung tâm quan trắc-thông tin Tài nguyên và Môi trường đo đạc và phân tích mẫu môi trường tại khu đất thực hiện dự án trên địa bàn xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, tháng 12/2023.

3. Tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

Báo cáo ĐTM cho dự án *Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải* do chủ đầu tư Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương chịu trách nhiệm và thực hiện.

a) Cơ quan chủ trì lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương

- Người đại diện: Bà Mai Thị Dân

- Chức danh: Giám đốc

- Địa chỉ trụ sở chính: số 45D phố Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa,

TP Hà Nội

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

b) Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc- Thông tin tài nguyên và môi trường

- Người đại diện: Ông Hoàng Trọng Nhu

- Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Số 437 Nguyễn Văn Linh, P.Hiến Nam, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên;

- Điện Thoại: 02216.256.999

Trình tự lập báo cáo theo các bước như sau:

- Bước 1: Tiến hành thu thập và nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải thu thập các số liệu, tài liệu về điều kiện địa lý, khí hậu, thủy văn, kinh tế, văn hóa, xã hội của khu vực thực hiện dự án.

- Bước 2: Khảo sát thực địa, quan trắc, đo đạc, lấy mẫu phân tích các thành phần môi trường tự nhiên tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Bước 3: Trên cơ sở các tài liệu, số liệu thu thập được và các kết quả phân tích về hiện trạng môi trường khu vực, tiến hành lập báo cáo ĐTM cho dự án theo hướng dẫn của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

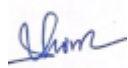
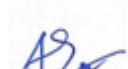
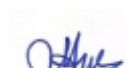
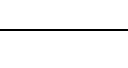
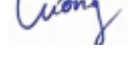
- Bước 4: Tổng hợp báo cáo và nộp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên chờ thẩm định theo quy định.

- Bước 5: Bảo vệ trước hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM của tỉnh Hưng Yên.

- Bước 6: Chỉnh lý, sửa chữa hoàn chỉnh bản báo cáo ĐTM theo ý kiến đóng góp của hội đồng thẩm định. Xin cấp quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Danh sách những người tham gia trực tiếp lập báo cáo ĐTM như sau:

STT	Họ tên	Chuyên môn	Vị trí công tác	Nội dung công việc	Kinh nghiệm	Chữ ký
I	Chủ đầu tư dự án: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương					
1	Mai Thị Dân	-	Giám đốc	Phối hợp thực hiện		
II	Đơn vị tư vấn: Trung tâm Quan trắc- Thông tin tài nguyên và môi trường					
1	Phan Thị Dung	ThS. Khoa học đất	Phòng Nghiệp vụ - kỹ thuật	Tổng hợp theo chuyên đề	13 năm	

2	Phạm Thị Thơm	ThS. Khoa học môi trường	Phòng Nghiệp vụ - kỹ thuật	Tổng hợp theo chuyên đề	13 năm	
3	Nguyễn Minh Quân	KS. Môi trường	Phòng Nghiệp vụ - kỹ thuật	Tổng hợp theo chuyên đề	15 năm	
4	Lê Thị Phương Anh	KS. Môi trường	Phòng Nghiệp vụ - kỹ thuật	Chủ trì lập báo cáo	13 năm	
5	Đỗ Thị Thu Phương	ThS. Quản lý TN và MT	Phòng Nghiệp vụ - kỹ thuật	Tổng hợp theo chuyên đề	8 năm	
6	Nguyễn Thị Thu Hương	CN. Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Phòng Nghiệp vụ - kỹ thuật	Tổng hợp theo chuyên đề	3 năm	
7	Phạm Thùy Linh	ThS. khoa học môi trường	Phòng Nghiệp vụ - kỹ thuật	Tổng hợp theo chuyên đề	5 năm	
8	Ngô Mạnh Cường	KS. CN kỹ thuật môi trường	Phòng Nghiệp vụ - kỹ thuật	Tổng hợp theo chuyên đề	5 năm	
9	Hoàng Văn Huy	ThS. Môi trường	Phòng Quan trắc, phân tích	Lấy mẫu, phân tích	25 năm	

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

Báo cáo đánh giá tác động môi trường này được hoàn thành dựa trên việc sử dụng 2 nhóm phương pháp sau đây:

4.1. Nhóm phương pháp ĐTM

- *Phương pháp so sánh*: Kết quả phân tích được so sánh với QCVN hiện hành, nhằm đánh giá chất lượng môi trường nền của dự án. Phương pháp so sánh được sử dụng tại chương II của báo cáo.

- *Phương pháp đánh giá nhanh trên cơ sở hệ số ô nhiễm của WHO*: Đây là phương pháp đánh giá tải lượng các chất ô nhiễm do hoạt động của dự án gây ra dựa trên các hệ số tải lượng đối với lĩnh vực hoạt động. Đây là tài liệu chuẩn được ban

hành bởi tổ chức y tế thế giới nên các hệ số đáng tin cậy. Phương pháp này được sử dụng tại chương III của báo cáo.

- *Phương pháp liệt kê*: Liệt kê các tác động phát sinh có thể xảy ra trong quá trình thực hiện dự án, phương pháp này được sử dụng tại chương III của báo cáo.

- *Phương pháp kế thừa*

Phương pháp sử dụng nguồn số liệu tổng hợp lấy từ kết quả nghiên cứu của các báo cáo tổng hợp của các cơ quan chức năng, các dự án khác có tính tương đồng về công nghệ, các kết quả nghiên cứu, quan trắc, đo đạc của các cơ quan chức năng.

4.2. Nhóm các phương pháp khác

- *Phương pháp thống kê*: nhằm thu thập và xử lý số liệu khí tượng, thủy văn, kinh tế - xã hội tại khu vực dự án để đánh giá nguy cơ bị ảnh hưởng từ khu vực xung quanh tới khu vực dân cư theo các mùa trong năm (chủ yếu đối với thành phần khí thải), và khả năng bị ảnh hưởng của các thành phần môi trường khác như nước ngầm thông qua cấu tạo địa chất của khu vực. Phương pháp được thực hiện tại chương II của báo cáo.

- *Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm*: để xác định hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án. Đây là phương pháp được thực hiện tại hiện trường trong phạm vi của dự án và khu vực lân cận (tiến hành lấy mẫu môi trường nước, không khí, đất) và phân tích tại phòng thí nghiệm để phân tích các thành phần ô nhiễm trong môi trường. Tại phòng thí nghiệm, các chỉ tiêu môi trường được phân tích bằng các phương pháp chuẩn được cơ quan quản lý môi trường đưa ra. Các kết quả phân tích được sử dụng để đánh giá hiện trạng môi trường tại khu vực dự án và khu vực lân cận. Trên cơ sở đó đánh giá được mức độ ảnh hưởng tới khu vực xung quanh do hoạt động của dự án gây ra. Phương pháp này được thực hiện nhằm đánh giá hiện trạng môi trường nền của dự án.

- *Phương pháp lấy ý kiến cộng đồng dân cư qua hình thức họp*: Độ xác thực và hiệu quả của phương pháp này phụ thuộc nhiều vào phương pháp và cách tiến hành xin ý kiến dân cư, chính quyền địa phương và các nhà quản lý liên quan đến dự án. Chủ dự án đã gửi công văn tham vấn gửi UBND và UBNDTTQ xã Đình Dù xin ý kiến tham vấn. Chủ dự án đã phối hợp với UBND xã tổ chức cuộc họp xin ý kiến cộng đồng chịu tác động trực tiếp của dự án. Đồng thời nó cũng phụ thuộc nhiều vào số lượng đối tượng được lấy ý kiến và sự khác biệt về trình độ nhận thức của họ, do vậy nếu phương pháp này không được thực hiện một cách nghiêm túc, nó sẽ không thể phát huy được hiệu quả và vai trò của mình trong việc đánh giá những tác động đến môi trường. Phương pháp này được thực hiện tại chương V của báo cáo này.

5. Tóm tắt nội dung chính của Báo cáo ĐTM

5.1. Thông tin về dự án

Tên Dự án : Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải

Địa điểm thực hiện dự án : Xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Chủ đầu tư

: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương

*** Mục tiêu, quy mô, công suất và phạm vi dự án**

Mục tiêu của dự án: Sản xuất tôn lấy sáng cao cấp/tấm nhựa thông minh (Polycarbonat); Panel EPS/PU; tấm lợp mạ màu, mạ kẽm, mạ nhôm kẽm; các sản phẩm kết cấu thép định hình, ống thép hộp các loại.

Quy mô của dự án: Tôn lấy sáng cao cấp: 500.000 m²/năm; tấm nhựa thông minh Poly Carbonat: 500.000 m²/năm; Panel EPS/PU: 600.000 m²/năm; tấm lợp mạ màu, mạ kẽm, mạ nhôm kẽm: 12.000 tấn/năm; các sản phẩm kết cấu thép định hình, ống thép hộp các loại: 12.000 tấn/năm.

Phạm vi thực hiện dự án:

Tổng Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án là 44.537,8 m². Diện tích đất để thực hiện dự án là 20.433 m² tại xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

* Các hạng mục công trình chính:

Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương xây dựng trên khu đất có diện tích 20.433 m². Công ty sẽ bố trí xây dựng các hạng mục công trình chính với diện tích cụ thể như sau:

- Nhà điều hành: có diện tích 449,82 m²;
- Nhà xưởng sản xuất kết hợp kho: có diện tích 7.200 m²;
- Các phân xưởng sản xuất kết hợp kho: có diện tích 9.920 m²;
- Nhà ăn + Nhà nghỉ công nhân: có diện tích 720 m²;

Các hạng mục công trình đầu tư chính phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, của Dự án.

* Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án bao gồm:

- Cổng chính và cổng phụ
- Nhà bảo vệ + điều hành trạm cân: có diện tích 18 m²;
- Nhà bảo vệ + nhà bơm PCCC: 31,35 m²;
- Trạm biến áp: có diện tích 9 m²;
- Trạm cân điện tử: có diện tích 18 m²;
- Nhà để xe cán bộ: có diện tích 261,6 m²;
- Nhà để xe công nhân kết hợp bể nước ngầm: có diện tích 620 m²;
- Hồ cảnh quan kết hợp PCCC: có diện tích 1.350 m²;
- Khu xử lý môi trường: có diện tích 180 m²;

- Đất cây xanh: 8.112 m²;
- Sân đường nội bộ: có diện tích 11.074,23 m².

Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Theo trích lục khu đất, hiện trạng sử dụng đất có chuyển mục đích sử dụng đất lúa với diện tích là 39.875,2 m². Các hộ dân có diện tích đất canh tác (đất trồng lúa) bị thu hồi hoàn toàn đồng thuận về việc thực hiện dự án cũng như các chính sách đền bù, hỗ trợ của dự án.

5.2. Hạng mục công trình và hoạt động kèm theo các tác động xấu đến môi trường theo các giai đoạn của dự án

Tóm tắt các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường như sau:

Hạng mục công trình/Hoạt động	Các tác động xấu đến môi trường				
	Đất	Nước	Không khí	Tài nguyên sinh học	Kinh tế - xã hội
I. Giai đoạn xây dựng					
San nền, hệ thống giao thông, xây dựng các hạng mục công trình	++	+++	++	+	+
Hệ thống cấp, thoát nước và xử lý nước thải	+	+	++	+	+
Hệ thống cấp điện, Vía hè, cây xanh	++	++	++	+	+
Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường	++	+++	++	+	+
II. Giai đoạn hoạt động					
Hoạt động của phương tiện ra vào dự án	+	+	++	+	+
Sinh hoạt của công nhân viên	+	+++	+	+	+
Công đoạn cắt xẻ tấm lợp và cắt xẻ thép	+	+	++	+	+
Công đoạn đùn ép tạo hình sản phẩm	+	++	++	+	+
Công đoạn phun sơn	+	+	+++	+	+

Ghi chú: +: Ít tác động có hại;

++: Tác động có hại ở mức độ trung bình;

+++ : Tác động có hại ở mức độ cao;

5.3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

* **Giai đoạn xây dựng**

* **Khí thải:**

- Quá trình vận chuyển các nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công làm rơi vãi nguyên vật liệu, và bụi cuốn theo phương tiện vận chuyển;
- Bụi phát sinh khi các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công đốt cháy nhiên liệu;

* **Nước thải:**

- Nước thải thi công: từ quá trình rửa máy móc, thiết bị; hoạt động thi công xây dựng dự án phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ.
- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 2 m³/ngày, có thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất hữu cơ.
- Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

* **Chất thải rắn:**

- Chất thải rắn xây dựng: quá trình xây dựng gồm: đất đá, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, xi măng, gạch vỡ, bao bì đựng vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép,... là 4,07 tấn/giai đoạn.
- Chất thải rắn sinh hoạt: 10 kg/ngày
- Chất thải rắn nguy hại: tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 32,5 kg/tháng.

* **Giai đoạn hoạt động**

Bụi, khí thải

- Bụi và khí thải phát sinh ra do phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào nhà máy, máy phát điện dự phòng chủ yếu là các khí CO, NO_x;
- Bụi phát sinh từ công đoạn cắt xẻ tấm lợp và cắt xẻ thép: dự báo nồng độ bụi phát sinh tối đa là 0,4 mg/Nm³ nằm trong giới hạn cho phép môi trường lao động.
- Khí thải phát sinh từ công đoạn đun ép tạo hình sản phẩm: dự báo nồng độ Axeton và phenol phát sinh tối đa là 14,96 mg/Nm³. Tuy nhiên Axeton không quy định giới hạn, nồng độ phenol nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 20/2009/BTNMT.

Nước thải

- Nước thải sinh hoạt:
 - + Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên trong công ty và nước thải từ nhà bếp: 11,55 (m³/ngày đêm), có thành phần ô nhiễm chủ yếu là TSS, chất hữu cơ, dầu mỡ;
 - Nước làm mát được sử dụng tuần hoàn, cam kết không thải bỏ ra ngoài môi

trường.

- Nước mưa chảy tràn có thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng.

Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt gồm chủ yếu thức ăn thừa và chất vô cơ như nilon, giấy, chai nhựa,...: phát sinh trung bình 75 kg/ngày tương đương 23,4 tấn/năm.

- Bùn thải từ bể tự hoại, hồ ga thoát nước và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: 1 tấn/năm.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: bao gồm bavia thép, bavia tôn, bavia nhựa và sản phẩm lỗi hỏng, khuôn thải,... phát sinh với khối lượng khoảng **40.289** kg/năm.

- Chất thải rắn nguy hại: bóng đèn huỳnh quang thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải, bao bì nhựa cứng thải, bao bì kim loại thải,....phát sinh với khối lượng khoảng **2.004** kg/năm.

5.4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

5.4.1 Các biện pháp giảm thiểu tác động đối với môi trường không khí

*** Giai đoạn xây dựng**

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- Che kín mọi phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng (cát, đất, xi măng, đá...) để tránh phát tán bụi;

- Không vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm;

- Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công;

- Vật liệu xây dựng được chứa trong các kho chứa để quản lý, tránh hiện tượng phát tán bụi ra môi trường xung quanh;

- Thiết bị và máy móc cơ khí được bảo trì thường xuyên để giảm thiểu ô nhiễm do khói xe;

- Không đốt các nguyên vật liệu tại khu vực dự án;

- Phun, tưới nước thường xuyên để giảm thiểu lượng bụi phát tán.

- Lắp đặt tấm chắn cao 2m để hạn chế bụi phát sinh ra khu vực xung quanh;

*** Giai đoạn vận hành**

Bụi, khí thải và tiếng ồn từ các phương tiện giao thông

- Thiết kế tăng ma sát tại đường dốc dẫn vào cổng chính của dự án để hạn chế tốc độ của các phương tiện ra vào;

- Tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi về giao thông nhằm phân luồng xe ra vào hợp lý và thuận tiện;

- Trồng nhiều cây xanh tại các khu vực đất trống tạo cảnh quan, không gian

xanh. Trồng cây xanh là biện pháp hỗ trợ tích cực để vừa giúp lọc không khí và tạo cảnh quan cho khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, chắn tiếng ồn... Cây xanh lựa chọn trồng tại khu vực dự án là cây bản địa, dễ dàng thích nghi với điều kiện khí hậu của địa phương;

- Thường xuyên quét dọn, phun nước tưới nước mặt đường để giảm thiểu lượng bụi phát sinh;

5.4.2 Các công trình và biện pháp xử lý nước thải

*** Giai đoạn xây dựng**

- Nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường:
 - + Tổ chức hợp lý các nguồn nhân lực trong các giai đoạn thi công tránh tình trạng tập trung quá đông nhân công.

- + Đối với nước thải sinh hoạt: trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình bổ sung nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được xử lý bằng nhà vệ sinh, dự án dự kiến lắp 02 nhà vệ sinh loại 2.000 lít. Vị trí đặt nhà vệ sinh di động được bố trí ngay khu vực cuối khu đất. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bùn cặn vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- + Ban hành nội quy nghiêm cấm công nhân phóng uế, vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

- + Tăng cường nhắc nhở cán bộ nhân viên ý thức tiết kiệm sử dụng nước và tuân thủ nội quy quy định của công ty.

- Nước mưa chảy tràn và nước thải thi công:

- + Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước thải trong khu vực dự án.

- + Các tuyến thoát nước mưa, nước thải thi công được thực hiện phù hợp với quy hoạch thoát nước của dự án cũng như của toàn khu vực nói chung.

- + Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị được dẫn vào hệ thống thu gom riêng, qua song chắn rác, hố ga lắng cặn (bên trong hố ga có tấm vật liệu thấm dầu để thấm hút toàn bộ dầu thải từ nước thải thi công). Công ty bố trí 02 hố ga với kích thước của mỗi hố ga lắng cặn là $L \times B \times H = 1\text{m} \times 1\text{m} \times 1\text{m}$, để xử lý sơ bộ nước thải thi công:

Nước thải thi công → Hố ga (có vật liệu thấm dầu) → Hố lắng tập trung → Tuần hoàn lại cho hoạt động thi công, phun ẩm.

- + Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát thải.

+ Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

*** Giai đoạn vận hành**

Biện pháp xử lý nước mưa chảy tràn

- Công thoát là hệ thống cống bê tông tròn cốt thép đúc sẵn $\varnothing$ 1000 mm. Độ dốc của cống là 0,1%.

- Lắp đặt hệ thống song chắn rác tại các hố ga để tách rác có kích thước lớn ra khỏi nguồn nước, rác đọng lại trên song được thu gom theo chất thải rắn.

- Khi vào mùa mưa, hàng tháng phải có đội vệ sinh môi trường vệ sinh, nạo vét các hố ga, đường cống dẫn nước, không để rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

Giáo dục ý thức (hoặc có biện pháp) để công nhân làm việc trong Dự án luôn vệ sinh sạch sẽ khu vực sinh sống của mình và thu gom rác thải đúng nơi quy định.

Biện pháp tuần hoàn nước làm mát

Nước làm cho dây chuyền $\rightarrow$ Tháp giải nhiệt $\rightarrow$ Bể chứa nước tuần hoàn $\rightarrow$ Dây chuyền sản xuất.

Biện pháp xử lý nước thải tập trung:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ được dẫn về HTXL nước thải tập trung với công suất 15 m³/ngày đêm để xử lý, quy trình xử lý như sau:

+ NTSH sau xử lý sơ bộ $\rightarrow$ Hố thu gom $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể thiếu khí $\rightarrow$ Bể hiếu khí (MBR) $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ Nước thải đầu ra đạt QCVN 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy}= 0,9).

5.4.3. Công trình lưu giữ chất thải

*** Giai đoạn xây dựng**

Toàn bộ lượng chất thải phát sinh sẽ thu gom, phân loại và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (như Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11,...) với tần suất thu gom 1tuần/lần khi đầy thùng để vận chuyển.

*** Giai đoạn hoạt động**

Bố trí khu lưu giữ tạm thời chất thải thông thường và chất thải nguy hại với tổng diện tích khoảng 60 m² có dán biển báo theo quy định. Trong đó, diện tích khu lưu giữ chất thải thông thường là 30 m² và diện tích khu lưu giữ chất thải nguy hại là 30 m². Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý (như Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11,...).

5.4.4. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải

*** Giai đoạn xây dựng**

a, Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, tránh làm việc vào giờ nghỉ của dân cư, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông và giờ cao điểm, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe để giảm tối đa tiếng ồn phát sinh, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ. Ngoài ra, các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành vào đêm khuya.

- Các công nhân xây dựng sẽ được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động tốt;

- Ngoài ra, các phương tiện vận tải hạng nặng sẽ được quản lý tốt trong khi vận chuyển vật liệu xây dựng trong vùng đô thị để giảm phát sinh tiếng ồn.

b, Giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội

- Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát các khu vực thi công

- Kết hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý công nhân lao động.

- Đối với hệ thống đường giao thông: Kiểm tra độ chịu tải của hệ thống giao thông khu vực để xác định loại xe vận chuyển có trọng tải phù hợp khi tham gia giao thông. Có các giải pháp khắc phục và sửa chữa các tuyến đường hư hỏng do quá trình thi công của dự án gây ra để đảm bảo không ảnh hưởng đến đi lại của người dân trong khu vực.

- Trong quá trình thi công xây dựng lượng khí thải và chất thải phát sinh sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, hiện tượng sụt lở đất có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến chất lượng đất và công trình ở gần. Vì vậy trong quá trình thi công cần tuân thủ đúng các quy trình kỹ thuật đã thiết kế, thi công.

- Thi công theo phương án thiết kế đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

*** Giai đoạn hoạt động**

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Hầu hết các loại máy móc, thiết bị dự kiến sử dụng đều có mức ồn không lớn lắm. Để giảm tiếng ồn Nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Giảm thiểu tiếng ồn tại nguồn bằng việc cân bằng động các cơ cấu quay, thiết kế các bộ phận giảm âm.

- Các thiết bị gây ồn lớn như: Máy cắt, máy phát điện, máy bơm,... áp dụng phương pháp cách âm, cách ly và tách riêng biệt.

- Đối với các thiết bị không thể cách ly (máy bơm, quạt gió...), tại các ống hút, ống đẩy sử dụng các môi nổi mềm. Lắp các chi tiết giảm ồn và rung, ống giảm thanh và gioăng cao su, lò xo giảm chấn.

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.

Đặc biệt công nhân làm việc ở bộ phận tiếng ồn lớn được trang bị đầy đủ các thiết bị và dụng cụ chống ồn cá nhân (mũ, nút bịt tai).

b. Biện pháp giảm thiểu nhiệt dư

- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng với chiều cao hợp lý đảm bảo cho không khí bên ngoài và không khí bên trong nhà xưởng lưu thông, trao đổi dễ dàng, giảm thiểu bức xạ nhiệt do ánh nắng mặt trời và nguồn hơi nóng do hoạt động sản xuất.

- Lắp đặt các quạt công nghiệp tại khu vực phát sinh nhiệt.

c. Các vấn đề về an toàn lao động

- Trang bị kiến thức đầy đủ cho công nhân trước khi công nhân bước vào làm việc chính thức, cần có thời gian đào tạo ngắn hạn để đảm bảo công nhân hiểu rõ quy trình làm việc của máy móc và thực hiện nghiêm ngặt quy trình đảm bảo an toàn lao động.

- Trang bị các phương tiện an toàn lao động cho công nhân như quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, mũ bảo hộ, ...

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, chế độ vận hành của các thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao và các thiết bị tại các công đoạn sử dụng hóa chất.

- Nhà máy sẽ thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên trong Nhà máy.

5.5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án

Giám sát trong giai đoạn thi công, xây dựng

**** Giám sát môi trường không khí xung quanh***

- Số mẫu: 02 mẫu;

- Vị trí giám sát: Đầu và cuối khu đất thực hiện dự án;

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, TSP, SO₂, CO, NO₂

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

**** Giám sát chất thải rắn***

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

- Định kỳ chuyển giao CTR thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Cụ thể:

- Vị trí giám sát: Khu lưu giữ chất thải thông thường và chất thải nguy hại;

- Thông số giám sát: Lượng thải; thành phần;

- Tần suất giám sát: Một lần sau quá trình thi công xây dựng, tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm

Chủ dự án có trách nhiệm giám sát mẫu nước thải, khí thải trong quá trình vận

hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Giám sát trong giai đoạn hoạt động

**** Giám sát chất thải rắn***

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

- Định kỳ chuyển giao CTR thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Cụ thể:

- Vị trí giám sát: Khu lưu giữ chất thải thông thường và chất thải nguy hại;
- Thông số giám sát: Lượng thải; thành phần;
- Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình hoạt động và định kỳ 1 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chương 1. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

1.1.1. Tên dự án

Tên Dự án : **Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải**

Địa điểm thực hiện dự án : Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

1.1.2. Chủ đầu tư dự án

Chủ đầu tư : **Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương**

Địa chỉ trụ sở chính : số 45D phố Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Quyết định chủ trương đầu tư : Số 95/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp

:

Người đại diện theo pháp luật : **Ông Đỗ Trọng Thực** – Chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại : 024.38233880

- Nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 158.401.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm linh một triệu đồng). Trong đó:

+ Vốn góp để thực hiện dự án: 50.000.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng), chiếm 31,6 % tổng vốn đầu tư;

+ Vốn vay: 108.401.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm linh tám triệu bốn trăm linh một triệu), chiếm 68,4 % tổng vốn đầu tư.

- Tiến độ thực hiện dự án như sau:

Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 95/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp thì trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày cấp quyết định chủ trương đầu tư công ty sẽ hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đền bù, giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, do công tác đền bù, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn nên đến nay quá trình triển khai dự án đã bị chậm so với tiến độ đăng ký trong quyết định chủ trương. Tiến độ thực hiện dự án được điều chỉnh như sau:

+ Từ tháng 10/2022 đến tháng 10/2024: Hoàn thiện các thủ tục pháp lý, đền bù và giải phóng mặt bằng;

+ Từ tháng 11/2024 đến tháng 2/2025: San lấp mặt bằng

+ Từ tháng 3/2025 đến tháng 6/2025: Xây dựng các hạng mục công trình;

+ Từ tháng 7/2025 đến tháng 10/2025: Lắp đặt máy móc, thiết bị, đưa một phần dự án đi vào hoạt động và vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường;

+ Từ tháng 11/2025: Hoàn thiện tất cả các hạng mục công trình, đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.1.3. Vị trí địa lý dự án

- Dự án Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải thực hiện trên khu đất có diện tích sử dụng khoảng 20.433 m² thuộc địa bàn xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Vị trí địa lý của dự án cụ thể như sau:
- + Phía Bắc giáp quốc lộ 38 mới;
- + Phía Nam giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Đông giáp mương liên kề thủy lợi;
- + Phía Tây giáp đất sản xuất nông nghiệp.



Hình 1.1. Vị trí thực hiện dự án

Bảng 1.1. Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3⁰) các điểm mốc ranh giới thực hiện dự án

Điểm	X	Y
1	2.312.329	554.427
2	2.312.889	554.371
3	2.313.048	554.549
4	2.312.988	554.605

*** Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án**

- Tổng diện tích thực hiện thu hồi của dự án khoảng 26.683,9 m² đất thuộc xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Trong đó phần diện tích đất xã Đình Dù là 22.970 m² (bao gồm diện tích đất trồng lúa là 18.711 m², diện tích đất giao thông là 1.738,3 m², đất thủy lợi là bị thu hồi của các hộ dân chủ yếu là đất trồng lúa (39.875,2 m²), còn lại là đất giao thông (3.463,3m²) và đất thủy lợi (1.199,3 m²).

Tổng diện tích đất để thực hiện dự án là 20.433 m², diện tích hành lang giao thông đường QL 38 mới có diện tích 2.027 m², diện tích làm đường giao thông nội đồng là 2.389 m² và diện tích đất trồng lúa xen kẹt giao UBND xã quản lý là 121,8 m². Số hộ dân bị thu hồi đất là 99 hộ.

Bảng 1.2. Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất theo ranh giới dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ(%)	Đánh giá
1	Đất trồng lúa	39.875,2	89,53	Thuận lợi xây dựng
2	Đất giao thông	3.463,3	7,78	Thuận lợi xây dựng
3	Đất thủy lợi	1.199,3	2,69	Thuận lợi xây dựng
Tổng diện tích khu đất		44.537,8	100	

- Trong khu vực thực hiện dự án không có công trình nhà ở hoặc lán trại tạm của người dân.

- Đối với ruộng thủy lợi trong khu đất dự án: Dự án thu hồi phần diện tích đất bao gồm cả đất thủy lợi của kênh tiêu T₁₋₄ trạm bơm Đình Dù nằm trong khu đất. Nhiệm vụ của kênh tiêu T₁₋₄ này là tiêu nước cho phần diện tích đất canh tác mà dự án đã thu hồi và phần diện tích đất canh tác của khu vực xung quanh dự án.

Kênh tiêu T₁₋₄ là kênh tiêu thoát nước của khu vực, do đó việc thu hồi và san lấp phần kênh ruộng thủy lợi này khi thực hiện dự án sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực dự án.

Vì vậy, khi triển khai thực hiện dự án, chủ đầu tư sẽ thực hiện hoàn trả kênh tiêu T₁₋₄ và hoàn trả các cống đầu kênh, cống trên kênh theo đúng biên bản thỏa thuận về việc thống nhất phương án, chỉ tiêu kỹ thuật công trình thủy lợi với các đơn vị quản lý công trình thủy lợi. Hiện trạng không có kết cấu tài sản nào trên công trình thủy lợi này.

*** Mối tương quan giữa dự án với các đối tượng xung quanh:**

- Giao thông:

Dự án nằm tiếp giáp đường quốc lộ 38 mới do vậy, điều kiện giao thông về tương lai tương đối thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu và tiêu thụ,

phân phối sản phẩm tới các địa phương, thành phố khác.

- Thủy văn:

Qua khu vực huyện Văn Lâm có hệ thống thủy nông Bắc Hưng Hải có nhiệm vụ điều tiết nước mặt thông qua các sông Cũ An, Kim Ngưu và Điện Biên. Kết hợp với hệ thống sông thủy lợi nội đồng (hồ ao, kênh, mương) để đảm bảo được yêu cầu cấp nước cho sản xuất nông nghiệp. Gần khu đất thực hiện dự án là kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù, kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù tiêu thoát nước cho toàn bộ các dự án xung quanh. Cách khu đất thực hiện dự án khoảng 1500m về phía Tây Nam là sông Điện Biên nơi tiếp nhận nước thải và nước mưa chảy tràn của khu vực xung quanh dự án.

- Khu dân cư:

Khu đất thực hiện dự án nằm gần khu dân cư, khoảng cách gần nhất tới khu dân cư thôn Ngải Dương khoảng 300m về phía Tây Nam và khoảng cách tới khu dân cư thôn Ngĩa Dương khoảng 300m về phía Tây Bắc của dự án. Chủ dự án cần có biện pháp giảm thiểu tác động tới cộng đồng dân cư sinh sống và làm việc gần khu vực thực hiện dự án.

- Di tích văn hoá - lịch sử:

Trong khu vực dự án không có công trình kiến trúc, công trình Quốc gia và di tích lịch sử văn hoá.

1.1.4. Mục tiêu, quy mô công suất, công nghệ và loại hình dự án

* *Mục tiêu của dự án:* Sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải.

* *Quy mô của dự án:* Công suất 2.200 Sản phẩm/năm

- Loại hình dự án: Dự án công nghiệp sản xuất, mới và vốn đầu tư 100% trong nước. Dự án thuộc nhóm B theo phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công. Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa.

1.2. Các hạng mục công trình của dự án

1.2.1. Danh mục máy móc, thiết bị tại dự án

1.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị giai đoạn thi công, xây dựng

STT	Loại thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Ô tô vận tải thùng 15 Tấn	Chiếc	4
2	Máy ủi 160 CV	Chiếc	1
3	Xe lu 10 tấn	Chiếc	1
4	Cần trục ô tô 16 tấn	Chiếc	2
5	Máy xúc lật loại 1,25m ³ /gầu	Chiếc	2
6	Máy san 180CV	Chiếc	1
7	Máy đào 1 gầu, bánh hơi 1,25m ³ /gầu	Chiếc	2
8	Máy ép cọc	Chiếc	1

STT	Loại thiết bị	Đơn vị	Số lượng
9	Máy kéo	Chiếc	1
10	Máy trộn bê tông	Chiếc	1
11	Bơm bê tông	Chiếc	1
12	Cần trục di động	Chiếc	1
13	Máy nén	Chiếc	1
14	Máy hàn	Chiếc	2
15	Máy khoan	Chiếc	2
16	Máy cưa	Chiếc	1

1.2.1.2. Giai đoạn hoạt động

Để phục vụ cho quá trình sản xuất của dự án Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương sẽ đầu tư thiết bị máy móc mới 100% đồng bộ, hiện đại. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình vận hành của dự án gồm:

Bảng 1.3. Danh mục thiết bị máy móc dùng trong sản xuất của Dự án

STT	Máy móc	Đơn vị	Số lượng	Năm sản xuất	Tình trạng	Nguồn gốc
I	Máy móc, thiết bị sản xuất					
1	Máy cắt	Chiếc	2	2025	Mới 100%	Trung Quốc, Đài Loan
2	Máy đột dập	Chiếc	2	2025	Mới 100%	Trung Quốc, Đài Loan
3	Súng phun sơn	Chiếc	2	2025	Mới 100%	Trung Quốc, Đài Loan
4	Máy đóng gói	Chiếc	2	2025	Mới 100%	Trung Quốc, Đài Loan
5	Hệ thống khuôn	HT	10	2025	Mới 100%	Trung Quốc, Đài Loan
6	Tháp giải nhiệt	Chiếc	1	2025	Mới 100%	Trung Quốc, Đài Loan
II	Thiết bị phụ trợ					
1	Thiết bị văn phòng	HT	1	2025	Mới 100%	Việt Nam
2	Thiết bị vận chuyển	Chiếc	4	2025	Mới 100%	Việt Nam
3	Máy phát điện công suất 350 KVA	Chiếc	2	2025	Mới 100%	Việt Nam
4	Cầu trục	Chiếc	29	2025	Mới 100%	Việt Nam
5	Xe nâng	Chiếc	3	2025	Mới 100%	Việt Nam
6	Xe ô tô con	Chiếc	3	2025	Mới 100%	Việt Nam
7	Xe thùng 5 tấn	Chiếc	2	2025	Mới 100%	Việt Nam
8	Xe thùng 15 tấn	Chiếc	10	2025	Mới 100%	Việt Nam

9	Xe sơ mi ro mooc	Chiếc	10	2025	Mới 100%	Việt Nam
---	------------------	-------	----	------	----------	----------

1.2.2. Các hạng mục công trình chính

Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương xây dựng trên khu đất có diện tích 20.433 m². Công ty sẽ bố trí xây dựng các hạng mục công trình chính với diện tích cụ thể như sau:

* Các hạng mục công trình chính:

- Nhà điều hành: có diện tích 449,82 m²;
- Nhà xưởng sản xuất kết hợp kho: có diện tích 7.200 m²;
- Các phân xưởng sản xuất kết hợp kho: có diện tích 9.920 m²;
- Nhà ăn + Nhà nghỉ công nhân: có diện tích 720 m²;

Các hạng mục công trình đầu tư chính phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh, của Dự án.

1.2.3. Các hạng mục công trình phụ trợ

* Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án bao gồm:

- Cổng chính và cổng phụ
- Nhà bảo vệ + điều hành trạm cân: có diện tích 18 m²;
- Nhà bảo vệ + nhà bơm PCCC: 31,35 m²;
- Trạm biến áp: có diện tích 9 m²;
- Trạm cân điện tử: có diện tích 18 m²;
- Nhà để xe cán bộ: có diện tích 261,6 m²;
- Nhà để xe công nhân kết hợp bể nước ngầm: có diện tích 620 m²;
- Hồ cảnh quan kết hợp PCCC: có diện tích 1.350 m²;
- Khu xử lý môi trường: có diện tích 180 m²;
- Đất cây xanh: 8.112 m²;
- Sân đường nội bộ: có diện tích 11.074,23 m².

1.2.4. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Khu xử lý nước thải tập trung: Công ty sẽ đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, đảm bảo chất lượng nước sau xử lý đạt GHCP theo QCVN 01:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K=1,2$; $K_{hy}= 0,85$).

Quy trình xử lý: NTSH sau xử lý sơ bộ → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBR) → Bể khử trùng → Nước thải đầu ra đạt QCVN 01:2019/HY($K=1,2$; $K_{hy}= 0,85$).

- Khu lưu giữ chất thải rắn: Công ty bố trí 01 khu có diện tích khoảng 60 m² để làm khu lưu giữ chất thải rắn thông thường và nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy. Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải (như Công ty cổ phần Môi trường đô thị và Công nghiệp 11 – Urenco 11,...). Tần suất thu gom, xử lý theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Hệ thống PCCC:

+ *Hệ thống báo cháy*: Để đảm bảo việc báo cháy cho công trình, công trình sử dụng hệ thống báo cháy thông thường bao gồm các đầu báo khói và tủ điều khiển báo cháy. Các đầu báo cháy được nối với nhau theo từng vùng. Việc bố trí và lắp đặt các đầu báo khói đảm bảo theo tiêu chuẩn của PCCC. Tủ báo cháy được lắp ở khu vực có người trực 24/24h, như nhà thường trực. Để đảm bảo cho việc thoát hiểm khi có sự cố xảy ra, công trình được thiết kế hệ thống chiếu sáng dẫn hướng thoát hiểm và chiếu sáng thoát hiểm bằng các bộ đèn có pin tại chỗ đặt các lối ra như sảnh chính, hành lang và các phòng làm việc, các khu vực dịch vụ, hoạt động dịch vụ.

+ *Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm*: Bộ phận điều khiển, bộ phận cung ứng, dự trữ chất chữa cháy, bộ phận phân bố chất chữa cháy và đầu phun, lăng phun, bộ phận đường ống.

+ *Hệ thống đường nội bộ bên trong và bên ngoài*: được thông suốt, đảm bảo theo đúng quy định về PCCC.

- Hệ thống cấp và thoát nước:

+ *Hệ thống cấp nước*: công ty sử dụng nước sạch được cung cấp bởi nhà máy cấp nước sạch khu vực xung quanh dự án.

+ *Hệ thống thoát nước*: Thiết kế hệ thống thoát nước tách rời giữa nước thải và nước mưa.

+ *Hệ thống thoát nước mưa*: Gồm hố ga thu nước mưa chảy tràn và hệ thống cống thoát nước. Cống thoát là hệ thống cống bê tông tròn cốt thép đúc sẵn $\varnothing 600$ mm. Độ dốc của cống là 0,1%.

+ *Hệ thống thoát nước thải*: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ rồi được dẫn ra hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo giới hạn cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận theo đường ống nhựa D200 với chiều dài khoảng 100m, độ dốc 0,5%.

- *Hệ thống cấp điện*: Điện cung cấp cho các hoạt động sản xuất của Dự án, chiếu sáng, sinh hoạt, bơm nước và an ninh.

Nguồn điện cấp cho dự án được cấp từ Điện lực Văn Lâm. Ước tính nhu cầu sử dụng điện phục vụ cho quá trình hoạt động của dự án khoảng 2.000.000 KWh/năm.

Tổng hợp các hạng mục công trình chính, phụ trợ và công trình bảo vệ môi trường dự kiến theo mặt bằng quy hoạch tổng thể của dự án như sau:

Bảng 1.5: Diện tích đất sử dụng của Dự án

TT	Hạng mục công trình	Số tầng	Đơn vị	Diện tích xây dựng	Tình trạng
I	Hạng mục công trình chính				
1	Nhà điều hành	3	m ²	151	Xây dựng mới
2	Nhà xưởng + nhà kho	1	m ²	7.280	Xây dựng mới

3	Nhà xưởng + nhà kho	1	m ²	1.920	Xây dựng mới
II	Hạng mục công trình phụ trợ				
1	Nhà bảo vệ	1	m ²	18	Xây dựng mới
2	Trạm cân	1	m ²	59,4	Xây dựng mới
2	Cổng phụ	1	m ²	-	Xây dựng mới
3	Nhà bơm, bể PCCC	1	m ²	180	Xây dựng mới
4	Trạm biến áp	1	m ²	35,5	Xây dựng mới
5	Nhà để xe	1	m ²	78	Xây dựng mới
6	Nhà để xe	1	m ²	34	Xây dựng mới
7	Cây xanh	-	m ²	4.086,95	Trồng mới
8	Đường nội bộ	-	m ²	6.590,15	Xây dựng mới
III	Hạng mục công trình BVMT				
1	Trạm xử lý NTSH (xây ngầm)		m ²	50	Xây dựng mới
2	Khu lưu giữ chất thải rắn		m ²	20	Xây dựng mới
3	Hệ thống cấp nước		HT	01	Xây dựng mới
4	Hệ thống thoát nước mưa		HT	01	Xây dựng mới
5	Hệ thống cấp điện		HT	01	Xây dựng mới
	Tổng		m²	20.433	

(Nguồn: Mặt bằng quy hoạch tổng thể của dự án)

1.2.5. Hiện trạng sử dụng đất khu đất thực hiện dự án; sự phù hợp địa điểm thực hiện dự án

1.2.5.1. Hiện trạng sử dụng đất trên khu đất dự án

- Tổng diện tích thực hiện thu hồi của dự án khoảng 26.683,9 m² đất thuộc xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Trong phần diện tích đất bị thu hồi của các hộ dân chủ yếu là đất trồng lúa (39.875,2 m²), còn lại là đất giao thông (3.463,3m²) và đất thủy lợi (1.199,3 m²).

Tổng diện tích đất để thực hiện dự án là 20.433 m², diện tích hành lang giao thông đường QL 38 mới có diện tích 2.027 m², diện tích làm đường giao thông nội đồng là 2.389 m² và diện tích đất trồng lúa xen kẹt giao UBND xã quản lý là 121,8 m². Số hộ dân bị thu hồi đất là 99 hộ.

Hiện trạng sử dụng đất không có công tình nhà ở, lán trại tạm, không có rác thải tồn đọng, không có mỏ mả cần di chuyển.

1.2.5.2. Hiện trạng kiến trúc- cảnh quan

Trong khu vực nghiên cứu hiện trạng cảnh quan không có giá trị kiến trúc đô thị, chủ yếu là đất nông nghiệp, kênh mương nội đồng, cây bụi.

1.2.5.3. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

a. Hiện trạng giao thông:

Khu vực thực hiện dự án tiếp giáp với đường quốc lộ 38 mới đoạn qua thôn Đình Dù, xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm.

b. Cấp điện, chiếu sáng và thông tin liên lạc

- Hệ thống cấp điện: Điện cung cấp cho các hoạt động sản xuất của Dự án, chiếu sáng, sinh hoạt, bơm nước và an ninh.

- Nguồn điện cấp cho dự án có điện áp 220 kV do điện lực địa phương cung cấp.

c. Cấp, thoát nước

Nhà máy sẽ sử dụng nước sạch để cấp cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại dự án. Nguồn cung cấp nước sạch dự kiến mua từ công ty cổ phần nước sạch Đình Dù có địa chỉ tại xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Toàn bộ lượng nước mưa và nước thải sau xử lý của công ty được thải ra kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù (nằm ở phía Đông của dự án) thuộc xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Đường thu gom, thoát nước thải tách riêng biệt với đường thu gom, thoát nước mưa.

1.2.5.4 Đánh giá sự phù hợp của địa điểm dự án

- Dự án Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải nằm trên địa bàn xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm phù hợp với quy hoạch xây dựng vùng huyện Văn Lâm của UBND tỉnh Hưng Yên.

- Hệ thống giao thông đối ngoại rất thuận lợi để đi lại và kết nối với các khu vực xung quanh nhờ tuyến đường tỉnh quốc lộ 38 mới.

- Khu vực thực hiện dự án không quá gần khu tập trung đông cư nên giảm thiểu được tác động của hoạt động sản xuất đến các đối tượng xung quanh.

- Khu vực quy hoạch thuận lợi cho công tác đầu tư xây dựng, hiện trạng phải di chuyển không đáng kể, đất quy hoạch là đất ruộng, nên kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng không lớn.

Nhìn chung, địa điểm khu vực thực hiện dự án là phù hợp với quy hoạch chung của khu vực và các chính sách của Nhà nước, của tỉnh và của huyện.

Dự án là động lực phát triển, góp phần từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội của địa phương từ nông nghiệp sang công nghiệp; tạo việc làm cho người dân đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng về các sản phẩm tấm lợp nhựa, tấm lợp tôn.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1 Nhu cầu nguyên liệu

*** Giai đoạn thi công xây dựng**

Nhà máy thực hiện xây dựng mới toàn bộ các hạng mục công trình, nhu cầu sử dụng một số nguyên liệu như sau:

Bảng 1.6. Nhu cầu nguyên liệu cần sử dụng của dự án

TT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng	Nguồn cung cấp
1	Cát đen san nền	m ³	21.965,7	Văn Lâm – Hưng Yên
2	Khung kết cấu thép	Tấn	3.200	
3	Xi măng	Tấn	2.980	
4	Cát vàng	m ³	6.500	
5	Đá dăm	m ³	3.500	
6	Bê tông thương phẩm	m ³	4.300	
7	Gạch lát	m ²	20.000	
8	Gạch xây	viên	100.100	
9	Tôn	m ²	20.000	
10	Que hàn	kg	150	
11	Sơn tường	kg	650	
12	Sơn sàn	kg	120	

*** Giai đoạn hoạt động sản xuất**

Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất của dự án như sau:

Bảng 1.7. Nhu cầu nguyên liệu cần sử dụng của dự án

TT	Nguyên liệu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
I	Nguyên liệu			
1	Hạt nhựa Poly cacbonat	Tấn/năm	600,6	Việt Nam
2	Phụ gia chống tia UV	Tấn/năm	0,6	Việt Nam
3	Lớp phủ nano silicat	Tấn/năm	0,6	Việt Nam
II	Nguyên liệu phụ trợ			
1	Bao bì	Kg/năm	1.200	Việt Nam
2	Dầu mỡ	Lít/năm	1.120	Việt Nam
3	Hoá chất xử lý nước thải	Kg/năm	500	Việt Nam
4	Palet gỗ	Kg/năm	3.000	Việt Nam
5	Than hoạt tính	Kg/năm	50	Việt Nam

1.3.2. Nhu cầu sử dụng nước

Nhà máy sẽ sử dụng nước sạch để cấp cho các hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại dự án, nhu cầu sử dụng cụ thể như sau:

- Nước cấp cho sinh hoạt: trong giai đoạn dự án đi vào vận hành cần khoảng 165 cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án, với mức tiêu thụ nước trung bình của một người là khoảng 70 lít/ngày (QCVN 01:2021/BXD của Bộ xây dựng trong trường hợp nhà máy tổ chức ăn 01 bữa trưa cho cán bộ công nhân viên);

- Nước cấp cho công đoạn làm mát máy và khuôn đúc trong quá trình sản xuất tấm nhựa thông minh polycarbonat ($V_{\text{ban đầu}}=20\text{m}^3$), định kỳ bổ sung $2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$;
 - Nước cấp cho quá trình tưới cây, rửa đường: $2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.
 - Nước cấp cho PCCC: bổ sung khi cần thiết, bể chứa ngầm ban đầu khoảng 800 m^3 .
- Cụ thể nhu cầu sử dụng nước tối đa tại dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

TT	Mục đích sử dụng nước	Định mức cấp	Tổng lượng nước cấp
1	Cấp nước cho sinh hoạt công nhân viên nhà máy (165 người)	70 l/người/ngày	$11,55 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$
2	Nước cấp cho công đoạn làm mát máy	-	$2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$
3	Cấp nước tưới cây, rửa đường	-	$2 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$
Tổng			$15,55 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$

- Nhu cầu sử dụng điện

+ Nguồn điện cấp cho dự án có điện áp 220kV do điện lực địa phương cung cấp. Nguồn điện hạ thế 380/220V cấp cho các ki ốt được lấy từ trạm biến áp Kiot 22/0,4 kV.

+ Ước tính nhu cầu sử dụng điện phục vụ cho quá trình hoạt động của dự án khoảng 200.000 KWh/năm.

1.3.3 Sản phẩm của dự án

Quy mô của dự án: Sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải: 2.000 tấn/năm.

Hình ảnh SP

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành của dự án

1.4.1 Quy trình sản xuất thùng xe

Quy trình đóng thùng xe tải

B1: Kiểm tra nguyên liệu:

- Chọn cách thức làm thùng phù hợp.
- Kiểm tra nguồn gốc, chất lượng, số lượng, kích thước của vật liệu theo yêu cầu của đặt hàng của khách.

B2: Gia công và lắp ráp các chi tiết thuộc khung sàn của thùng:

- Chuẩn bị và gia công các nguyên liệu theo thiết kế rồi kiểm tra và làm sạch để cho ra các chi tiết thuộc khung sàn của thùng.
- Định vị đà ngang dọc, đà ngang, khung bao sàn trên bộ gá khung sàn xe rồi liên kết các chi tiết bằng phương pháp hàn hồ quang điện.

- Kiểm tra lại kích thước, khoảng cách của chi tiết sao khi hàn, kiểm tra chất lượng mối hàn giữa các chi tiết và làm sạch bề mặt mối hàn.

B3: Gia công khung xương cho thùng:

- Chuẩn bị và gia công các nguyên liệu theo thiết kế rồi kiểm tra và làm sạch để cho ra các chi tiết thuộc khung xương thùng.

- Định vị các chi tiết trên bộ gá khung xương rồi liên kết các chi tiết bằng phương pháp hàn hồ quang điện.

- Kiểm tra kích thước, khoảng cách của các chi tiết sau khi hàn, kiểm tra sự biến dạng của khung sau khi hàn, kiểm tra chất lượng và làm sạch mối hàn giữa các chi tiết

B4: Gia công các chi tiết ốp ngoài/trong (vách, bửng) của khung thùng:

- Chuẩn bị và gia công vật liệu theo thiết kế để tạo thành các chi tiết như: vách trong/ngoài, bửng, khung bao viền thùng(thanh che các đầu đà) ống định vị kéo, kéo, các pat cường lực.

- Làm sạch các chi tiết sau khi gia công và kiểm tra lại trước khi lắp lên khung xương thùng xe.

B5: Tạo hình thùng xe:

- Định vị rồi hàn hồ quang điện các chi tiết như: khung sàn, khung vách, ống định vị kéo, khung bao viền thùng, pat cường lực.

- Kiểm tra lại kích thước của cả thùng xe sau khi hàn, lắp kéo vào ống định vị kéo và kiểm tra độ rơi, độ trượt (nếu là thùng kéo bạt), kiểm tra và làm sạch các mối hàn.

B6: Làm sạch và sơn chống gỉ lên thùng xe.

- Nếu là thùng kéo bạt thì B7 sẽ lắp các chi tiết như: bửng, kéo, bạt, bản lề tay khóa.

B7: Lắp khung thùng lên Chassis của xe:

- Chuẩn bị gỗ đệm, tai chống xô, tai liên kết thùng, bộ bước, vè (chấn bùn).
- Định vị gỗ đệm lên Chassis xe rồi đặt thùng lên gỗ đệm theo đúng vị trí thiết kế.

- Xiết chặt các bu-lông theo đúng lực quy định để cố định thùng trên Chassis của xe và lắp các chi tiết hoàn thiện thùng xe, lắp thêm hệ thống điện thùng xe (nếu có).

- Kiểm tra vị trí, lực xiết bu-lông, kiểm tra độ nghiêng của thùng so với Cabin xe, kiểm tra hệ thống điện thùng xe, vị trí kích thước, sự hoạt động của đèn chiếu sáng, tín hiệu của xe và thùng xe.

B8: Lắp các chi tiết ốp trong/ngoài lên thùng xe:

- Chuẩn bị vách, sàn, ốp trang trí. Gá và liên kết sàn vào khung sàn thùng bằng phương pháp hàn hồ quang điện, gá và cố định vách trong/ ngoài, ốp trang trí lên khung xương bằng đinh tán.

- Làm kín các mối ghép bằng keo Silicon.

- Kiểm tra độ phẳng, độ kín của vách và của sàn thùng, kiểm tra các mối hàn và mối ghép bằng đinh tán, kiểm tra độ kín và độ khít của các mối ghép.

B9: Làm sạch bề mặt tổng thể của cả xe và thùng.

Làm sạch bề mặt tổng thể thủ công.

B10: Kiểm tra cuối: Kiểm tra sự hoạt động của các hệ thống trên xe như: phanh, ly hợp, hệ thống điện thân xe(đồng hồ táp-lô, gạt nước, hệ thống đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu...).

B11: Vận hành trên đường: 9=Kiểm tra và đảm bảo chất lượng, sự ổn định thực tế của chiếc xe đã có thùng tải trước khi giao đến khách hàng.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công

- Để tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như sử dụng hiệu quả diện tích đất của Dự án, việc bố trí mặt bằng của Dự án đáp ứng các nguyên tắc chính sau:

- + Bố trí thuận tiện cho hoạt động giữa các hạng mục xưởng sản xuất cũng như các hạng mục khác của Dự án;

- + Bố trí hợp lý các vị trí của các bộ phận trong xưởng sản xuất tạo thuận lợi cho việc phối hợp hoạt động, liên kết giữa các dây chuyền sản xuất và quy trình hoạt động kinh doanh của Dự án;

- + Đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh trong quá trình sản xuất;

- + Tiết kiệm đất xây dựng, các nhà xưởng sản xuất chính được thoáng mát, các công trình phụ trợ như cấp nước, trạm xử lý nước;

- + Đảm bảo quy phạm phòng cháy chữa cháy;

- San nền

Mặt bằng san nền được thiết kế theo phạm vi ranh giới quy hoạch và tính toán san nền bằng lưới ô vuông 10x10m.

- + Vật liệu dùng để san lấp của dự án là cát đen. Ngoài ra, nếu dự án sử dụng vật liệu san nền là phế thải xây dựng và các vật liệu khác sẽ đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- + Cát lấp các mặt bằng phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật thi công, đắp theo từng lớp dày từ 20-30cm đảm bảo độ chặt yêu cầu K90.

- + Bóc tách lớp đất hữu cơ bề mặt dày 20 cm phạm vi đất trồng lúa theo quy định của Luật trồng trọt và theo Điều 10, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024

của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa và phải có phương án sử dụng tầng đất mặt được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Giải pháp thiết kế:

+ Lựa chọn cao độ san nền: Đất khu vực quy hoạch chủ yếu là đất ruộng và một số nương nhỏ. Địa hình khu vực hiện trạng khá bằng phẳng cốt cao độ trung bình 1,5 m, công ty tiến hành san lấp mặt bằng với cao độ trung bình 1,5 m.

Trước khi san nền cần tiến hành dọn dẹp mặt bằng và bóc lớp hữu cơ trên bề mặt, chiều dày bóc hữu cơ trung bình là 0,2 m. Khu vực đất thủy lợi sẽ bóc lớp bùn đáy ao với chiều dày 0,3 m trước khi đắp nền.

Chủ dự án đảm bảo sử dụng lượng đất bóc hữu cơ bề mặt tại dự án theo quy định của Luật trồng trọt và phải có phương án sử dụng tầng đất mặt được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo điều 10, Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Các công trình nhà xưởng sản xuất, nhà kho:

+ Các công trình nhà xưởng, kho lưu giữ hàng có kết cấu chính bằng khung thép tiền chế, cột dầm mái bằng thép, xà gồ thép hình, mái lợp tôn múi, có lớp cách nhiệt dọc theo mái bằng vật liệu cách nhiệt.

+ Nền nhà xưởng sản xuất đổ bê tông đá dăm xoa nhẵn mặt, trên sơn phủ.

+ Phòng điều hành quản lý lát gạch ceramic, nền khu vệ sinh lát gạch chống trơn và ốp tường bằng gạch men kính cao 2 m.

+ Tường nhà xây gạch cao 4 m, phía trên có treo tôn với hệ khung sườn thép. Trát tường trong và ngoài bằng vữa xi măng mác 50, lăn sơn.

+ Các cửa sổ của nhà sản xuất bằng kính khuôn nhôm sơn tĩnh điện, các cửa đi phục vụ sản xuất bằng cửa đẩy khung thép bịt tôn, các cửa đi cho các phòng làm việc bằng kính khuôn nhôm sơn tĩnh điện.

+ Toàn bộ các đường ống điều không thông gió, hệ thống trần nhà đều được treo trên hệ khung dầm mái nên trong thiết kế được tính toán để đảm bảo khả năng chịu tải của dầm.

- Công trình nhà văn phòng:

+ Đây là công trình dành cho hoạt động văn phòng, quản lý toàn bộ hệ thống hoạt động của công ty, bao gồm các phòng ban lãnh đạo kết hợp với phòng hội họp, phòng kỹ thuật, kế toán, khu tiếp khách, sảnh đón . . .

+ Kiến trúc của nhà điều hành được thiết kế một cách vững chắc, đơn giản, sử dụng hệ khung cột bê tông cốt thép toàn khối và tường bao 220 chống nóng và thấm cho nhà, mặt trước công trình được thiết kế toàn bộ là hệ thống vách kính tạo vẻ đẹp thẩm mỹ cho nhà điều hành, đồng thời công trình cũng tạo điểm nhấn cho nhà máy.

- Các công trình phụ trợ: Công trình có kết cấu chính bằng khung thép tiền chế, cột dầm mái bằng thép, xà gồ thép hình, mái lợp tôn mái, có lớp cách nhiệt dọc theo mái bằng vật liệu cách nhiệt. Tường nhà xây gạch mác 75, trát trong và ngoài bằng vữa XM mác 50, lăn sơn. Cửa đi, cửa sổ bằng kính khuôn nhôm sơn tĩnh điện. Nền đổ bê tông đá dăm xoa nhẵn mặt và sơn phủ bề mặt.

1.6. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ thực hiện dự án

- Tiến độ thực hiện dự án như sau:

Theo Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 124/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 05/2/2016, cáo điều chỉnh lần thứ nhất ngày 18/11/2024 thì trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư điều chỉnh lần thứ nhất chủ dự án phải hoàn thiện tất cả các hạng mục công trình và đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động. Tiến độ thực hiện dự án được điều chỉnh như sau:

- + Từ tháng 11/2024 đến tháng 1/2025: Hoàn thiện các thủ tục pháp lý;
- + Từ tháng 2/2025 đến tháng 3/2026: Xây dựng các hạng mục công trình;
- + Từ tháng 4/2026 đến tháng 7/2026: Lắp đặt máy móc, thiết bị, đưa một phần dự án đi vào hoạt động;
- + Từ tháng 8/2026: Hoàn thiện tất cả các hạng mục công trình, đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

1.6.2. Vốn đầu tư

- Nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 65.000.000.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi lăm tỷ đồng). Trong đó:

- + Vốn tự có để thực hiện dự án: 20.000.000.000 đồng (bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng), chiếm 30,77 % tổng vốn đầu tư;
- + Vốn vay: 45.000.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn mươi lăm tỷ đồng), chiếm 69,23 % tổng vốn đầu tư.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương cụ thể như sau:

Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng lao động của dự án

TT	Chức vụ	Số lượng (người)
1	Giám đốc	1
2	Phó giám đốc	1
3	Phòng Tài chính – Kế toán	2

4	Phòng kinh doanh	3
6	Phòng hành chính tổng hợp	2
11	Nhân viên kỹ thuật	4
12	Lái xe, Bảo vệ, tạp vụ	2
13	Công nhân	150
	Tổng cộng	165

Chế độ làm việc 8 giờ/ca, từ thứ 2 đến thứ 7. Thời gian làm việc tối đa cho 1 ngày là 2 ca.

** Chính sách tuyển dụng lao động và đào tạo:*

Doanh nghiệp ưu tiên sử dụng lao động là người địa phương, những đối tượng lao động thuộc hàng lao động phổ thông sẽ được đào tạo để phù hợp với những vị trí làm việc theo sự phân công của Ban Giám đốc Dự án.

Chương 2. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Điều kiện địa lý, địa chất

a. Vị trí địa lý

Văn Lâm là một trong 10 huyện của tỉnh Hưng Yên, nằm trên trục đường quốc lộ 5A. Toàn huyện có 10 xã và 01 thị trấn với tổng diện tích tự nhiên là 75,21 km², dân số tính đến năm 2022 của huyện có 138.812 người, mật độ dân số khoảng 1.846 người/km². Trên địa bàn có các sông như: sông Bún, sông Bắc Hưng Hải, sông Như Quỳnh, sông Kiên Thành chảy qua.

Toạ độ địa lý nằm trong khoảng 20⁰53’ đến 20⁰58’ vĩ độ Bắc từ 106⁰02’ đến 106⁰10’ kinh độ Đông.

Sông Luộc là ranh giới giữa huyện Văn Lâm với tỉnh Thái Bình và sông Cửu An là ranh giới giữa huyện với tỉnh Hải Dương.

Trên địa bàn huyện Văn Lâm, có hệ thống các tuyến giao thông quan trọng như: quốc lộ 5A, 5B, 39A, kết hợp với các tỉnh lộ (ĐT 385, ĐT 376,...), đường sắt Hà Nội-Hải Phòng, cùng hệ thống giao thông liên thôn, liên xã và đường nội đồng. Mạng lưới giao thông chạy qua địa bàn huyện có vai trò hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của huyện. Với vị trí địa lý thuận lợi tạo nhiều lợi thế phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội với các địa phương trong và ngoài tỉnh. Vị trí trên cũng đem lại cho Văn Lâm lợi thế có thị trường tiêu thụ rộng rãi, có khả năng trao đổi nông sản, hàng hóa với các tỉnh Đồng bằng châu thổ sông Hồng.

b. Địa chất công trình

Địa hình khu đất nghiên cứu lập dự án có địa hình tương đối bằng phẳng, hiện nay người dân vẫn đang canh tác trên phần đất sẽ bị thu hồi.

Địa chất công trình khu đất thực hiện dự án là khu đất có cấu tạo địa tầng chủ yếu là đất pha sét, có cường độ chịu lực khá và ổn định.

Dựa theo tài liệu theo dõi hiện trường và kết quả chỉnh lý tài liệu thí nghiệm trong phòng, địa tầng khu vực khảo sát từ trên xuống dưới đến độ sâu 6.0m gồm 05 lớp, được mô tả cụ thể như sau:

- Lớp 1: là lớp đất phủ có thành phần và trạng thái không đồng nhất bao gồm: Lớp phủ thực vật, đất trồng trọt, bùn ruộng ... Lớp này do có thành phần và trạng thái không đồng nhất, không có giá trị trong xây dựng nên chúng tôi không lấy mẫu lớp đất này.

- Lớp 1B: Bùn màu xám đen, lẫn hữu cơ. Trạng thái dẻo chảy.

Lớp đất này chỉ bắt gặp tại hố khoan HK1 (tương ứng tại vị trí cột G2). Lớp đất

có bề dày 1,5m, mặt lớp xuất hiện ở độ sâu 0.5m và kết thúc ở độ sâu 2.0m. Do lớp đất này chỉ xuất hiện tại vị trí hố khoan HK1 với bề dày nhỏ. Lớp này không phải là lớp đất tiêu biểu. Đơn vị thiết kế cần tham khảo khi thiết kế tại vị trí hố khoan này trong giai đoạn sau.

- Lớp 2: Sét pha màu xám xanh, xám đen. Trạng thái dẻo mềm. Lớp có thành phần là sét pha màu xám xanh, xám đen. Lớp này phân bố ở tất cả các hố khoan. Lớp có bề dày thay đổi từ 1.2m (HK1) đến 5.2m (HK2). Mặt lớp xuất hiện từ độ sâu 0.3m (HK2) đến 1.5m (HK3), đáy lớp kết thúc ở độ sâu từ 3.2m (HK1) đến 5.5m (HK2).

Trong lớp đã lấy và thí nghiệm trong phòng 03 mẫu xác định các chỉ tiêu cơ lý. Giá trị tiêu chuẩn của các đặc trưng cơ lý được trình bày trong dưới đây.

- Lớp 3: Sét pha màu xám nâu, xám ghi. Trạng thái dẻo cứng. Lớp có thành phần là sét pha màu xám nâu, xám ghi; trạng thái dẻo cứng. Lớp này phân bố không đồng đều trên toàn tuyến đường dây; tại các hố khoan HK1 và HK2 bắt gặp lớp đất này; tại hố khoan HK3 là không bắt gặp lớp này. Tại độ sâu kết thúc hố khoan, lớp có bề dày thay đổi từ 0.5m (HK2) đến 2.8m (HK1). Mặt lớp xuất hiện từ độ sâu 3.2m (HK1) đến 5.5m (HK2). Trong lớp đã lấy và thí nghiệm trong phòng 02 mẫu xác định các chỉ tiêu cơ lý.

- Lớp 4: Cát hạt mịn màu xám đen, bão hòa. Kết cấu xốp đến chặt vừa. Trong lớp đất đôi chỗ xen kẹp ổ sét pha, cát pha.

Lớp có thành phần là cát; lớp đất có màu xám đen, bão hòa, kích thước hạt nhỏ; kết cấu từ xốp đến chặt vừa. Lớp này chỉ bắt gặp tại hố khoan HK3. Tại độ sâu kết thúc hố khoan. Lớp có bề dày khoảng 4.7 mét. Mặt lớp xuất hiện từ độ sâu 3,8m.

(Nguồn: Trung tâm nghiên cứu địa chất kỹ thuật- Trường đại học mỏ địa chất)

2.1.1.2. Điều kiện về khí tượng

Cũng như các tỉnh khác thuộc vùng đồng bằng Bắc bộ, Hưng Yên nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai hướng gió chủ đạo Đông Bắc và Đông Nam, có 4 mùa rõ rệt với 4 kiểu thời tiết đặc trưng: mùa xuân ấm áp, mùa hè nắng nóng, mùa thu mát mẻ và mùa đông lạnh giá.

Tổng lượng mưa trung bình năm tại Hưng Yên dao động trong khoảng 1.500mm-1.600mm. Lượng mưa trong những tháng mùa mưa trung bình từ 1.200 mm đến 1.300 mm, bằng 80-85% tổng lượng mưa năm tại Hưng Yên.

Mùa khô lượng mưa trung bình từ 200-300 mm chiếm khoảng 15-20% tổng lượng mưa năm. Số ngày mưa trong năm trung bình khoảng 140-150 ngày, trong đó số ngày mưa nhỏ, mưa phùn chiếm khoảng 60- 65 ngày.

Ngoài ra, ở Hưng Yên còn xuất hiện mưa giông, thường là những trận mưa lớn đột xuất kèm theo gió lớn và giông sét. Mưa giông xuất hiện từ tháng 2 đến tháng 11 và tập trung chủ yếu từ tháng 5 đến tháng 9.

Bảng 2.1: Lượng mưa trung bình các tháng của tháng trong năm

(Đơn vị:mm)

Tháng	2018	2019	2020	2021	2022
Tháng 1	25,6	26,9	121,5	1,4	83,4
Tháng 2	9,7	17,1	25,9	62,1	5,8
Tháng 3	32,3	31,0	68,1	118,3	49,7
Tháng 4	82,8	204,3	80,6	163,8	119,6
Tháng 5	236,3	155,4	59,8	149,9	206,5
Tháng 6	75,4	92,9	70,4	250,6	211,4
Tháng 7	569,9	63,1	26,2	312,3	367,1
Tháng 8	429,6	541,6	365,8	150,1	328,2
Tháng 9	114,2	153,3	149,5	585,8	166,6
Tháng 10	127,9	198,2	289,3	337,1	8,7
Tháng 11	55,8	55,5	60,9	8,9	2,1
Tháng 12	59,8	6,9	8,4	3,8	41,8
Tổng số	1.819,3	1.546,2	1.326,4	2.144,1	1.590,9

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021 và dữ liệu khí tượng thủy văn 2022 của Trung tâm khí tượng thủy văn Hưng Yên).

✓ **Chế độ nắng:**

Thời gian chiếu sáng trung bình nhiều năm khoảng 1.540-1.550 giờ.

Mùa nóng từ tháng 5 – 10, số giờ nắng chiếm khoảng 1080-1100 giờ. Mùa lạnh từ tháng 11 – 4 năm sau số giờ nắng chiếm khoảng 500-520 giờ.

Số giờ nắng tháng cao nhất tuyệt đối 268 giờ. Số giờ nắng tháng thấp nhất tuyệt đối 6,8 giờ.

Bảng 2.2. Số giờ nắng các tháng trong năm

(Đơn vị: giờ)

Tháng	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 1	51,6	22,9	25,5	57,2	69,1
Tháng 2	74,1	37,2	82,0	58,9	90,3
Tháng 3	28,6	78,3	30,9	33,1	15,0
Tháng 4	82,5	71,0	95,9	52,0	63,8
Tháng 5	160,2	241,7	117,1	178,9	211,2
Tháng 6	137,7	178,4	184,3	247,2	183,8
Tháng 7	110,1	137,1	168,5	203,6	212,5
Tháng 8	121,8	120,6	147,9	144,8	165,9
Tháng 9	135,7	160,6	193,5	130,8	143,6

Tháng 10	112,7	152,9	141,5	103,7	95,7
Tháng 11	64,3	146,9	130,3	127,4	122,4
Tháng 12	72,4	99,3	141,7	92,8	109,6
Tổng	1.151,7	1.446,9	1.459,1	1.430,4	1482,9

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021).

Trong năm 2022, số giờ nắng cao nhất vào tháng 6,7, với 4-6 đợt nắng (kéo dài từ 02 ngày trở lên) và một số ngày riêng lẻ do ảnh hưởng của rìa Nam rãnh áp thấp nổi với vùng áp thấp nóng phía Tây kết hợp với hiệu ứng phon. Số giờ nắng giảm dần về các tháng cuối năm (Theo: Bản tin dự báo khí tượng thủy văn các tháng trong năm 2022 của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Hưng Yên).

✓ **Nhiệt độ:**

Nhiệt độ trung bình nhiều năm của Hưng Yên là 23,2°C phân bố khá đồng đều trên địa bàn tỉnh.

Mùa hè nền nhiệt độ trung bình nhiều năm	:27,3°C.
Mùa đông nền nhiệt độ trung bình nhiều năm	:19,1°C.
Tổng nhiệt trung bình năm	:8.400-8.500°C.
Tổng nhiệt trung bình mùa nóng	:4.800-5.000°C.
Tổng nhiệt trung bình mùa lạnh	:3.300-3.500°C.

Bảng 3.3. Nhiệt độ trung bình các tháng trong năm

(Đơn vị: °C)

Tháng	2018	2019	2020	2021	2022
Tháng 1	17,6	17,6	19,3	16,3	16,1
Tháng 2	17,0	22,2	19,6	20,6	16,6
Tháng 3	22,0	22,2	22,7	22,4	18,9
Tháng 4	23,8	27,0	21,9	25,5	24,1
Tháng 5	28,7	27,9	29,2	29,4	27,7
Tháng 6	30,2	31,4	31,5	31,3	28,3
Tháng 7	29,2	30,8	31,2	30,3	29,2
Tháng 8	28,5	29,1	28,9	30,2	28,2
Tháng 9	28,2	28,7	28,9	28,3	27,4
Tháng 10	25,5	25,9	23,9	23,9	24,1
Tháng 11	23,6	22,6	22,9	21,8	16,7
Tháng 12	19,3	18,8	18,3	18,3	16,6
Bình quân năm	24,5	25,3	24,9	24,8	24,2

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021 và dữ liệu khí tượng thủy văn 2022 của Trung tâm khí tượng thủy văn Hưng Yên).

✓ **Độ ẩm:**

Độ ẩm trung bình năm từ 80-90%.

Độ ẩm cao nhất trong năm xuất hiện vào tháng 2.

Độ ẩm nhỏ nhất trong năm xuất hiện vào tháng 11 và tháng 12.

Bảng 3.4. Độ ẩm tương đối trung bình các tháng trong năm

(Đơn vị: %)

Tháng	2018	2019	2020	2021	2022
Tháng 1	85	85	86	73	74
Tháng 2	77	86	86	82	84
Tháng 3	84	86	90	87	80
Tháng 4	84	85	87	88	87
Tháng 5	80	84	81	81	81
Tháng 6	77	77	73	75	79
Tháng 7	83	77	77	81	75
Tháng 8	88	85	86	81	75
Tháng 9	83	75	74	84	81
Tháng 10	82	81	81	83	85
Tháng 11	86	81	80	76	85
Tháng 12	85	78	74	74	79
TB tháng	83	82	81	80	80

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên 2021 và dữ liệu khí tượng thủy văn 2022 của Trung tâm khí tượng thủy văn Hưng Yên).

✓ **Bốc hơi:**

Lượng bốc hơi phụ thuộc rất nhiều vào chế độ nắng và gió trên địa bàn Hưng Yên. Tổng lượng bốc hơi theo trung bình nhiều năm là 8.730 mm, lớn nhất tuyệt đối 144,9mm, nhỏ nhất tuyệt đối 20,8mm.

✓ **Gió:**

Hưng Yên có 2 mùa gió chính: mùa Đông có gió mùa Đông Bắc, thịnh hành từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau. Mùa hè có gió Đông Nam thịnh hành từ tháng 3 đến tháng 7.

Gió Đông Nam chiếm ưu thế trong năm, sau đó là gió bắc. Các hướng khác chỉ xuất hiện đan xen nhau với tần xuất thấp không thành hệ thống.

Tốc độ gió cực đại thống kê được ở Hưng Yên là 40m/s, hướng thổi Tây Nam.

✓ **Mưa bão:**

Hưng Yên là một tỉnh nằm sâu trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, không có diện tích tiếp giáp với biển nên hàng năm bão và áp thấp nhiệt đới hầu như không đổ bộ trực

tiếp vào vùng này như các tỉnh tiếp giáp biển, nhưng ảnh hưởng về mưa do bão gây ra là rất lớn. Lượng mưa do bão gây nên tại Hưng Yên chiếm tới 15-20% tổng lượng mưa năm.

Mùa bão bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc tháng 11, nhưng ảnh hưởng với tần suất lớn nhất trong các tháng 7, 8 và 9.

2.1.1.3. Điều kiện thủy văn

Văn Lâm có hệ thống sông Bắc Hưng Hải chạy từ Bắc xuống Đông Nam (sông Từ Hồ, sông Trung, sông Kim Ngưu). Ngoài ra, còn có các kênh dẫn nước chính (Tam Bá Hiên, Trung thủy nông T₁₁, T₃, L1..) chảy qua. Kết hợp với hệ thống sông thủy lợi nội đồng đảm bảo được yêu cầu sản xuất nông nghiệp như sông Lương Tài, sông Từ B, sông Bần Vũ Xá...

- Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đảm bảo đạt QCVN 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy}= 0,9) trước khi thải ra kênh tiêu T1 nằm phía Đông khu đất, cuối cùng thải ra sông Điện Biên. Kênh tiêu T1 khu vực thực hiện dự án là nơi nước mưa chảy tràn và nước thải của dự án trực tiếp xả ra, là kênh chỉ có chức năng tiêu nước. Đây là kênh tiêu thoát nước với bề rộng kênh khoảng 3m, chiều dài tuyến kênh khoảng 800m, sâu khoảng 2m. Là nơi tiếp nhận nước thải của khu dân cư trong khu vực, nước mưa chảy tràn và khi dự án đi vào hoạt động sẽ tiếp nhận nước thải của dự án. Lưu lượng thiết kế của kênh là 0,34m³/s, trong mùa khô, mực nước dao động từ 0,6 -0,8m; trong mùa mưa, mực nước dao động từ 1,4 -1,7m.

2.1.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội

2.1.2.1. Điều kiện về kinh tế, xã hội huyện Văn Lâm

a. Lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ

Ngành sản xuất công nghiệp đang dần phục hồi, số lượng đơn hàng tăng, đặc biệt là các ngành trọng điểm như: Nước khoáng không có ga tăng 10,40%, hộp bằng bìa cứng tăng 14,7%, bê tông tươi tăng 16,76%, thanh que thép không gỉ tạo hình nguội 13,08%, ống thép dẫn dầu hoặc khí tăng 54,28%...bên cạnh đó thì các mặt hàng như thức ăn chăn nuôi giảm 1,86%, nước ngọt giảm 16,25%, sơn và véc ni giảm 20,67%. Hoạt động thương mại và dịch vụ, vận tải vẫn duy trì ổn định và ngày càng phát triển một số nhóm ngành có doanh thu tăng cao như lương thực, thực phẩm tăng 13,75%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 9,70%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 15,82%; xăng, dầu các loại tăng 13,68%; dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 27,17%; vận tải tăng 11%. Tiếp tục thực hiện Đề án phát triển kinh tế, thương mại, dịch vụ trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025. Tích cực tham gia các Hội chợ, Hội nghị xúc tiến thương mại do UBND tỉnh và các địa phương tổ chức.

b. Lĩnh vực nông nghiệp

Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng toàn huyện là 4.405,9 ha, giảm 338,94 ha so với cùng kỳ năm trước. Trong đó diện tích lúa là 3.575,26 ha còn lại là các cây trồng khác. Thực hiện Chương trình hỗ trợ giống lúa đã mua và cung ứng 61.179 kg/60.000 kg đạt 101,96% KH năm. Tổng diện tích dân bỏ ruộng không sản xuất là 122,46 ha.

Chăn nuôi: Triển khai, thực hiện tốt công tác tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm, thủy sản và vệ sinh khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi.

Công tác thủy lợi nội đồng: Thực hiện nạo vét thủy lợi được 95.344 m³ /95.344 m³ đạt 100% với tổng kinh phí trên 2 tỷ đồng đảm bảo phục sản xuất và phòng chống úng lụt.

c. Công tác quản lý môi trường

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn được thực hiện tốt; tham gia thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường đối với 10 đơn vị; tổ chức kiểm tra, thẩm định, cấp giấy phép môi trường đối với 04 đơn vị; phối hợp với các cơ quan, đơn vị kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với 11 đơn vị; qua kiểm tra đã phát hiện vi phạm, xử phạt vi phạm hành chính đối với 02 đơn vị với số tiền là 30 triệu đồng; đã tổ chức thu phí bảo vệ môi trường được 73 đơn vị có phát sinh nước thải công nghiệp dưới 20 m³/ngày đêm, nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 224 triệu đồng; đẩy mạnh thực hiện mô hình phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình năm 2023 với tổng số hộ gia đình dự kiến tham gia là 9.600 hộ (năm 2022 số hộ tham gia là 4.070 hộ).

d. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Nhiệm vụ năm học 2022-2023 đã hoàn thành xuất sắc với 16/16 chỉ tiêu công tác, được Ban thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen. Toàn huyện có 37 trường, trong đó: Giáo dục mầm non: có 14 trường (11 trường công lập, 03 trường tư thục) và 28 cơ sở mầm non tư thục/385nhóm, lớp/8637 trẻ. Giáo dục tiểu học: có 11 trường/312 lớp/13.217 học sinh. Giáo dục THCS: có 12 trường/202 lớp/8756 học sinh; có 1.210 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, tốt nghiệp THCS đạt 98,94%, điểm chuẩn thi vào lớp 10 THPT năm học 2023-2024 cao nhất tỉnh; tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh của cả 03 cấp học có 14/14 giáo viên tham gia được công nhận; Kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh đạt 38 giải (trong đó 02 nhất, 05 giải nhì, 09 ba, 22 giải khuyến khích); Cuộc thi tiếng Anh quốc tế TOEFL JUNIOR tại Hưng Yên có 03 học sinh đạt giải, trong đó đạt 01 giải nhất, 01 giải nhì và được tham gia vòng chung kết quốc gia đạt 01 giải nhì, 01 giải khuyến khích Quốc gia. Tham gia Giải Bóng đá Nhi đồng U10 tỉnh Hưng Yên, năm 2023 đoạt huy chương vàng. Tham gia Giải Điền kinh học sinh phổ thông tỉnh Hưng Yên năm 2023 với đủ 12 nội dung thi

đầu, kết quả đoạt 06 huy chương vàng, 01 huy chương bạc, xếp giải nhất toàn đoàn khối các Phòng Giáo dục và Đào tạo. Tính đến nay, toàn huyện có 33/34 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ: 97,1% (trong đó có 17 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2), riêng năm học 2022-2023 có 08 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia (trong đó: 07 trường đạt mức độ 2, 01 trường đạt mức độ 1).

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm 2024, UBND huyện Văn Lâm).

2.1.2.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội xã Đình Dù

a. Điều kiện về kinh tế xã Đình Dù

** Sản xuất nông nghiệp*

Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng vụ mùa năm 2024: 81 ha, năng suất lúa ước đạt 6,8 tấn/ha/vụ chiêm năng suất bằng cùng kỳ năm 2023, nhân dân chủ yếu gieo trồng các giống lúa chất lượng cao, chiếm 90,3% diện tích gieo cấy.

Chăn nuôi: Tổng đàn lợn hiện tái đàn được 1.970 con, (trong đó đàn lợn nái 120 con, lợn đực giống 0 con, lợn theo mẹ và lợn thịt 1.850 con). Đàn trâu, bò: 82 con tăng 02 con so với cùng kỳ năm 2023 (trong đó có 20 con bò sữa). Đàn gia cầm: 25.163 con tăng 10.017 con so với năm 2023.

** Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ*

Cả xã có 43,0% số hộ sản xuất kinh doanh tiểu thủ CN và xây dựng; 46,0% hộ thương mại dịch vụ. Các ngành nghề phụ như chế biến giò chả, bún bánh, đậu phụ, chuyên chở vận tải người và hàng hoá tiếp tục phát triển mạnh.

Đến nay, trong xã có hơn 600 xe ô tô vận tải các loại làm dịch vụ vận chuyển hàng hoá, vật liệu xây dựng và chở khách tăng hơn 100 chiếc so với cùng kỳ năm 2023.

Xã có 03 chợ trên địa bàn xã là Chợ đường Cái, chợ Hòn đá, Chợ Ngải Dương tạo điều kiện thuận lợi thu hút các hộ kinh doanh phát triển dịch vụ buôn bán, trao đổi hàng hoá.

b. Điều kiện văn hóa xã hội xã Đình Dù

** Giáo dục và đào tạo*

Khối Mầm non: Trường có tổng số 34 Cán bộ, giáo viên. Tổng số trẻ đến trường là 567 cháu: Trong đó nhà trẻ là 135 cháu đạt 48% (Tăng hơn so với năm học trước là 6%), trẻ mẫu giáo là 422 trẻ.

Khối Tiểu học: Trường có tổng số 32 cán bộ, giáo viên. Tổng số học sinh là 986, tỷ lệ 100% học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học; Tăng 0,02% so với cùng kỳ năm 2022.

Khối THCS: Trường có tổng số 32 cán bộ. Tổng số học sinh là 686 em. Tỷ lệ lên lớp thẳng của các khối 6; 7; 8 là: 95,1%; tốt nghiệp THCS: 100 %

** Công tác y tế, dân số, gia đình và trẻ em*

Trên địa bàn tổ chức khám chữa bệnh 6 tháng đầu năm cho 268 lượt người, tiêm chủng mở rộng cho trẻ em được 354 liều; phụ nữ có thai là 61 liều, tổ chức uống vitamin A đợt 1/2024 cho 598 trẻ trong độ tuổi. Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, thể cân nặng là 7,95 % giảm 0,51% so với cùng kỳ năm 2023, thể thấp còi là 13% giảm 1,8% so với cùng kỳ năm 2023.

Dân số: Tổng số sinh 47 (5 tháng đầu năm 2024); sinh con thứ 3 là 15 trường hợp = 31,9%, tăng 02 trường hợp so với năm 2023. Tỷ dân tham gia bảo hiểm y tế 96%.

** Công tác văn hóa, thông tin, thể thao và truyền thanh*

Tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao Mừng Đảng – Mừng Xuân 2024, Tổ chức Giao lưu thơ đầu xuân; tuyên truyền kỷ niệm chiến thắng 30/4 và Quốc tế lao động 01/5, kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

** Công tác vệ sinh môi trường:* 5/5 thôn đã có tổ thu gom rác thải, các tổ được duy trì và đi vào hoạt động có hiệu quả đã hạn chế việc tồn đọng rác thải gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư. Hiện tại có 2 thôn Thị Trung và Ngải Dương không có bãi rác của thôn, riêng thôn Ngải Dương đã được cấp xe thu gom rác tuy nhiên chưa thực hiện việc vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày, do tổ thu gom rác đã hết hạn hợp đồng và chưa hợp đồng được tổ thu gom rác.

Trong năm UBND xã phối hợp với Hội phụ nữ mở Hội nghị tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phân loại, xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình và hướng dẫn nhân dân làm men vi sinh IMO để xử lý rác tại 5/5 thôn sau hội nghị có 65 hộ đăng ký làm điểm ở 5 thôn. Thực hiện chương trình của cấp trên xã đã lựa chọn 100 hộ tại thôn Ngải Dương thực hiện làm điểm mô hình.

Toàn xã có 203 hộ được cấp trên cấp thùng phân loại xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nhân rộng mô hình phân loại xử lý rác thải tại hộ gia đình; xây mới 51 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật tại các cánh đồng trên địa bàn xã; sử dụng nước sạch do công ty nước sạch Đình Dù cung cấp có 1.350 hộ.

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và phương hướng thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 - UBND xã Đình Dù)

2.1.2.2. Điều kiện về kinh tế, xã hội xã Lạc Hồng

a. Điều kiện về kinh tế xã Lạc Hồng

** Sản xuất nông nghiệp*

Trồng trọt: Toàn xã 86,44 ha, trong đó diện tích đất trồng lúa 36,37 ha. Diện tích cây rau màu, trồng cây hàng năm và lâu năm 28,07ha, trang vườn trại 6ha. Thu nhập bình quân ước đạt 96 triệu đồng/ha, chủ yếu các loại như cà chua, dưa chuột, rau cần,

cải xoong, rau các loại và một số loại cây ăn quả, dược liệu khác. Tổng thu nhập từ trồng trọt ước đạt 6,72 tỷ đồng.

Chăn nuôi: Toàn xã đàn trâu, bò có khoảng 75 con ; đàn lợn khoảng 860 con, đàn gà khoảng 8.500 con; vịt, ngan có khoảng 4.150 con. Giá trị sản lượng chăn nuôi ước đạt 12,93 tỷ đồng (giảm 8,73 tỷ so với cùng kỳ). Tổng sản lượng thủy sản đạt 11 tấn, ước tính giá trị tổng sản lượng 0,47 tỷ đồng. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt khoảng 20,12 tỷ đồng (giảm 7,4 tỷ đồng so với cùng kỳ).

** Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ*

Tổng toàn xã có 530 hộ kinh doanh dịch vụ nhà trọ với 4.250 phòng cho thuê ước doanh thu từ nhà trọ đạt 17,8 tỷ đồng.

Dịch vụ vận tải tổng toàn xã có 307 đầu xe ước thu nhập đạt khoảng 36,84 tỷ đồng, có khoảng 540 hộ gia đình sản xuất, kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và cửa hàng tạp hóa ước thu tổng thu nhập khoảng 52,54 tỷ đồng.

Thu nhập từ các ngành nghề khác ước đạt khoảng: 274,19 tỷ đồng.

Tổng thu nhập từ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và ngành nghề khác ước đạt 401,49 tỷ đồng.

b. Điều kiện văn hóa xã hội xã Lạc Hồng

** Giáo dục và đào tạo*

Khối Mầm non: Trường có 78 cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đó Công lập có 55 cán bộ, giáo viên, nhân viên và tư thục có 23 cán bộ, giáo viên, nhân viên. 100% giáo viên đứng lớp có trình độ đạt chuẩn và thực hiện chương trình giáo dục Mầm non do Bộ giáo dục quy định. Toàn trường có 33 nhóm lớp với tổng số 805 trẻ trong đó Công lập: 20 nhóm, lớp với số trẻ là: 613 trẻ; Tư thục có: 13 nhóm, lớp với số trẻ là: 192 trẻ).

Khối Tiểu học: Trường có 35 cán bộ, giáo viên, nhân viên. 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn. Năm học 2023-2024 toàn trường có 1.232 học sinh được chia thành: 30 lớp; cơ sở vật chất đảm bảo cho việc dạy và học, nhà trường có 26 phòng học kiên cố; 6 phòng chức năng, trang thiết bị 100% các lớp có máy chiếu đa năng; màn hình tương tác thông minh. Kết quả năm học 2022-2023 học sinh xuất sắc: 429 em; học sinh vượt trội và tiêu biểu: 150 em.

Khối THCS: Toàn trường có 30 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Trình độ đào tạo của các cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường có: 02 giáo viên có trình độ Thạc sỹ, 26 giáo viên có trình độ đại học và 02 nhân giáo viên có trình độ cao đẳng. Đội ngũ giáo viên nhà trường không ngừng đổi mới công tác dạy và học, áp dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy, khai thác sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học. Năm học 2023-2024 trường có 17 lớp với 735 em học sinh.

** Công tác y tế, dân số, gia đình và trẻ em*

Các hoạt động trong chương trình tiêm chủng mở rộng được triển khai thường xuyên kết quả đã tiêm được 567 liều vacxin cho trẻ, 73 liều vacxin uốn ván cho mẹ có thai, 129 liều vắc xin uống phòng bệnh cho trẻ.

Tổ chức truyền thông cho 144 lượt người về bệnh nhiệt đới và 180 lượt người về mất cân bằng giới tính.

Kiểm tra 32 cơ sở hành nghề y dược tư nhân và 72 cơ sở dịch vụ ăn uống.

** Công tác văn hóa, thông tin, thể thao và truyền thanh*

Đưa đội dân vũ thôn Bình Minh và đội bóng chuyền hơi, đội tham gia chơi cờ tướng tham gia, đội tham gia chơi cờ tướng tham gia hội thi của huyện kết quả: Đội dân vũ đạt giải A toàn đoàn và đạt giải nhánh; đội bóng chuyền hơi nam đạt giải 3. Tổ chức thành công lễ hội cầu mưa thường niên xã Lạc Hồng năm 2023. Đồng thời cũng tổ chức thành công giải bóng chuyền hơi nam – nữ mở rộng chào mừng ngày giải phóng miền nam 30/4, quốc tế lao động 01/5 kết quả: Đối với bóng chuyền hơi nam 01 giải nhất thôn Hồng Thái, 01 giải nhì thôn Thị Trung – xã Lạc Hồng, 02 giải 3 thôn Bình Minh và thôn Thanh Đặng, 04 giải khuyến khích thôn Quang trung, Nhạc Miếu, Phạm Kham và Nhạc Miếu; Đối với giải bóng chuyền hơi nữ 01 giải nhất thôn Hồng Cầu, 01 giải nhì thôn Quang Trung, 02 giải ba thôn Minh Hải và khối giáo dục, 04 giải khuyến khích Thôn Quang Trung, Nhạc Miếu, Phạm Kham và Hồng Thái.

** Công tác vệ sinh môi trường:* 5/5 thôn đã có tổ thu gom rác thải, các tổ được duy trì và đi vào hoạt động có hiệu quả đã hạn chế việc tồn đọng rác thải gây ô nhiễm môi trường trong khu dân cư. Hiện tại có 2 thôn Thị Trung và Ngải Dương không có bãi rác của thôn, riêng thôn Ngải Dương đã được cấp xe thu gom rác tuy nhiên chưa thực hiện việc vận chuyển rác thải sinh hoạt hàng ngày, do tổ thu gom rác đã hết hạn hợp đồng và chưa hợp đồng được tổ thu gom rác.

Trong năm UBND xã phối hợp với Hội phụ nữ mở Hội nghị tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phân loại, xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình và hướng dẫn nhân dân làm men vi sinh IMO để xử lý rác tại 5/5 thôn sau hội nghị có 65 hộ đăng ký làm điểm ở 5 thôn. Thực hiện chương trình của cấp trên xã đã lựa chọn 100 hộ tại thôn Ngải Dương thực hiện làm điểm mô hình.

Toàn xã có 203 hộ được cấp trên cấp thùng phân loại xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nhân rộng mô hình phân loại xử lý rác thải tại hộ gia đình; xây mới 51 bể chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật tại các cánh đồng trên địa bàn xã; sử dụng nước sạch do công ty nước sạch Đình Dù cung cấp có 1.350 hộ.

(Nguồn: Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu

năm và phương hướng thực hiện nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024 - UBND xã Lạc Hồng)

2.2. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án

2.2.1. Hiện trạng các thành phần môi trường

Để phục vụ cho việc lập báo cáo ĐTM của Dự án Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải, Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc - Thông tin tài nguyên và môi trường tiến hành khảo sát, đo đạc, lấy mẫu môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất để phân tích và đánh giá môi trường nền khu vực thực hiện dự án vào tháng 12/2024. Kết quả khảo sát cụ thể như sau:

2.2.1.1. Hiện trạng chất lượng môi trường không khí

Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy 02 mẫu không khí xung quanh khu đất dự án để đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh, kết quả phân tích được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.5: Kết quả phân tích mẫu không khí xung quanh

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		GHCP
			KXQ01	KXQ02	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	26,8	27,2	-
2	Độ ẩm	%	55,6	55,7	-
3	Tốc độ gió	m/s	0,9	0,8	-
4	Tiếng ồn	dBA	61,4	63,1	70^(a)
5	Bụi lơ lửng(TSP)	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	181	183	300^(b)
6	SO_2	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	52	52	350^(b)
7	NO_2	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	28	30	200^(b)
8	CO	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH (LOD = 4.000)	KPH (LOD = 4.000)	30.000^(b)

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc- Thông tin tài nguyên và môi trường)

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KXQ01	Mẫu khí xung quanh tại đầu khu đất thực hiện dự án	N: 20 ⁰ 58’10,8’’; E: 106 ⁰ 01’18,7’’
KXQ02	Mẫu khí xung quanh tại cuối khu đất thực hiện dự án	N: 20 ⁰ 58’07,4’’; E: 106 ⁰ 01’17,8’’

- GHCP: giá trị cho phép viện dẫn theo các quy chuẩn sau:

+ ^(a)QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, từ 6 giờ đến 21 giờ;

+ ^(b)QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, trung bình 1 giờ;

- Dấu “-”: Quy chuẩn không quy định.

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích 02 mẫu không khí xung quanh khu vực thực hiện dự cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

2.2.1.2. Chất lượng môi trường nước

*) Môi trường nước mặt:

Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy 01 mẫu nước mặt gần khu vực dự án, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.6: Kết quả phân tích chất lượng nước mặt

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
			NM01	Mức B
1	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	<0,06 (LOQ = 0,06)	0,3⁽¹⁾
2	Nitrit (NO ₂ ⁻ -N)	mg/L	<0,009 (LOQ = 0,009)	0,05⁽¹⁾
3	Mangan (Mn)	mg/L	0,153	0,1⁽¹⁾
4	Tổng dầu mỡ	mg/L	<1,0 (LOQ = 1,0)	5,0⁽¹⁾
5	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,06	0,1⁽¹⁾
6	pH	-	7,32	6,0- 8,5⁽²⁾
7	DO**	mg/L	6,4	≥ 5,0⁽²⁾
8	BOD ₅	mg/L	12,5	≤ 6⁽²⁾
10	COD	mg/L	57,4	≤ 15⁽²⁾
11	TSS	mg/L	<17 (LOQ = 17)	≤ 100⁽²⁾
12	Tổng Nito**	mg/L	KPH (MDL = 0,1)	≤ 1,5⁽²⁾
13	Tổng Photpho	mg/L	0,55	≤ 0,3⁽²⁾
14	Coliform	MPN/100mL	3.500	≤ 5.000⁽²⁾
15	Fecal Coliform (Coliform chịu nhiệt)**	MPN/100mL	14	≤ 1.000⁽²⁾

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc – Thông tin tài nguyên và môi trường)

Ghi chú :

Vị trí lấy mẫu

Stt	Tên mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ
1	NM01	Mẫu nước mặt tại nguồn tiếp nhận gần dự án	N: 20°58'11,6"; E: 106°01'19,1"

- QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, bảng 1 và bảng 2, mức B.

+ ⁽¹⁾Bảng 1: để đánh giá chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch;

+ ⁽²⁾Bảng 2, mức B: để đánh giá, phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch; nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp;

(Chỉ có tính chất tham khảo; dữ liệu quan trắc 01 lần do đó không đủ điều kiện để so sánh với quy chuẩn này).

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích trên và so sánh với QCVN 08:2023/BTNMT, bảng 1 và bảng 2, mức B cho thấy 06/16 chỉ tiêu quan trắc trong mẫu nước mặt lấy tại khu vực dự án vượt quá giới hạn cho phép là DO, BOD₅, COD, NH₄⁺, Mn và Coliform. Như vậy, từ kết quả phân tích có thể kết luận rằng chất lượng nước mặt tại vị trí quan trắc bị ô nhiễm, tuy nhiên nồng độ không cao. Kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù, cách khu đất thực hiện dự án khoảng 20 m về phía Đông là nơi tiếp nhận nguồn nước thải của dự án và tiêu thoát nước mưa chảy tràn cho toàn bộ khu vực dự án, đây là lý do nguồn nước mặt đang có dấu hiệu ô nhiễm.

2.2.1.3. Chất lượng môi trường đất

Chủ đầu tư dự án đã phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành lấy 01 mẫu đất tại khu đất dự án, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.7. Kết quả phân tích chất lượng đất

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT , loại 1
			Đ1	
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,03	4
2	Chì (Pb)	mg/kg	<19,02 (LOQ=19,02)	200
3	Đồng (Cu)	mg/kg	KPH (MDL=9,5)	150
4	Kẽm (Zn)	mg/kg	<11,19 (LOQ=11,19)	300

(Nguồn: Trung tâm Quan trắc – Thông tin tài nguyên và môi trường)

Ghi chú :

- Vị trí lấy mẫu: Đ1: Mẫu đất ở giữa khu đất thực hiện dự án. Tọa độ: N: 20°47'47,58"; E: 106°3'30,21"

- QCVN 03:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất, loại 1 Đất sản xuất nông nghiệp.

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích trên và so sánh với QCVN 03:2023/BTNMT, loại 1 cho thấy các thông số quan trắc mẫu đất của dự án đều nằm

trong giới hạn cho phép.

***) Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận**

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù (nằm ở phía Đông của dự án). Qua khảo sát thực tế tại dự án thời gian qua cho thấy khu vực dự án không xảy ra tình trạng ngập úng, qua đó cho thấy khả năng tiêu thoát nước của khu vực tương đối tốt. Kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù, dài khoảng 1,3km, rộng mặt thoáng (8-9)m, với lưu lượng dòng chảy khoảng 5,8m³/s. Tuy nhiên, khi dự án đi vào hoạt động, lượng nước thải phát sinh có thể gây ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận. Toàn bộ nước thải phát sinh từ dự án sẽ được thu gom và xử lý đạt giới hạn cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận, ngoài ra cần thường xuyên khơi thông dòng chảy tránh gây ngập úng cục bộ.

***) Đánh giá sơ bộ sức chịu tải môi trường khu vực dự án**

Qua kết quả khảo sát, phân tích chất lượng môi trường khu vực dự án có thể thấy môi trường không khí khu vực dự án chưa bị ô nhiễm, môi trường nước mặt đang bị ô nhiễm bởi các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng và sức chịu tải kém. Tóm lại, sức chịu tải môi trường khu vực dự án được đánh giá là không cao, tính đa dạng của hệ sinh thái thấp. Xung quanh dự án là đường giao thông và đất canh tác. Việc bố trí đầu tư dự án vào vị trí này là phù hợp với quy định của tỉnh Hưng Yên nói chung và quy hoạch của vùng huyện Văn Lâm nói riêng. Tuy nhiên, nhiệm vụ xử lý chất thải là rất quan trọng dự án phải quan tâm thực hiện đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường.

Dự án thuộc loại hình sản xuất công nghiệp nên có phát sinh nước thải sinh hoạt của công, nhân viên làm việc trong công ty và hoạt động nấu ăn ca. Do vậy, dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 15 m³/ngày đêm, đảm bảo đạt tiêu chuẩn của QCVN 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy}= 0,9) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận nên tác động của nước thải phát sinh từ dự án tới môi trường tiếp nhận là không đáng kể.

2.2.2. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

2.2.2.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường

Tham khảo Báo cáo công tác bảo vệ môi trường tỉnh Hưng Yên năm 2023 cho thấy hiện trạng môi trường không khí xung quanh, môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh Hưng Yên cụ thể như sau:

- Dữ liệu về môi trường không khí xung quanh:

Năm 2023, Chương trình mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Hưng Yên đã lấy 306 mẫu không khí tại một số làng nghề, khu công nghiệp và các trục đường giao thông (lấy mẫu tại 51 vị trí, tần suất 06 đợt/năm, thời gian thực hiện vào tháng 2,4,6,8,10,12). Nhìn chung, chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh

vẫn duy trì mức tương đối tốt. Giá trị nồng độ các thông số ô nhiễm có xu hướng giảm hơn so với năm 2022.

Kết quả quan trắc, phân tích mẫu như sau: 100% mẫu đạt quy chuẩn đối với các thông số CO, NO₂, SO₂. Tại một số nút giao thông có giá trị thông số TSP vượt (từ 1,14 đến 1,69 lần) so với quy chuẩn so với QCVN 05-MT:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường không khí xung quanh; một số vị trí có thông số tiếng ồn vượt (từ 1,001-1,13 lần) so với QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Cụ thể:

- Thông số TSP: Giá trị TSP vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng 0,056 đến 0,508 mg/(m³); 210/306 mẫu có giá trị TSP nằm trong GHCP của Quy chuẩn, chiếm 68,627%; 96/306 mẫu có giá trị TSP vượt GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 0,3 mg/m³), chiếm 31,373% (vượt GHCP từ 1,14 đến 1,69 lần; năm 2022 vượt GHCP từ 1,14 đến 1,73 lần).

- Thông số Tiếng ồn: Giá trị LA_{eq} vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng 41, 2 đến 79,4 dBA; 248/306 mẫu có giá trị LA_{eq} nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 70 dBA), chiếm 81,046%; 58/306 mẫu có giá trị LA_{eq} vượt GHCP của Quy chuẩn, chiếm 18,954% (vượt GHCP từ 1,001 đến 1,13 lần; năm 2022 vượt GHCP từ 1,001 đến 1,17 lần).

- Dữ liệu về hiện trạng môi trường nước mặt:

Năm 2023, Chương trình mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Hưng Yên đã lấy 684 mẫu nước mặt (tại 114 vị trí, tần suất 06 đợt/năm; thời gian thực hiện quan trắc tại hiện trường vào tháng 2, 4, 6, 8, 10, 12) trên một số sông chính, sông nhánh, ao, hồ trên địa bàn tỉnh: Sông Hồng, sông Luộc, sông Điện Biên, sông Cửu An, sông Hòa Bình, hệ thống Bắc Hưng Hải... Kết quả, các thông số: COD, BO*_D_{5} amoni, coliform... hầu hết vượt QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B1 – dùng cho mục đích tưới, tiêu thủy lợi hoặc các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2; các thông số NO₃⁻, Cd, Cu, Zn, Fe, CN⁻, Cl⁻, Pb, Cr⁶⁺, DDT_s, đều có giá trị nằm trong GHCP của Quy chuẩn hoặc thấp hơn nhiều lần so với GHCP của Quy chuẩn. Cụ thể:

- Thông số pH: Giá trị pH vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng 6,74 đến 8,85; 100% mẫu có giá trị pH nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP từ 5,5 đến 9).

- Thông số DO: Giá trị DO vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng 0,99 đến 7,9 mg/L; 63,74% mẫu có giá trị DO nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là ≥ 4mg/L); 36,26 mẫu có giá trị DO nằm ngoài GHCP của Quy chuẩn (thấp hơn GHCP từ 1,003 đến 2,837 lần).

- Thông số TSS: Giá trị TSS vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng Không phát hiện (<5 mg/L) đến 1,135mg/L; 76,75% mẫu có giá trị TSS nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 50mg/L); 23,25% mẫu có giá trị TSS vượt GHCP của Quy chuẩn (vượt GHCP từ 1,004 đến 22,7 lần).

- Thông số COD: Giá trị COD vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng 15 đến 46,8 mg/L; 47,08% mẫu có giá trị COD nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 30mg/L); 52,92% mẫu có giá trị COD vượt GHCP của Quy chuẩn (vượt GHCP từ 1,01 đến 1,56 lần).

- Thông số BOD₅: Giá trị BOD₅ vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng 7,1 đến 22,5 mg/L; 53,22% mẫu có giá trị BOD₅ nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 15 mg/L); 46,78% mẫu có giá trị BOD₅ vượt GHCP của Quy chuẩn (vượt GHCP từ 1,01 đến 1,5 lần).

- Thông số NH₄⁺: Giá trị NH₄⁺ vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng Không phát hiện (< 0.02 mg/L) đến 3,97 mg/L; 46,78% mẫu có giá trị NH₄⁺ nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 0.9mg/L) 53,22% mẫu có giá trị vượt GHCP của Quy chuẩn (vượt GHCP từ 1,02 đến 4,41 lần).

- Thông số NO₂⁻: Giá trị NO₂⁻ vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng Không phát hiện (< 3 mg/L) đến 0,696 mg/L; 61,11% mẫu có giá trị NO₂⁻ nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 0,05 mg/L); 38,89% mẫu có giá trị NO₂⁻ vượt GHCP của Quy chuẩn (vượt GHCP từ 1,02 đến 13,92 lần).

- Thông số PO₄³⁻: Giá trị PO₄³⁻ vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng Không phát hiện ($< 0,03$ mg/L) đến 8,23 mg/L; 46,05% mẫu có giá trị PO₄³⁻ nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 0,3 mg/L); 53,95% mẫu có giá trị vượt GHCP của Quy chuẩn (vượt GHCP từ 1,03 đến 27,4 lần).

- Thông số Coliform: Giá trị Coliform vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng 790 đến 24.000 MPN/100 mL; 52,78% mẫu có giá trị Coliform nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 7.500 MPN/100 mL); 47,22% mẫu có giá trị Coliform vượt GHCP của Quy chuẩn (vượt GHCP từ 1,05 đến 3,2 lần).

- Thông số Mn: Giá trị Mn thực hiện tại một số vị trí vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng 0,022 đến 2,45 mg/L; 64,91% mẫu có giá trị Mn nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 0,5 mg/L); 35,09 mẫu có giá trị Mn vượt GHCP của Quy chuẩn (vượt GHCP từ 1,004 đến 4,9 lần).

- Thông số Tổng dầu mỡ: Giá trị Tổng dầu mỡ thực hiện tại một số vị trí vào các đợt quan trắc dao động từ khoảng 0,31 đến 5,38 mg/L; 87,2% mẫu có giá trị Tổng dầu mỡ nằm trong GHCP của Quy chuẩn (GHCP là 0,5 mg/L); 12,8% mẫu có giá trị Tổng dầu mỡ vượt GHCP của Quy chuẩn (vượt GHCP từ 1,05 đến 5,38 lần).

- Dữ liệu về hiện trạng môi trường đất:

Năm 2023, Chương trình mạng lưới quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Hưng Yên đã lấy 64 mẫu đất. Kết quả 64/64 mẫu đất (đạt 100%) có các thông số phân tích đều đạt QCVN 03-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất. Kết quả cho thấy, môi trường đất trên địa bàn tỉnh chưa bị ô nhiễm bởi kim loại nặng và thuốc bảo vệ thực vật.

- Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học:

Trên địa bàn tỉnh Hưng Yên không có các khu di sản thiên nhiên, các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; không có loài nguy cấp quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài đặc hữu, loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh lục đỏ của IUCN...

(Nguồn: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023)

Khu vực dự án không có các loài nguy cấp, quý, hiếm, các loài sinh vật đặc hữu nên ảnh hưởng của dự án đến các loại sinh vật này là không có.

2.2.2.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật

Kết quả khảo sát sinh học của đơn vị tư vấn cho thấy xung quanh khu vực dự án không có loài động, thực vật nào quý hiếm sinh sống.

Thực vật chủ yếu là cây cỏ dại, cây nhãn của các hộ dân trồng xung quanh khu vực dự án.

Động vật tự nhiên bao gồm các loại như chuột, cóc, chim sẻ, chim sâu, chim chích, chào mào, ong, bướm...và các loài côn trùng như gián, ruồi, muỗi, sâu, bọ, giun,...Hiện nay số lượng các loại động vật có xu hướng giảm do hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng và hoạt động sản xuất công nghiệp.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

- Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại phụ lục II nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022.

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích là 39.875,2 m².

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

Khu vực thực hiện dự án nằm trên địa bàn xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm nằm gần đường Quốc lộ 38 mới nên có vị trí giao thông thuận lợi cho việc vận chuyển nguyên, vật liệu, hàng hóa.

Môi trường nền tại khu vực thực hiện dự án trong quá trình khảo sát đã bị ô nhiễm nhẹ đối với môi trường nước mặt, do vậy, khi triển khai thực hiện dự án, chủ đầu tư cam kết xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn địa phương trước khi thải ra ngoài môi trường.

Dự án đi vào hoạt động giải quyết và đáp ứng nhu cầu việc làm cho người dân,

góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp, phù hợp với Quy hoạch được phê duyệt và định hướng cho sự phát triển của huyện Văn Lâm.

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Để thực hiện dự án “Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải” cần trải qua 03 giai đoạn:

- Giai đoạn chuẩn bị;
- Giai đoạn thi công xây dựng;
- Giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

Mỗi giai đoạn dù ít hay nhiều đều gây ra những tác động tới môi trường, kinh tế xã hội và gây ảnh hưởng tới các đối tượng tại khu vực chịu tác động của Dự án theo nhiều hướng khác nhau. Do đó nội dung chương 3 là đánh giá tác động môi trường đối với mỗi giai đoạn của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội; dự báo các tác động tiêu cực đến môi trường và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường. Các tác động và các biện pháp mà dự án gây ra sẽ được trình bày cụ thể trong các mục dưới đây.

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị của dự án

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

Tổng diện tích thực hiện thu hồi của dự án khoảng 26.683,9 m² đất thuộc xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Trong phần diện tích đất bị thu hồi của các hộ dân chủ yếu là đất trồng lúa (39.875,2 m²), còn lại là đất giao thông (3.463,3m²) và đất thủy lợi (1.199,3 m²).

Tổng diện tích đất để thực hiện dự án là 20.433 m², diện tích hành lang giao thông đường QL 38 mới có diện tích 2.027 m², diện tích làm đường giao thông nội đồng là 2.389 m² và diện tích đất trồng lúa xen kẹt giao UBND xã quản lý là 121,8 m². Số hộ dân bị thu hồi đất là 99 hộ.

*** Tác động do thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất**

Việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, đất thủy lợi, đất giao thông sẽ làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất của địa phương. Các ảnh hưởng của việc thu hồi đất:

Chuyển đổi mục đích sử dụng khoảng 39.875,2 m² đất trồng lúa thuộc xã Đình Dù. Tác động đến đời sống kinh tế của các hộ dân bị thu hồi đất sản xuất. Chủ dự án đang phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện vận động để thu hồi toàn bộ khu đất theo quy định. Chi phí đền bù có thể giúp cho các hộ dân bị mất đất có thêm vốn để mở rộng và kinh doanh các ngành nghề khác.

Đối với sản xuất nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp, có thể ảnh hưởng đến sản xuất và thu nhập của người dân. Tuy nhiên, chủ dự án đã tạo điều kiện

thuận lợi về phí đền bù đất đai hợp lý để người dân chuyển đổi công ăn việc làm khi dự án triển khai.

Hiện trạng phần đất thủy lợi tại dự án là nương nội đồng có chức năng tưới tiêu cho khu đất canh tác dự án, không có kết cấu tài sản nào trên công trình thủy lợi này. Khi thực hiện dự án nương nội đồng này bị thu hồi vĩnh viễn và chủ dự án không phải xây dựng hoàn trả cho địa phương.

**) Công tác đền bù giải phóng mặt bằng:*

- Khu đất ban đầu chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp, do đó việc bồi thường giải phóng mặt bằng được thực hiện theo các quy định tại Luật Đất đai và các quy định hướng dẫn riêng tại địa phương.

- Hiện tại, công ty sẽ phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện vận động để thu hồi toàn bộ khu đất theo quy định.

- Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Chủ dự án ứng trước và cung cấp theo tiến độ trong phương án chi tiết về bồi thường giải phóng mặt bằng được UBND tỉnh phê duyệt và được khấu trừ vào tiền thuê đất theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Trong tổ chức thực hiện cần lưu ý những vấn đề sau:

+ Hiểu rõ được các chính sách về đền bù giải phóng mặt bằng của nhà nước, ý thức được quyền lợi và nghĩa vụ của mình, nắm bắt được các nội dung công việc, giải thích cho người bị thu hồi đất, để họ có ý thức tự giác thực hiện tốt ngay việc kê khai thiệt hại cho đến khi thực hiện giải toả giao đất cho Dự án theo kế hoạch.

+ Phương án bồi thường phải được xây dựng đầy đủ về các nội dung, cụ thể các chi tiết nhằm giải quyết tốt công tác bồi thường di dân tái định cư và GPMB.

+ Công tác điều tra thống kê đánh giá các thiệt hại phải đầy đủ, chính xác theo các yêu cầu. Phải thật sự công bằng và có đầy đủ chữ ký xác nhận thống nhất về nội dung của cán bộ thực hiện, người bị thiệt hại, đại diện trưởng thôn, tổ tự quản và xác nhận của chính quyền xã.

+ Lập dự toán bồi thường và trình duyệt, tổ chức thanh toán phải đầy đủ đúng trình tự quy định và nhanh chóng, trong đó lưu ý các vấn đề công khai trong từng bước cần thiết.

+ Chú trọng đặc biệt trong việc xây dựng đơn giá bồi thường nhất là giá đất đảm bảo các quy định pháp lý và nhất thiết phải phù hợp thực tế địa phương được đại đa số nhân dân chấp thuận.

**) Tạo mặt bằng kho bãi chứa nguyên vật liệu, máy móc thi công; bố trí hệ thống điện; nước và đường giao thông khu dự án*

Quá trình này cần sử dụng tạm thời diện tích đất khá lớn trong toàn bộ thời gian thi công dự án. Các hoạt động tạo mặt bằng bố trí hệ thống điện; nước; bãi chứa

nguyên vật liệu, máy móc thi công và đường giao thông khu dự án gồm: đổ cát san lấp mặt bằng, đào rãnh thoát nước...làm phát sinh lượng bụi, khí thải vào môi trường. Tuy nhiên, lượng máy móc và lưu lượng các chất thải của các hoạt động này là ít và ảnh hưởng cục bộ trong thời gian ngắn.

**) Xây dựng lán trại*

Tác động tới môi trường từ quá trình xây dựng lán trại cho cán bộ công nhân thi công là không đáng kể. Vì lán trại được dựng bằng các vật liệu dễ lắp đặt, đơn giản và thời gian dựng lán ngắn.

**) Tác động tới môi trường tự nhiên*

- Tác động đến địa hình, địa mạo và cảnh quan khu vực:

Quá trình dọn dẹp, san ủi mặt bằng khu vực công trình, xây dựng hệ thống lán trại - trụ sở điều hành dự án,... sẽ làm thay đổi bề mặt địa hình, địa mạo và thay đổi cảnh quan khu vực. Ở đây, diện tích đất hiện trạng chủ yếu là đất lúa nên ảnh hưởng được đánh giá là không lớn.

- Tác động đến hệ thống công trình thủy lợi

Khi triển khai xây dựng dự án sẽ thu hồi phần diện tích kênh mương thủy lợi nội đồng là 1.199,3 m². Hiện trạng phần đất thủy lợi thu hồi nằm trong phạm vi dự án là kênh tiêu T₁₋₄ trạm bơm Đình Dù, đây là loại mương đất nội đồng có chức năng dẫn nước tưới tiêu cho khu đất canh tác dự án và thoát nước cho khu vực, không có kết cấu tài sản nào trên công trình thủy lợi này. Việc thu hồi phần mương đất thủy lợi trong giai đoạn xây dựng thực hiện dự án sẽ làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ tưới tiêu nước hay khả năng thoát nước của khu vực dự án. Vì vậy, chủ dự án sẽ xây dựng hoàn trả kênh tiêu T₁₋₄ cho địa phương theo đúng biên bản thống nhất chỉ tiêu kỹ thuật với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để không ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước.

- Tác động đến môi trường không khí và môi trường vi khí hậu:

Các hoạt động phát sinh bụi, các khí thải và tiếng ồn làm nhiễm bẩn môi trường không khí, môi trường vi khí hậu chủ yếu là do hoạt động của các phương tiện vận chuyển vật tư, thiết bị thi công. Tuy nhiên cường độ làm việc giai đoạn này chưa cao, số lượng máy móc, thiết bị ít, các hoạt động phân tán nên có thể đánh giá tác động ở mức không đáng kể.

- Tác động đến môi trường sinh thái:

Theo khảo sát thực tế các hệ sinh thái khu vực xây dựng dự án chủ yếu là đất canh tác cây nông nghiệp, nhìn chung thảm thực vật có thành phần loài kém phong phú, không có các loài thực động vật quý hiếm. Tác động được đánh giá ở mức thấp.

Tuy các động vật hoang dã ở khu vực này rất ít chỉ có một số loài như ếch nhái, rắn, chim chóc... nhưng ít nhiều cũng bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của dự án, cụ thể là mất đi nơi cư trú, bị xua đuổi ra xa khu vực công trình, xé nhỏ và làm giảm tính

liên tục không gian sống, ảnh hưởng đến sự di chuyển và hoạt động kiếm ăn của chúng.

- *Tác động đến môi trường nước:*

Sự xáo trộn bề mặt đất và việc chặt bỏ, phát quang thảm thực vật làm tăng lượng các chất rửa trôi từ bề mặt, làm tăng độ đục, các chất hữu cơ và các chất rắn lơ lửng trong nước gây nhiễm bẩn môi trường nước, ảnh hưởng đến các sinh vật thủy sinh. Các ruộng tưới tiêu ở khu vực xung quanh, tầng nước ngầm và đất khu vực bãi thu gom có thể bị ô nhiễm.

**) Tác động tới môi trường kinh tế - xã hội*

Hoạt động đền bù, đất giải phóng mặt bằng được thực hiện theo hình thức hỗ trợ trực tiếp kinh phí theo đúng Luật đất đai năm 2024; Nghị định của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi thu hồi đất và Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá đền bù, giải phóng mặt bằng nên không tạo xung đột với người được đền bù. Đối với dự án này thì vấn đề di dân, tái định cư không có vì không phải di dời một hộ dân nào đi nơi khác.

Bụi, khí thải phát sinh do thu dọn mặt bằng, xây dựng các khu phụ trợ, ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân xây dựng và người dân địa phương. Tuy nhiên, Hoạt động tạo mặt bằng bố trí hệ thống điện; nước; bãi chứa nguyên vật liệu, máy móc thi công, đường giao thông khu dự án và xây dựng lán trại cho công nhân diễn ra trong thời gian ngắn, lượng chất thải không đáng kể, tác động mang tính chất tạm thời, cục bộ.

Ngoài ra, trong quá trình dò phá bom mìn có thể gây ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân xây dựng trên công trường và người dân sống gần khu vực thực hiện dự án.

Đánh giá chung: Trong giai đoạn chuẩn bị cho quá trình thi công dự án thì hiện tượng ô nhiễm môi trường chỉ xảy ra cục bộ trong khu vực dự án là chủ yếu. Tác động tới môi trường không khí với tác nhân chính là bụi lơ lửng, bụi nặng, khí CO_x, NO_x, SO₂. Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị mặt bằng tổng thể của dự án cũng gây tác động lớn tới môi trường kinh tế- xã hội nếu như không có những biện pháp đền bù, hỗ trợ thích hợp.

Bảng 3.1: Đối tượng và quy mô tác động trong giai đoạn đền bù, bồi thường

Đối tượng chịu tác động	Tác nhân	Quy mô tác động
Vấn đề kinh tế - xã hội	Tranh chấp giữa người dân có quyền lợi liên quan đến dự án với chủ dự án; Ảnh hưởng đến thu nhập của các hộ dân có quyền lợi liên quan đến dự án	Thời gian: Trung bình Mức độ: Trung bình Phạm vi: Địa phương Loại: Trực tiếp Khả năng xảy ra: Trung bình
	Gia tăng khả năng thất nghiệp đối	Thời gian: Trung bình

	với người dân không có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp hoặc tìm kiếm công việc mới	Mức độ: Trung bình Phạm vi: Địa phương Loại: Trực tiếp Khả năng xảy ra: Thấp
--	--	---

3.1.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường thực hiện

**) Biện pháp giảm thiểu tác động do thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất*

- Quá trình thu hồi, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho dự án, chủ dự án chủ động phối hợp chặt chẽ các bên liên quan để thực hiện việc đo đạc đúng diện tích các loại đất sẽ được bồi thường, hỗ trợ phục vụ cho dự án:

+ Đền bù về thiệt hại về đất: Bao gồm các chính sách đền bù đối với đất nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

+ Đền bù thiệt hại về tài sản như cây trồng, đơn giá đền bù được xác định theo quy định hiện hành;

- Ngoài ra chủ dự án còn thực hiện một số biện pháp sau:

+ Tuyên truyền sâu rộng về chính sách phát triển kinh tế và chính sách đền bù của nhà nước tới các hộ bị ảnh hưởng cũng như nghĩa vụ và quyền lợi của họ.

+ Công khai về mức giá đền bù đối với từng chi tiết của từng loại tài sản bị ảnh hưởng. Công khai chính xác khối lượng đền bù của từng hộ dân.

+ Tường minh các thông tin về dự án, tiến độ thi công đối với địa phương và các hộ bị ảnh hưởng, chính sách và phương án đền bù hỗ trợ, tái định cư.

Đến nay công ty đã hoàn thành việc thu hồi, đền bù cho các hộ gia đình có đất lúa bị thu hồi cho dự án.

**) Biện pháp giảm thiểu tác động đến công trình thủy lợi*

Việc thu hồi và san lấp phần diện tích kênh tiêu T₁₋₄ trạm bơm Đình Dù khi thực hiện dự án có thể làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ tưới tiêu nước hay khả năng thoát nước của khu vực thực hiện dự án, do đó chủ dự án đã phối hợp với cơ quan quản lý và khai thác công trình thủy lợi (Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi và Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi) để hoàn trả lại kênh tiêu T₁₋₄ và các cống đầu kênh, trên kênh cho địa phương.

**) Phương án xử lý chất thải từ quá trình tạo mặt bằng kho bãi chứa nguyên vật liệu, máy móc thi công; bố trí hệ thống điện; nước và đường giao thông khu dự án, xây dựng lán trại*

- Chất thải rắn trong quá trình này được đơn vị thầu xây dựng hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Thường xuyên phun ẩm để giảm bụi.

- Thực hiện công tác bóc bỏ các lớp cỏ, san ủi đất,... nhanh gọn, tập trung.

***) Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường kinh tế- xã hội**

- Biện pháp ổn định đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp: Trong tổng kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, ngoài kinh phí bồi thường đất và hỗ trợ các hộ dân bị mất đất canh tác, chủ dự án bố trí một nguồn kinh phí cho công tác hỗ trợ tạo việc làm cho các hộ dân. Ngoài ra chủ dự án cũng tổ chức họp dân, hướng dẫn các hộ dân sử dụng tiền đền bù. Như vậy, sẽ có những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng vốn, đặc biệt là hướng dẫn đầu tư sản xuất kinh doanh hoặc cách thức gửi tiết kiệm cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể nhằm ổn định đời sống về lâu dài.

- Ngoài ra, đối với các gia đình nằm trong khu vực bị thu hồi đất có nhu cầu làm việc tại nhà máy, chủ dự án sắp xếp bố trí vị trí làm việc thích hợp, tiến tới đào tạo nâng cao tay nghề để người lao động vào làm việc tại công ty khi nhà máy đi vào hoạt động.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn xây dựng của dự án

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

3.2.1.1. Các nguồn gây tác động có liên quan đến chất thải

- Ô nhiễm do khí thải như: CO₂, CO, SO₂, hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) từ các phương tiện vận tải, máy móc thi công do tiêu thụ nhiên liệu (xăng, dầu DO).

- Ô nhiễm tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, các máy móc và phương tiện thi công trên công trường.

- Ô nhiễm bụi từ quá trình thi công xây dựng.

- Ô nhiễm nhiệt từ quá trình thi công gia cố nhiệt, từ các phương tiện giao thông vận tải.

- Nước thải sinh hoạt do công nhân xây dựng, tuy nhiên nước thải loại này thường có lưu lượng không lớn, gây ô nhiễm cục bộ và chỉ trong giai đoạn thi công.

- Nước thải thi công trong giai đoạn thi công xây dựng, nước thải thi công thường có lưu lượng lớn, gây ô nhiễm cục bộ và chỉ trong giai đoạn thi công.

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng Dự án sẽ cuốn theo đất cát và các chất ô nhiễm xuống hệ thống kênh mương xung quanh Dự án.

- Ô nhiễm chất thải rắn từ các hoạt động xây dựng: chủ yếu là đất đá thải, sắt vụn, gỗ cốt pha và chất thải rắn sinh hoạt với số lượng nhỏ của lực lượng công nhân tham gia thi công.

Bảng 3.2: Nguồn phát sinh và đối tượng chịu tác động trong giai đoạn xây dựng

Stt	Các nguồn gây tác động	Loại chất thải và đặc tính	Môi trường bị tác động
1	Vận chuyển máy móc trang thiết bị thi công và nguyên vật	Tiếng ồn, bụi, đất đá	Môi trường không khí

	liệu xây dựng		
2	Xây dựng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án: văn phòng, nhà kho, xưởng sản xuất, nhà ăn ca; đường giao thông và các công trình phụ trợ khác	Tiếng ồn, bụi, khói hàn, chất thải xây dựng	Môi trường không khí Sức khỏe công nhân
3	Hoạt động thi công xây dựng Sinh hoạt ăn ở của công nhân	Chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, nước thải thi công	Môi trường nước
4	Quá trình lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường: hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Quá trình lắp đặt máy móc thiết bị.	Tiếng ồn, bụi, chất thải rắn	Môi trường không khí Môi trường đất

a, Các nguồn gây tác động đối với môi trường không khí

* *Nguồn gốc phát sinh bụi, khí thải:*

- Bụi phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san lấp mặt bằng;
- Quá trình vận chuyển các nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công làm rơi vãi nguyên vật liệu, và bụi cuốn theo phương tiện vận chuyển;
- Bụi, khí thải phát sinh khi các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công đốt cháy nhiên liệu;

Lượng bụi phát sinh biến động, thay đổi tùy thuộc theo hướng gió, tốc độ gió, nhiệt độ và độ ẩm không khí.

* *Bụi, khí thải từ quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san nền*

Trong giai đoạn giải phóng mặt bằng, bụi phát sinh từ quá trình phát quang thảm thực vật: Quá trình phát quang thảm thực vật chủ yếu là phát quang cây bụi. Do đó lượng bụi phát sinh không đáng kể.

+ Bụi từ quá trình đào đất, san nền

Trước khi san nền cần tiến hành dọn dẹp mặt bằng và bóc lớp hữu cơ trên bề mặt, chiều dày bóc hữu cơ trung bình là 0,2 m và vét lớp bùn ao, mương với độ dày 0,3m.

Bảng 3.2. Tổng hợp khối lượng bóc tách lớp đất hữu cơ của dự án

TT	Hạng mục hiện trạng	Hệ số bóc tách (m)	Diện tích (m ²)	Khối lượng (m ³)
1	Đất chuyên trồng lúa nước	0,2	39.875,2	7.975,04
2	Đất thủy lợi	0,3	1.199,3	359,79

Tổng		8.334,83
-------------	--	-----------------

* Khối lượng đắp bù:

Tuân thủ theo quy định của Luật trồng trọt và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa, khu cây xanh trong quy hoạch của dự án được tận dụng đất đắp bằng đất bóc hữu cơ, với chiều cao trung bình đất đắp là 1,5 m nên lượng đất đắp bù cho khu cây xanh (diện tích cây xanh là 8.112 m²) là:

$$V_{\text{đất đắp cây xanh}} = S_{\text{khu cây xanh}} \times h = 8.112 \times 1,5 = 12.168 \text{ m}^3.$$

Lượng đất hữu cơ và bùn mương tại dự án là không đủ để đắp bù khu cây xanh nên dự án sẽ sử dụng cát đen để lót hố bên dưới các gốc cây.

* Cát san nền: Phạm vi diện tích san nền khu đất phục vụ xây dựng các công trình được san nền bằng cát đen san nền. Việc san nền cần tuân thủ cao độ san nền xây dựng đã quy định.

Dự án sẽ thực hiện đắp cát có chiều cao so với nền hiện trạng trung bình là $h_1 = 1,5\text{m}$. Khối lượng cát đen cần sử dụng cho san nền:

$$V_{\text{cát đắp}} = S_{\text{đất dự án}} \times h_{\text{cát đắp tb}} = 20.433 \times 1,5 - 12.168 = 47.832 \text{ m}^3$$

Vật liệu dùng để san lấp của dự án là cát đen. Ngoài ra, nếu dự án sử dụng vật liệu san nền các vật liệu khác phải đảm bảo theo quy định của pháp luật.

+ Đất, cát đào móng với lượng phát sinh không thường xuyên, ước tính khối lượng đất đào móng như sau:

$M = \text{diện tích xây dựng} \times \text{chiều cao móng}$

Trong đó: Tổng diện tích xây dựng là 20.034 m².

Chiều cao móng trung bình là 1,5m (theo TCVN 4447:2012 công tác đất: trường hợp đào không cần khung định vị đối với đất thịt và đất sét không quá 1,5m).

$$M = 20.034 \times 1,5 = 30.051 \text{ m}^3$$

Từ tính toán trên ta có: tổng khối lượng đào đắp = 47.832 m³ (cát san nền) + 8.334,83 m³ (đất đào lớp hữu cơ) + 30.051 m³ (đất, cát đào móng) = 86.217,83 m³, tương đương 112.083,18 tấn (tỷ trọng của đất, cát lấy trung bình là 1 m³ = 1,3 tấn).

Tổng thời gian thực hiện bóc lớp hữu cơ, san lấp của dự án ước khoảng 4 tháng, tương đương 120 ngày làm việc. Ước tính nồng độ bụi phát sinh như sau:

Theo tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế, hệ số ô nhiễm bụi phát tán từ quá trình đào đắp như sau:

Bảng 3.3: Hệ số ô nhiễm từ quá trình đào đắp

Mùa	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)
Mùa mưa	$1,66 \times 10^{-3}$
Mùa khô	$1,20 \times 10^{-3}$

Trung bình	$1,43 \times 10^{-3}$
------------	-----------------------

Tính theo hệ số ô nhiễm trung bình, tổng lượng bụi phát sinh trong quá trình đào đắp của dự án: $112.083,18 \text{ tấn} \times 1,43 \times 10^{-3} \text{ kg/tấn} = 160,28 \text{ kg}$

Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đắp được tính trong bảng sau:

Bảng 3.4: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đắp

STT	Thông số	Đơn vị	Khối lượng
1	Diện tích dự án	m^2	40.000
2	Thể tích tác động trên mặt bằng dự án (độ cao 10 m)	m^3	400.000
3	Tải lượng	Kg/h	0,083
4	Nồng độ bụi phát sinh trung bình (1 giờ)	mg/Nm^3	0,159
5	Nồng độ bụi cộng hưởng môi trường nền (nồng độ bụi cao nhất theo kết quả quan trắc nền tháng 12/2023: $0,06 \text{ mg/m}^3$) ($1 \text{ mg/m}^3 = 0,762 \text{ mg/Nm}^3$)	mg/Nm^3	0,219
QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1h)		mg/Nm^3	0,3

Ghi chú:

+ Tải lượng bụi (kg/h) = tổng tải lượng bụi (kg)/số ngày thi công/ h

+ Thể tích tác động trên mặt bằng Dự án: $V = S \times H$ với S là diện tích mặt bằng, H là độ cao phát tán (10 m);

+ Nồng độ bụi trung bình (mg/m^3) = tải lượng (kg/h) $\times 10^6 / V$ (m^3)

So sánh nồng độ cộng hưởng bụi phát sinh trong quá trình đào đắp và môi trường nền với QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1h) là $0,3 \text{ (mg/Nm}^3\text{)}$ ta thấy nồng độ bụi phát sinh trong giai đoạn đào đắp san lấp thấp hơn quy chuẩn cho phép.

Quá trình đào lớp đất hữu cơ, san lấp mặt bằng ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân thi công và các khu vực dân cư xung quanh.

** Tải lượng bụi do quá trình vận chuyển nguyên liệu, vật liệu xây dựng:*

Để tính toán lượng bụi do các xe vận chuyển nguyên liệu và vật liệu cho xây dựng của dự án gây ra tại khu vực công trường, người ta thường áp dụng phương pháp đánh giá nhanh của WHO với một số giả thiết sau:

Giả thiết rằng: Vận tốc trung bình của xe vận chuyển (v): 10 km/h

Tải trọng trung bình của xe (M): 12 tấn/xe

Số bánh xe trung bình (n): 8 bánh/xe

Số xe vận chuyển trung bình: 7 xe/ngày

Quãng đường trung bình của xe trong khu vực dự án: 0,5km

Thì tải lượng bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển của 1 xe trên 1.000 km được tính theo công thức:

$$m_{\text{Bụi}} = 21 \cdot f = 21 \cdot v \cdot M^{0,7} \cdot n^{0,5} \text{ (kg/1.000km)}$$

$$m_{\text{Bụi}} = 21 \cdot 10 \cdot 12^{0,7} \cdot 8^{0,5} = 3.382 \text{ (kg/1.000km)}$$

Vậy tải lượng bụi phát sinh trung bình của dự án trong 1 ngày là:

$$M_{\text{Bụi}} = (m_{\text{Bụi}} \cdot 1/1000) \cdot 7 = 23,67 \text{ (kg/ngày)}$$

Như vậy lượng bụi phát sinh hàng ngày tại khu vực Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng là 23,67 (kg/ngày). Tuy nhiên bụi đất cát này có kích thước lớn, dễ lắng đọng nên không có khả năng phát tán đi xa, chỉ có khả năng gây ô nhiễm trong phạm vi dự án và tuyến đường giao thông. Cần có những biện pháp giảm thiểu tác động hiệu quả.

** Khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải*

Khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, các phương tiện thi công có công suất lớn như ô tô, xe cần cẩu, búa máy,...Thành phần chính của các loại khí thải này thường bao gồm CO₂, CO, NO_x, hydrocacbon, hơi xăng dầu. Các khí thải này thường là sản phẩm của quá trình đốt cháy nhiên liệu ở các động cơ đốt trong và các dạng nhiên liệu cháy không hết từ động cơ xe thải ra ngoài. Mức độ ô nhiễm giao thông phụ thuộc vào chất lượng đường, mật độ xe, lưu lượng dòng xe, chất lượng kỹ thuật xe trên công trường và lượng nhiên liệu tiêu thụ.

Dựa vào số liệu thống kê lượng xe ra vào công trường Dự án trong một ngày, người ta có thể ước tính tải lượng khí thải độc hại phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu của các phương tiện vận chuyển. Theo số liệu thống kê của tổ chức Y tế thế giới (WHO), lượng phát thải khí độc do các phương tiện được xác định trong bảng sau:

Bảng 3.5: Nồng độ khí thải của các phương tiện vận tải khi hoạt động

Xe tải	Đơn vị (u)	TSP (kg/u)	SO ₂ (kg/u)	NO ₂ (kg/u)	CO (kg/u)	THC (kg/u)	Chì (kg/u)
<i>* Xe tải chạy xăng trọng tải 3,5 tấn trở lên</i>							
Chạy trong thành phố	1000km	0,4	4,5S	4,5	70	7	0,31
	1 tấn nguyên liệu	3,5	20S	20	300	30	1,35
Chạy trên đường cao tốc	1000km	0,6	3,3S	7,5	50	3,5	0,22
	1 tấn nguyên liệu	3,6	20S	45	300	20	1,35
<i>*Xe tải chạy diesel trọng tải 3,5 đến 16 tấn</i>							
Chạy trong thành phố	1000 km	0,9	4,29S	11,8	60	2,6	-
	1 tấn nguyên liệu	4,3	20S	55	28	12	-

(Nguồn: Tài liệu đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế thế giới năm 1993)

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong nhiên liệu.

Căn cứ vào hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập có thể tính toán được tải lượng các chất khí ô nhiễm, như kết quả trình bày ở bảng sau:

Bảng 3.6: Tải lượng các chất khí ô nhiễm do ô tô vận chuyển gây ra

Chất ô nhiễm	Tải lượng chất ô nhiễm theo tải trọng xe, kg/1000km	Quãng đường 4 xe đi được, km/ngày	Tải lượng của dự án (g/ngày)
TSP	0,9	3	2,7
SO ₂	4,29S		12,87S
NO ₂	11,8		35,4
CO	60		180
THC	2,6		7,8

(Nguồn: Tính toán)

Lượng khí thải này chỉ mang tính cục bộ, tạm thời khi giai đoạn xây dựng dừng thì tác động này tới môi trường không khí sẽ không còn.

Bảng 3.7: Kết quả dự báo nồng độ các chất ô nhiễm do hoạt động vận chuyển

Chất ô nhiễm	Nồng độ các chất ô nhiễm theo khoảng cách (m)							QCVN 05:2023/BTNMT
	10	20	50	100	200	300	500	(mg/Nm ³)
Bụi	19,633	13,831	13,831	4,630	2,806	2,090	1,441	0,3
SO ₂	45,067	31,775	17,387	10,640	6,450	4,804	3,312	0,35
NO ₂	29,443	20,752	11,354	6,948	4,212	3,137	2,163	0,2
CO	45,249	31,903	17,457	10,683	6,476	4,824	3,325	30

Kết quả tính toán nồng độ các chất ô nhiễm từ hoạt động vận chuyển nguyên máy móc, thiết bị cho thấy nồng độ các chất đều vượt giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT. Do thời gian quá trình này diễn ra ngắn nên mức độ tác động được đánh giá là nhỏ và mang tính chất tạm thời.

* Khí thải từ hoạt động máy móc, thiết bị thi công:

Căn cứ vào chủng loại các máy san lấp và xây dựng hoạt động trên công trường Dự án, định mức nhiên liệu tiêu hao của chúng trong mỗi ca làm việc (phụ lục 2, thông tư số 11/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng) và dựa vào trọng lượng riêng của dầu diesel là 0,84(kg/lít) và số lượng máy hoạt động trên công trường có thể tính được tải lượng khí phát thải:

Bảng 3.8: Định mức tiêu thụ nhiên liệu của các động cơ

Loại máy	Định mức tiêu thụ nhiên liệu (lít	Định mức tiêu thụ nhiên liệu (kg	Số lượng máy/ca	Nhu cầu nhiên liệu (kg diesel/ca)
----------	-----------------------------------	----------------------------------	-----------------	-----------------------------------

	diezel/máy/ca)	diezel/máy/ca)		
Ô tô vận tải thùng 15 Tấn	46,2	38,81	6	232,86
Máy ủi 160 CV	67,2	56,4	2	112,8
Xe lu 10 tấn	40,32	33,87	1	33,87
Cần trục ô tô 16 tấn	43	35,26	2	70,52
Máy xúc lật loại 1,25m ³ /gàu	46,50	39,06	3	117,18
Máy san 180CV	54	45,36	1	45,36
Máy đào 1 gàu, bánh hơi 1,25m ³ /gàu	73,44	61,69	2	123,38

(Nguồn: phụ lục 2, thông tư số 11/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng)

Trong quá trình thi công xây dựng ngoài các máy móc trên ra dự án còn cần sử dụng máy trộn bê tông các loại, máy hàn, máy cắt, máy đóng cọc bê tông.... Tuy nhiên năng lượng cung cấp cho các máy này hoạt động là điện năng. Nhu cầu nhiên liệu cung cấp cho các máy móc thi công được ước tính ở bảng 3.8. Với nhu cầu nhiên liệu của từng loại máy trên và hệ số ô nhiễm của nhiên liệu ta có thể tính được tải lượng các khí thải phát sinh theo bảng sau:

Bảng 3.9: Tải lượng các khí thải phát sinh từ các loại máy thi công, xây dựng

Chỉ tiêu Loại máy	SO ₂ g/ca	NO _x g/ca	CO g/ca	VOC g/ca
Hệ số ô nhiễm (g/kg nhiên liệu)	20*S	70	14	4
Ô tô vận tải thùng 15 Tấn	11,643	16300,2	3260,04	931,44
Máy ủi 160 CV	5,64	7896	1579,2	451,2
Xe lu 10 tấn	1,6935	2370,9	474,18	135,48
Cần trục ô tô 16 tấn	3,526	4936,4	987,28	282,08
Máy xúc lật loại 1,25m ³ /gàu	5,859	8202,6	1640,52	468,72
Máy san 180CV	2,268	3175,2	635,04	181,44
Máy đào 1 gàu, bánh hơi 1,25m ³ /gàu	6,169	8636,6	1727,32	493,52

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh trong dầu (0,01%)

Từ kết quả tính toán trên ta thấy lượng khí thải phát sinh từ các máy san lấp và xây dựng trong quá trình thi công là không quá lớn, phát thải không liên tục trong ngày, khu vực thi công có không gian rộng rãi và thoáng đãng nên lượng khí thải này nhanh chóng phân tán vào không khí.

* Nguồn ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Nguồn gây ra tiếng ồn, độ rung của Dự án trong giai đoạn này chủ yếu là do hoạt động thi công xây dựng.

Mức ồn tính toán (Li) trên công trường như sau:

$$Li = Lp - \Delta Ld - \Delta Lc$$

Trong đó:

- Lp: độ ồn tại điểm cách nguồn 15 m.
- ΔLd : mức giảm độ ồn ở khoảng cách d và được tính theo công thức sau:
 $\Delta Ld = 20 \cdot \lg [(r_2/r_1)]^{(1+a)}$ (dBA).
- a: hệ số tính đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất. Do mặt đất khu vực sau GPMB được coi là trống trải, không có cây cối nên $a = 0$.
- r: khoảng cách từ nguồn đến điểm đo, $r = 15$ m.
- ΔLc : mức độ giảm độ ồn khi đi qua vật cản. Ở đây tính trong trường hợp không có vật cản, $\Delta Lc = 0$ (dBA).

Tổng độ ồn sinh ra tại một điểm do tất các nguồn gây ra tính theo công thức:

$$\sum L = 10 \lg \sum_i^n 10^{(Li/10)} \quad (\text{dBA})$$

Kết quả tính toán mức ồn như bảng sau:

Bảng 3.10: Nguồn phát sinh, mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn theo khoảng cách

(Đơn vị: dBA)

TT	Nguồn gây ồn	Khoảng cách		
		15m*	20m	50 m
1	Xe tải	75	72,5	64,5
2	Máy hàn	76	73,5	65,5
3	Máy khoan	79	76,5	68,5
4	Máy cưa	77,5	75	67
Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 24:2016/BYT		85 dBA		
QCVN26:2010/BTNMT		70 dBA		

(*) Nguồn tham khảo: Theo Môi trường không khí – Phạm Ngọc Đăng. Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.

Từ bảng 3.10 cho thấy:

+ Ở vị trí cách nguồn ồn 15 m khi nguồn phát sinh là riêng lẻ hay đồng loạt thì mức ồn vẫn nằm trong TCCP đối với môi trường lao động.

+ Nếu các thiết bị có tiếng ồn lớn hoạt động đồng thời có thể gây mức ồn vượt

TCCP (>75dBA) tuy nhiên trong khoảng 50 m không có dân cư sinh sống nên độ ồn không ảnh hưởng đến người dân xung quanh.

Nếu khu vực trộn bê tông hoạt động suốt ngày, khu vực này cần phải được bố trí cách xa các đối tượng chịu ảnh hưởng (như khu dân cư, văn phòng).

- *Đối tượng bị tác động:*

+ Môi trường không khí, đất nước, con người.

+ Mỹ quan khu vực dự án.

- *Phạm vi tác động:* Khu vực thi công dự án và môi trường xung quanh.

b, Nguồn gây tác động tới môi trường nước

* *Nguồn gốc phát sinh nước thải*

Trong giai đoạn thi công xây dựng dự án, nguồn nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải vệ sinh máy móc thiết bị thi công xây dựng, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn.

- *Nước thải thi công*

+ *Thành phần chất ô nhiễm có trong nước thải thi công:*

Nước thải trong quá trình thi công xây dựng gần như không phát sinh do hầu hết lượng nước sử dụng cho mục tiêu xây dựng đều được tiêu thụ vào trong xi măng, đầm cát,... không phát sinh ra ngoài môi trường. Phần nước thải phát sinh ra ngoài môi trường là nước thải từ hoạt động rửa máy móc, thiết bị thi công xây dựng với lượng không lớn, ước tính khoảng 2,5 m³/ngày. Lượng nước thải này có chứa một số chất ô nhiễm như: xi măng, vôi vữa và một số chất vô cơ thông thường như cát, đá, chất rắn lơ lửng (SS), bụi...

+ *Mức độ tác động:*

Trong giai đoạn xây dựng, lượng phát sinh khó dự báo vì tùy thuộc đơn vị thi công, lượng này dễ biến động.

Theo nghiên cứu của Trung tâm Môi trường đô thị và khu công nghiệp CEETIA, thì nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải thi công xây dựng được dự báo như sau:

Bảng 3.10: Dự báo nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải thi công

Chất ô nhiễm	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/l)	QCĐP 02:2019/HY	
		C	C _{max} (K _q =1;K _f =1,2;K _{hy} =0,9)
pH	6,99	6-9	6-9
SS	663	50	54
Tổng dầu mỡ khoáng	0,02	5	6

- QCĐP 02:2019/HY: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công

nghiệp.

$K_q=1$: Hệ số nguồn tiếp nhận nước thải ($50 < Q \leq 200$)

$K_f=1,2$: Hệ số lưu lượng nguồn thải ($F \leq 50$)

$K_{hy}= 0,85$: Nguồn tiếp nhận trên địa bàn huyện Văn Lâm

Nước thải thi công chứa chất gây ô nhiễm với nồng độ khá cao đặc biệt là chỉ tiêu SS. Đây là điều tất yếu trong quá trình xây dựng. Do đó để đảm bảo chất lượng môi trường, Chủ dự án có những quy định buộc các nhà thầu xây dựng phải có những biện pháp quản lý cụ thể để tránh gây ra các tác động xấu.

- *Nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt: Theo dự kiến, trong giai đoạn này, Dự án sẽ phải sử dụng khoảng 20 công nhân xây dựng trên công trường. Theo QCVN 01:2021/BXD quy định định mức lượng nước dùng cho công nhân là 100 lít/người/ngày đêm. Số lượng công nhân trong giai đoạn xây dựng là 20 người, với hệ số phát thải là 100% thì ước tính lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án là:

$$20 \times 0,1 \times 100\% = 2 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$$

Nước thải sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ (BOD, COD), các dưỡng chất (N, P) và vi sinh vật. Về lý thuyết, nồng độ ô nhiễm của nước thải sinh hoạt phụ thuộc vào lưu lượng thải, lượng chất ô nhiễm đơn vị tính trung bình cho 1 người/ngày, đặc điểm, tính chất của các công trình và thiết bị vệ sinh. Nước thải sinh hoạt được tính như sau:

- Tổng tải lượng chất ô nhiễm = Định mức trung bình 1 người x 20

Kết quả tính toán tổng tải lượng các chất gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.11: Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Định mức TB (g/người.ngày)	Tổng tải lượng (g/ngày)
1	BOD ₅	50	1.000
2	COD	89	1.780
3	TSS	86	1.720
4	Dầu mỡ	20	400
5	Coliform (MPN/100ml)	10 ⁴	20x10 ⁴

Ghi chú: (*) Hoàng Kim Cơ, Kỹ thuật môi trường, NXB Khoa học và kỹ thuật

Từ tổng tải lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm như sau:

$$C = P/V \text{ (g/m}^3\text{)} = P \times 10^3 / V \times 10^3 = P/V \text{ (mg/l)}$$

Trong đó:

P: Tổng tải lượng chất gây ô nhiễm (gam/ngày)

V: Thể tích nước thải sinh hoạt ($V = 2 \text{ m}^3/\text{ngày}$)

C: Nồng độ chất gây ô nhiễm (mg/l)

Theo tính toán như trên, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại bảng sau:

Bảng 3.12: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/l)	QCDP 01:2019/HY ($K=1,2$; $K_{hy}=0,9$)
1	BOD ₅	1.111	30,6
2	COD	1.978	-
3	TSS	1.911	51
4	Dầu mỡ	444,4	10
5	Coliform (MPN/100ml)	222.222	3.000

(Nguồn: tính toán)

- Nhận xét: Qua bảng trên cho thấy:

Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình thi công xây dựng của dự án cao hơn so với quy chuẩn cho phép nhiều lần cụ thể chỉ tiêu BOD₅ vượt 36,31 lần; chỉ tiêu TSS vượt 37,47 lần; chỉ tiêu dầu mỡ vượt 44,44 lần và chỉ tiêu Coliform vượt 74,07 lần.

Để hạn chế ảnh hưởng của nước thải sinh hoạt trong giai đoạn này, đơn vị thi công sẽ bố trí nhà vệ sinh di động để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- *Nước mưa chảy tràn:*

Nước mưa chảy tràn: Nước mưa có thể lôi cuốn các loại rác và chất thải rắn xuống vùng trũng của khu vực làm cản trở, tắc nghẽn dòng chảy. Ngoài ra các chất có thể bị nước mưa rửa trôi tại mặt bằng Dự án còn có đất, cát bụi và một lượng nhỏ dầu mỡ thải rơi vãi ra đất từ quá trình xây dựng.

Theo số liệu của tổ chức Y tế thế giới, WHO, 1993 nồng độ các chất ô nhiễm đo được trong nước mưa chảy tràn như hàm lượng tổng N khoảng 0,5- 1,5 mg/l; hàm lượng Photpho khoảng 0,004- 0,03 mg/l; hàm lượng COD khoảng 10- 20 mg/l; hàm lượng TSS khoảng 10- 20 mg/l.

Nước mưa chảy tràn xuất hiện sau khi mặt đất bão hòa nước khi xảy ra mưa. Thành phần của nước mưa chảy tràn rất khó ước tính và biến đổi theo thời gian mưa.

* *Tác động tới môi trường nước*

- *Tác động do nước thải thi công*

Nguồn ô nhiễm nước do nước thải trong quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án bao gồm các chất như TSS, BOD₅, COD. Khi được thải ra khu vực tiếp nhận lân cận với hàm lượng cao chúng sẽ gây tác động tiêu cực tới hệ

sinh thái thủy sinh. Ngoài ra, nước thải thi công còn chứa vôi vữa, xi măng và đây là nguyên nhân làm cho pH của nước trong thủy vực tăng cao, tác động tiêu cực tới hệ sinh thái thủy sinh.

- Tác động do nước thải sinh hoạt

Với đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất cặn bã, chất rắn lơ lửng và các chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và vi sinh vật, đây hoàn toàn có thể là một nguồn gây tác động xấu đến môi trường.

Tuy lưu lượng của nước thải sinh hoạt nhỏ nhưng thời gian thi công xây dựng dài khoảng 7 tháng nên những tác động đến môi trường sẽ không nhỏ. Dự án cần có những biện pháp để hạn chế những tác động xấu đến môi trường.

- Tác động do nước mưa chảy tràn.

Nước mưa chảy tràn qua khu vực nhà xưởng của dự án gần như không gây tác động lớn tới đời sống thủy sinh và không gây ô nhiễm nguồn nước khu vực.

c, Chất thải rắn

** Nguồn phát sinh chất thải rắn*

Trong quá trình thi công xây dựng công trình, chất thải rắn phát sinh bao gồm : chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải từ quá trình xây dựng gồm: đất đá, cốt pha gỗ, vật liệu xây dựng, xi măng, gạch vỡ, bao bì đựng vật liệu xây dựng, đầu thừa sắt, thép,... Căn cứ vào giáo trình quản lý và xử lý CTR, Nguyễn Văn Phước, NXB Xây dựng, 2008 và số liệu thực tế một số dự án tương tự khi thi công các công trình xây dựng khối lượng CTR trong quá trình thi công ước tính khoảng 0,01% tổng khối lượng nguyên vật liệu (gồm nguyên liệu không đạt và nguyên liệu rơi vãi). Với lượng nguyên vật liệu sử dụng cho quá trình xây dựng của dự án ước khoảng 40.700 tấn thì có khối lượng chất thải trong quá trình thi công khoảng: $0,01\% \times 40.700 = 4,07$ tấn.

Chất thải rắn xây dựng sẽ được lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị có chức năng (như Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11) để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

+ Lượng đất hữu cơ bề mặt sẽ được Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương tận dụng sử dụng đắp bù để trồng cây xanh. Đảm bảo xử lý lượng đất này theo đúng quy định của Luật trồng trọt và Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Chất thải rắn sinh hoạt:

Trong giai đoạn xây dựng, hoạt động sinh hoạt của công nhân còn thải ra một lượng chất thải rắn sinh hoạt như: thức ăn thừa, vỏ hoa quả, các loại giấy gói, túi nilon...

Ước tính trung bình mỗi ngày một người thải ra một lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 0,5 kg, với số lượng công nhân tham gia hoạt động trên công trường là 20 người, thì khối lượng chất thải phát sinh từ các hoạt động này khoảng 10 kg/ngày. Lượng chất thải sinh hoạt nếu không được thu gom một cách triệt để sẽ là nguyên nhân gây phát sinh ra các tác động xấu đến môi trường như: phát sinh mùi, gây mất mỹ quan, ảnh hưởng đến vệ sinh chung và môi trường sống của các công nhân.

- *Chất thải rắn nguy hại:*

Trong quá trình thi công xây dựng chất thải rắn nguy hại phát sinh từ các nguồn:

+ Giẻ lau dính dầu mỡ: do lau dọn, vệ sinh máy móc thi công, bảo dưỡng thay dầu cho máy móc, thiết bị thi công và phương tiện vận chuyển.

+ Dầu mỡ thải được thay ra từ máy công trình cùng các loại dầu mỡ bôi trơn.

+ Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại: hộp đựng dầu mỡ thải.

+ Bóng đèn huỳnh quang cháy hỏng;

Cụ thể về thành phần, khối lượng và mã chất thải nguy hại của từng loại được trình bày trong bảng dưới đây:

Bảng 3.13: Chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công, xây dựng

STT	Loại chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	10
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	10
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	12
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	0,5
	TỔNG		32,5

* *Tác động của chất thải rắn:*

Các tác động chính của chất thải rắn trong giai đoạn này là:

- Làm tăng độ đục của nước khi có mưa lớn. Nước mưa kéo theo đất, cát có thể làm ảnh hưởng cục bộ đến hệ thống cống thu gom và thoát nước mưa chung của khu vực.

- Đất, cát và các vật liệu là nguyên nhân phát sinh bụi trong không khí. Đất cát và rác thải rơi vãi có thể bị cuốn rơi xuống hệ thống mương tưới tiêu nằm ngay sau khu vực Dự án và gây ảnh hưởng đến khả năng tưới tiêu của hệ thống này, đặc biệt là khi có gió lớn.

- Tác động đến vệ sinh chung của môi trường do chất thải rắn không được thu

gom, xử lý gây ra.

Tuy vậy, Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý theo quy định. Do vậy, chủ dự án cam kết quản lý và thực hiện tốt công tác thu gom chất thải rắn tại đơn vị mình, các tác động tiêu cực do chất thải rắn gây ra cho môi trường sẽ được hạn chế tối đa.

Đánh giá chung:

Trong thời gian thi công xây dựng các công trình bảo vệ môi trường và lắp đặt máy móc thiết bị của Dự án sẽ phát sinh một số các tác động như tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn và một số nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác. Với quy mô và mức độ khác nhau, các nguồn tác động này làm ảnh hưởng đến môi trường không khí, nước, đất và sinh thái khu vực đồng thời ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên làm việc tại công. Tuy nhiên, những tác động này mang tính tạm thời, chỉ xảy ra trong thời gian xây dựng, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường và lắp đặt máy móc thiết bị của dự án.

3.2.1.2. Các nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

****) Tác động do ồn và rung:***

Tiếng ồn từ các phương tiện thi công nhìn chung là không liên tục, phụ thuộc vào loại hình hoạt động và các máy móc, thiết bị được sử dụng. Các máy móc, thiết bị sử dụng một cách riêng biệt trong thi công được coi là nguồn điểm. Tiếng ồn tại giai đoạn này chủ yếu từ các xe tải và xe nâng. Mức ồn điển hình cách 8m của xe tải là 83 – 94 dBA, của xe nâng là 72 – 84 dBA. Tương tự mức rung cũng được gây ra bởi hoạt động của xe tải vận chuyển. Mức rung điển hình của xe vận chuyển hàng nặng cách 10m là 74 dB.

Nhìn chung mức ồn và rung có giá trị khá lớn. Tuy nhiên, hoạt động của xe tải và xe nâng chỉ trong khoảng thời gian ngắn, không phải nguồn liên tục. Bên cạnh đó, khu dân cư cách khu vực dự án khoảng 500 m nên tác động không lớn.

****) Tác động đến an toàn giao thông:***

Quá trình thi công xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị, công trình bảo vệ môi trường của dự án sẽ gây tác động đến môi trường: Vận chuyển máy móc thiết bị và hoạt động đi lại của công nhân sẽ dẫn đến sự gia tăng mật độ giao thông trên các tuyến đường hiện hữu. Sự gia tăng mật độ giao thông sẽ làm tăng khả năng xảy ra tai nạn và ùn tắc giao thông và suy giảm chất lượng của các tuyến đường.

Tiếng ồn gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và trước hết là đến sức khỏe của người công nhân trực tiếp thi công.

Tiếng ồn và độ rung cao hơn tiêu chuẩn sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe lao động và gây ra các triệu chứng như mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu và làm giảm năng suất lao động. Tiếp xúc với tiếng ồn có cường độ cao trong thời gian dài sẽ

làm thính lực giảm sút, dẫn tới bệnh điếc nghề nghiệp.

Đánh giá chung:

Trong thời gian thi công xây dựng các công trình chính và công trình phụ trợ của Dự án sẽ phát sinh ra một số các tác động như bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn và một số nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải khác như tiếng ồn, độ rung. Với quy mô và mức độ khác nhau, các nguồn tác động này làm ảnh hưởng đến môi trường không khí, nước, đất và sinh thái khu vực đồng thời ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân viên làm việc tại công trường và một số hộ dân xung quanh. Tuy nhiên, những tác động này mang tính tạm thời, chỉ xảy ra trong thời gian xây dựng các hạng mục công trình của dự án và sẽ mất đi khi dự án đi vào hoạt động.

3.2.1.3. Dự báo tác động gây ra bởi các rủi ro, sự cố

a, Tai nạn giao thông

Quá trình thi công dự án cần một lượng lớn nguyên vật liệu vận chuyển đến phục vụ dự án làm tăng đáng kể lượng phương tiện tham gia giao thông có thể gây ùn tắc cục bộ trên các tuyến đường vận chuyển.

Bên cạnh đó, trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, di chuyển các máy móc, thiết bị thi công có thể xảy ra các sự cố gây tai nạn giao thông làm thiệt hại về con người và tài sản. Vì vậy, trong quá trình thi công dự án, Chủ đầu tư sẽ phối hợp chặt chẽ với các nhà thầu xây dựng trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu, phòng ngừa rủi ro sự cố về tai nạn giao thông.

b, Tai nạn lao động

Các tai nạn lao động có thể xảy ra trên công trường xây dựng bởi các nguyên nhân sau:

Trong giai đoạn thi công còn tiềm ẩn các rủi ro về tai nạn lao động từ các phương tiện giao thông tại công trường, chủ yếu do sự bất cẩn của lái xe, hoặc do bố trí đường vận tải trên công trường không hợp lý,...

c, Sự cố cháy nổ

Các nguyên nhân dẫn đến cháy nổ có thể do:

- Sự cố cháy nổ có thể xảy ra do các nguyên nhân như chập điện, sét đánh và các quá trình khác như nấu ăn, đốt lửa, hút thuốc... tại khu vực nhà ở công nhân và khu vực bếp của công nhân.

- Sự cố về các thiết bị sử dụng điện như quá tải trong quá trình vận hành, phát sinh nhiệt, dẫn đến cháy, hoặc do chập mạch khi có mưa.

Xác suất xảy ra sự cố cháy nổ tương đối nhỏ. Tuy nhiên nếu không có các biện pháp phòng ngừa và ứng phó phù hợp thì khi xảy ra sự cố sẽ ảnh hưởng lớn sức khỏe, tính mạng người lao động và cảnh quan, môi trường xung quanh.

d, Tác động đến an ninh, trật tự xã hội:

Việc tập trung lao động làm việc dễ phát sinh những ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, công ty cần có sự quản lý chặt chẽ công nhân làm việc và phối hợp với chính quyền địa phương để đảm bảo an ninh trong suốt quá trình xây dựng dự án.

e, Tác động đến hệ thống công trình thủy lợi

Trong quá trình triển khai dự án sẽ thu hồi khoảng 1.199,3 m² đất thủy lợi thuộc kênh tiêu T₁₋₄ nằm trong phần đất dự án. Kênh tiêu T₁₋₄ có chức năng tiêu thoát nước cho khu đất canh tác dự án và làm nhiệm vụ thoát nước cho khu vực xung quanh vì vậy khi dự án triển khai sẽ ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực. Do đó, chủ dự án đã phối hợp với cơ quan quản lý công trình thủy lợi và cơ quan quản lý địa phương để thống nhất phương án hoàn trả.

Cạnh khu đất dự án là kênh T1, trạm bơm Đình Dù thuộc hệ thống mương tiêu cho khu vực. Dự án không thu hồi, chiếm dụng công trình thủy lợi nên không tác động đến các công trình thủy lợi này. Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng, công trình thủy lợi nằm cạnh khu đất dự án có thể bị ảnh hưởng do nước thải xây dựng, quá trình tập kết nguyên vật liệu. Vì vậy, Dự án thi công nhanh gọn, dứt điểm các hạng mục công trình tại khu vực tiếp giáp công trình thủy lợi xung quanh, không để các vật liệu thi công và chất thải rơi vãi làm tắc nghẽn mương.

3.2.2. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.2.2.1. Biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động có liên quan đến chất thải

a, Biện pháp giảm thiểu các tác động đối với môi trường không khí

Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động thi công đào và từ hoạt động vận chuyển vật liệu xây dựng:

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;
- Che kín mọi phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng (cát, đất, xi măng, đá...) để tránh phát tán bụi;
- Không vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm;
- Đặt các biển báo, phân vùng cách ly an toàn xung quanh khu vực thi công;
- Vật liệu xây dựng được chứa trong các kho chứa để quản lý, tránh hiện tượng phát tán bụi ra môi trường xung quanh;
- Thiết bị và máy móc cơ khí được bảo trì thường xuyên để giảm thiểu ô nhiễm do khói xe;
- Không đốt các nguyên vật liệu tại khu vực dự án;
- Phun, tưới nước thường xuyên để giảm thiểu lượng bụi phát tán.
- Lắp đặt tấm chắn cao 2m để hạn chế bụi phát sinh ra khu vực xung quanh;

b, Biện pháp giảm thiểu các tác động đối với môi trường nước

Nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật chỉ là nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại công trường, nước thải thi công và nước mưa chảy tràn.

- Nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường:

- + Lượng nước thải sinh hoạt tại công trường xây dựng dự án trong giai đoạn này sẽ được khống chế bằng cách tăng cường tuyển dụng nhân công tại khu vực, tổ chức hợp lý các nguồn nhân lực trong các giai đoạn thi công tránh tình trạng tập trung quá đông nhân công.

- + Đối với nước thải sinh hoạt: trong quá trình xây dựng các hạng mục công trình nước thải sinh hoạt phát sinh sẽ được xử lý bằng nhà vệ sinh, dự án dự kiến lắp 02 nhà vệ sinh loại 2.000 lít. Vị trí đặt nhà vệ sinh di động được bố trí ngay khu vực cuối khu đất. Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bùn cặn vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- + Ban hành nội quy nghiêm cấm công nhân phóng uế, vứt rác thải sinh hoạt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

- + Tăng cường nhắc nhở cán bộ nhân viên ý thức tiết kiệm sử dụng nước và tuân thủ nội quy quy định của công ty.

- Nước mưa chảy tràn và nước thải thi công:

- + Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát nước thải trong khu vực dự án.

- + Các tuyến thoát nước mưa, nước thải thi công được thực hiện phù hợp với quy hoạch thoát nước của dự án cũng như của toàn khu vực nói chung.

- + Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị được dẫn vào hệ thống thu gom riêng, qua song chắn rác, hố ga lắng cặn (bên trong hố ga có tấm vật liệu thấm dầu để thấm hút toàn bộ dầu thải từ nước thải thi công). Công ty bố trí 02 hố ga với kích thước của mỗi hố ga lắng cặn là $L \times B \times H = 1m \times 1m \times 1m$, để xử lý sơ bộ nước thải thi công:

Nước thải thi công → Hố ga (có vật liệu thấm dầu) → Hố lắng tập trung → Tuần hoàn lại cho hoạt động thi công, phun ẩm.

- + Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát thải.

- + Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn.

c, Giảm thiểu tác động do chất thải rắn

- Thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng trong giai đoạn thi công. Hạn chế các phế thải phát sinh trong thi công.

- Đất hữu cơ bóc bề mặt, bùn mương:

Đất đào từ quá trình nạo vét hữu cơ được công nhân sử dụng máy cẩu, xe rùa thu gom, tập kết tại góc công trường, đảm bảo không ảnh hưởng tới hoạt động thi công trên công trường;

Khối lượng bóc tách đất hữu cơ bề mặt và bùn đáy mương được tính toán là 8.334,83 m³, lượng đất cần đắp cho khu cây xanh là 12.168 m³. Do vậy, lượng đất bóc tách đất hữu cơ bề mặt sử dụng cho đắp bù cây xanh, không vận chuyển ra ngoài khu vực đất dự án.

- Ngoài ra, sinh khối phát quang: Trước khi thi công, chủ đầu tư thông báo đề các hộ dân chủ động thu hoạch hoa màu các cây ăn quả trên đất. Khối lượng thực bì dọn dẹp cần thải bỏ sẽ hợp đồng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện quản lý CTR xây dựng theo Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên:

- Chất thải rắn xây dựng chủ yếu gạch vỡ vụn, cát, sỏi, bê tông vụn được tận dụng để san lấp mặt bằng.

- Các chất thải có thể tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì xi măng, chai lọ, các mẫu sắt thép dư thừa được thu gom, phân loại, tập trung về khu lưu giữ chất thải thông thường, sau đó chuyển giao cho các đơn vị có chức năng tái chế.

- Hạn chế tối đa phế thải phát sinh trong thi công bằng việc tính toán hợp lý vật liệu và thường xuyên nhắc nhở công nhân ý thức tiết kiệm và thắt chặt quản lý, giám sát công trình.

Nhà thầu thi công sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng (như Công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11) định kỳ đến thu gom, vận chuyển và đưa toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng đi xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt: giai đoạn thi công xây dựng của dự án công nhân không ăn, ở 24/24 trên công trường vì vậy lượng chất thải rắn phát sinh không nhiều, toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định. Bố trí 2 thùng chứa chất thải sinh hoạt dung tích khoảng 200 lít/thùng đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải phát sinh của dự án, không phát sinh ra ngoài môi trường.

- Chất thải nguy hại: Thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn.

+ Thu gom CTNH vào các thùng riêng, có nắp che đậy tránh nhiễm vào đất và nguồn nước, bố trí 4 thùng đựng rác thải có dung tích khoảng 500 lít/thùng.

+ Tránh để chất thải nguy hại tiếp xúc với nhiệt và lửa để giảm nguy cơ cháy nổ;

+ Sử dụng dụng cụ chứa, đựng phù hợp với từng loại chất thải nguy hại khác nhau;

+ Trang bị găng tay, khẩu trang bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi phải tiếp xúc với các CTNH này;

Thu gom riêng và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định (như Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11).

3.2.2.2. Biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động không liên quan đến chất thải

a, Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động;

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, tránh làm việc vào giờ nghỉ của dân cư, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông và giờ cao điểm, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe để giảm tối đa tiếng ồn phát sinh, đặc biệt khi đi qua khu dân cư hoặc vào giờ nghỉ. Ngoài ra, các máy móc có tiếng ồn lớn sẽ không vận hành vào đêm khuya.

- Các công nhân xây dựng sẽ được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị đảm bảo hoạt động tốt;

- Ngoài ra, các phương tiện vận tải hạng nặng sẽ được quản lý tốt trong khi vận chuyển vật liệu xây dựng trong vùng đô thị để giảm phát sinh tiếng ồn.

Việc áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và rung nêu trên sẽ cho phép môi trường tại khu vực dự án nằm trong các giới hạn cho phép theo quy định của:

QCVN 26:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn);

QCVN 27:2010/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung);

b, Giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội

- Dự án tập trung một lực lượng lao động làm việc hàng ngày trong suốt thời gian thi công là điều kiện dễ nảy sinh mâu thuẫn giữa công nhân và người dân địa phương. Sự xáo trộn xã hội, kéo theo một số hiện tượng tiêu cực có thể dẫn đến các tệ nạn xã hội (cờ bạc, rượu chè, ma túy, mại dâm,...). Chính vì vậy, chủ dự án có các biện pháp phòng ngừa ứng phó kịp thời như:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát các khu vực thi công;

- Kết hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý công nhân lao động.

- Đối với hệ thống đường giao thông: Kiểm tra độ chịu tải của hệ thống giao thông khu vực để xác định loại xe vận chuyển có trọng tải phù hợp khi tham gia giao thông. Có các giải pháp khắc phục và sửa chữa các tuyến đường hư hỏng do quá trình thi công của dự án gây ra để đảm bảo không ảnh hưởng đến đi lại của người dân trong khu vực.

- Thi công theo phương án thiết kế đã được cơ quan chức năng phê duyệt.

- Trong quá trình thi công xây dựng lượng khí thải và chất thải phát sinh sẽ làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, hiện tượng sụt lở đất có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến chất lượng đất và công trình ở gần. Vì vậy trong quá trình thi công cần tuân thủ đúng các quy trình kỹ thuật đã thiết kế, thi công.

Ngoài ra, nguồn tiếp nhận nước thải và nước mưa của dự án được đưa về kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù (nằm ở phía Đông của dự án). Do vậy, để giảm thiểu tối đa tác động tới hoạt động tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước của khu vực thì dự án bố trí hệ thống thu gom với độ dốc đường ống đảm bảo khả năng tự chảy, tránh ứ đọng nước mưa chảy tràn. Riêng nước thải sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn hiện hành của địa phương trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

c, Giảm thiểu tác động đến công trình thủy lợi

- Trong quá trình xây dựng có thu hồi khoảng 1.199,3 m² đất nương thủy lợi phục vụ tiêu do đó để không ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của công trình, chủ dự án sẽ thực hiện hoàn trả công trình như trong biên bản thỏa thuận về việc thống nhất phương án, chỉ tiêu kỹ thuật công trình thủy lợi và đầu nối thoát nước với cơ quan quản lý công trình thủy lợi trước khi thực hiện san lấp. Cụ thể:

* Hoàn trả kênh tiêu T1-4 Trạm bơm Đình Dù từ K₀₊₀ ÷ K₀₊₃₁₀:

+ Đất công trình hoàn trả: Nằm trong đất thu hồi thực hiện dự án.

+ Tuyến công trình: Nằm trong quy hoạch, khu dự án và liền kề (phía Tây, phía Nam) dọc theo dải cây xanh của dự án; điểm đầu tuyến kênh (K0) kết nối với kênh hiện trạng (T1-4) phía Tây dự án, điểm cuối tuyến kênh (K0+310) kết nối với Kênh T1 trạm bơm Đình Dù.

- Chiều dài kênh hoàn trả khoảng : L =310m;

- Kênh xây hoặc BTCT với kích thước (BxH)=(1,0x1,5)m;

- Cao độ đáy kênh thiết kế: +1,3m

- Độ dốc đáy kênh i=10 cm/km; hướng dốc từ K0 về K0+310

- Chiều rộng bờ tả (phía giáp dự án): B_{bờ}=2,5m

- Chiều rộng bờ hữu (phía giáp ruộng): B_{bờ}=3,0m

- Hệ số mái bờ kênh đất tả và hữu: m=1,5

* Xây dựng các cống đầu kênh, cống trên kênh:

- Xây mới cống hộp cuối kênh tại vị trí K0+310, khẩu độ thiết kế (BxH)=(1,5x1,5)m, cao độ đáy thiết kế +1,2m; trang vị dàn van, cánh cống, máy đóng mở.

- Xây mới cống trên kênh T1-4 tại vị trí giáp K0 điểm đầu kênh hoàn trả, khẩu độ BxH = (1,0x1,5)m, cao độ đáy thiết kế +1,3m.

Ngoài ra, hoạt động thi công xây dựng sẽ tác động tới hiện trạng công trình và chất lượng nước của kênh do rơi vãi vật liệu xây dựng và nước thải xây dựng thoát xuống mương nên để giảm thiểu tác động của hoạt động này tới công trình thủy lợi, chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

- Thực hiện thi công nhanh gọn, dứt điểm các hạng mục công trình tại khu vực tiếp giáp kênh thủy lợi xung quanh, không để các vật liệu thi công và chất thải rơi vãi làm tắc nghẽn kênh, không ảnh hưởng đến việc tưới tiêu thoát nước của công trình thủy lợi khu vực nằm liền kề dự án.

- Che chắn nguyên vật liệu trong quá trình vận chuyển và tập kết để hạn rơi vãi nguyên vật liệu.

- Thường xuyên dọn dẹp mặt bằng xây dựng tránh để rác thải rơi xuống công trình thủy lợi gây tắc nghẽn.

- Tuyên truyền, yêu cầu công nhân có ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, không vứt rác xuống rãnh thoát nước, đồng thời thường xuyên nạo vét bùn cặn tại hệ thống đường ống thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước chung.

- Nước thải trong quá trình xây dựng được qua hố lắng để xử lý và được tuần hoàn tận dụng triệt để tưới ẩm trong quá trình san lấp để hạn chế bụi nên không phát sinh nước thải do đó giảm thiểu tác động đến công trình thủy lợi..

3.2.2.3. Biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố của dự án

a. Giảm thiểu tai nạn giao thông

- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu theo giờ, tránh vận chuyển vào giờ cao điểm; Các phương tiện vận chuyển phải thực hiện nội quy vệ sinh do Chủ dự án đề ra;

- Có đội ngũ giám sát quá trình thi công, có nhân viên bảo vệ, hướng dẫn các phương tiện vận chuyển ra vào công trình;

- Thường xuyên bảo dưỡng các xe vận chuyển;

- Đặt bảng báo hiệu tại các đoạn đường đang có công trình và đảm bảo số lượng xe vào công trình, tránh tình trạng các phương tiện này gây ùn tắc tại gần khu vực dự án;

b. Giảm thiểu tai nạn lao động

- Tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng đều được học tập về các quy định An toàn và Vệ sinh lao động;

- Các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình. Biết cách giải quyết khi có sự cố xảy ra.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành;

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng

tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn;

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi tổ chức thi công, bố trí hợp lý các thiết bị, máy móc thi công để ngăn ngừa tai nạn;

- Có rào chắn, các biển báo nguy hiểm tại những nơi có khả năng rơi, ngã hoặc điện giật;

- Tạo hàng rào ngăn cách để tách biệt các khu vực nguy hiểm như: Trạm điện, các loại vật liệu dễ cháy, dễ nổ.

c. Phòng chống và ứng phó sự cố cháy nổ

- Cấm hút thuốc tại công trường;

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc thiết bị để đảm bảo độ an toàn, tránh nguy cơ xảy ra cháy nổ;

- Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa nguyên vật liệu, nhiên liệu tại công trường;

- Phải bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, hệ thống bơm, phun nước....

d. Giảm thiểu tác động đến an ninh, trật tự xã hội

- Giữ mối liên hệ tốt với chính quyền địa phương và dân cư trong vùng để được thông báo và kết hợp giải quyết các vấn đề phát sinh xung đột trong quá trình thực hiện dự án;

- Có hình thức kỷ luật nghiêm khắc với công nhân khi chơi cờ bạc, lô đề hay các tệ nạn xã hội khác....

3.3. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

3.3.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động liên quan đến chất thải

Các nguồn phát sinh chất thải cũng như loại chất thải sinh ra và đối tượng chịu tác động khi dự án đi vào vận hành được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 3.14: Tổng hợp nguồn phát sinh chất thải giai đoạn hoạt động của dự án

Chất ô nhiễm	Nguồn gây ô nhiễm	Đối tượng chịu tác động
Nước thải	- Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án; - Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh và khu nhà bếp. - Nước làm mát tuần hoàn không thải bỏ	- Môi trường nước, đất trong khu vực dự án

Chất ô nhiễm	Nguồn gây ô nhiễm	Đối tượng chịu tác động
Bụi, khí thải	- Bụi và khí thải phát sinh ra do phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào kho và nhà máy; - Bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, bốc dỡ sản phẩm tại nhà kho; - Khí thải phát sinh từ công đoạn đun ép sản phẩm - Bụi từ công đoạn cắt xẻ tấm lợp và cắt xẻ thép cuộn. - Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng	- Môi trường không khí khu vực dự án - Giao thông khu vực - Sức khỏe công nhân viên làm việc tại công ty
Chất thải rắn	- Chất thải rắn sinh hoạt: rác thải sinh hoạt, bùn thải từ bể tự hoại - Chất thải công nghiệp thông thường : bavia giấy, bao bì nilong, chai lọ bùn thải từ bể chứa nước làm mát tuần hoàn....	- Môi trường không khí, nước. - Mỹ quan khu vực.
Chất thải nguy hại	Bóng đèn huỳnh quang hỏng; giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ; dầu thải; các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác; pin, ắc quy thải.	- Môi trường không khí, nước, đất

a, Tác động của Dự án tới môi trường không khí

* Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông

Thành phần khí ô nhiễm từ quá trình đốt nhiên liệu của động cơ chủ yếu là CO, CO₂, SO₂, NO_x.

Theo số liệu thống kê của tổ chức Y tế thế giới (WHO), lượng phát thải khí độc do các phương tiện được xác định trong bảng sau:

Bảng 3.15: Tải lượng khí thải của các phương tiện vận tải khi hoạt động

Xe tải	Đơn vị (u)	TSP (kg/u)	SO ₂ (kg/u)	NO ₂ (kg/u)	CO (kg/u)	THC (kg/u)	Chì (kg/u)
<i>Xe tải chạy xăng trọng tải 3,5 tấn trở lên</i>							
Chạy trong thành phố	1000km	0,4	4,5S	4,5	70	7	0,31
	1 tấn N.liệu	3,5	20S	20	300	30	1,35
Chạy trên đường cao tốc	1000km	0,6	3,3S	7,5	50	3,5	0,22
	1 tấn N.liệu	3,6	20S	45	300	20	1,35
<i>Xe tải chạy diesel trọng tải 3,5 đến 16 tấn</i>							

Chạy trong thành phố	1000km	0,9	4,29S	11,8	60	2,6	0,28
	1 tấn N.liệu	4,3	20S	55	28	12	1,32

(Nguồn: WHO, 1993)

Ghi chú: S là hàm lượng lưu huỳnh có trong nhiên liệu 0,25%

Hiện nay, các nhiên liệu như xăng sinh học đã được phổ biến rộng rãi nên việc phát sinh khí thải của các phương tiện vận chuyển cũng được giảm thiểu đi khá nhiều. Để giảm thiểu ảnh hưởng của khí thải từ các phương tiện vận chuyển hoạt động tại dự án đến môi trường xung quanh, dự án cần có các biện pháp tuyên truyền đến các lái xe sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường và các công nhân phải thực hiện nghiêm ngặt vệ sinh lao động trong dự án, sử dụng hiệu quả các trang bị bảo hộ của Công ty cấp phát để bảo vệ sức khỏe của chính mình.

Dự án nằm tại địa thế thuận lợi, không gian thông thoáng do đó lượng khí thải này tác động không đáng kể đến người dân sống xung quanh khu vực thực hiện dự án.

Giai đoạn vận hành dự án sử dụng khoảng 10 lượt xe/ngày khi đó tải lượng khí thải độc hại sinh ra từ quá trình vận chuyển hàng hoá và nguyên vật liệu sản xuất của các phương tiện vận chuyển được tính toán cụ thể như sau:

Bảng 3.16: Tải lượng các chất khí ô nhiễm do ô tô vận chuyển gây ra

Chất ô nhiễm	Tải lượng chất ô nhiễm theo tải trọng xe, kg/1000km	Giai đoạn vận hành	
		Quãng đường xe đi được, km/ngày	Tải lượng, g/ngày
Bụi	0,15	10	1,5
SO ₂	4,15 S		0,1
NO ₂	1,44		14,4
CO	2,9		29
VOC	0,8		8

(Nguồn: WHO, 1993 và tính toán)

Giả thiết: quãng đường di chuyển khoảng 1 km

S: hàm lượng lưu huỳnh có trong nhiên liệu 0,25%

Hiện nay các nhiên liệu như xăng sinh học đã được phổ biến rộng rãi nên việc phát sinh khí thải của các phương tiện vận chuyển cũng được giảm thiểu đi khá nhiều. Để giảm thiểu ảnh hưởng của khí thải từ các phương tiện vận chuyển hoạt động tại dự án đến môi trường xung quanh, dự án cần có các biện pháp tuyên truyền đến các lái xe sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường và các công nhân phải thực hiện nghiêm ngặt vệ sinh lao động trong dự án, sử dụng hiệu quả các trang bị bảo hộ của Công ty cấp phát để bảo vệ sức khỏe của chính mình.

*) Bụi phát sinh trong quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, bốc dỡ sản phẩm tại nhà kho:

Trong quá trình bốc dỡ nguyên liệu sản xuất, sản phẩm và hàng hóa, những lớp bụi bám trên các bao bì đựng nguyên liệu vận chuyển trong nhà máy cũng tương đối cao phát tán vào trong không khí làm cho hàm lượng bụi trong khu vực bốc dỡ tăng lên, tuy nhiên lượng bụi phát sinh mang tính chất cục bộ, tác động không lớn, tuy vậy cần trang bị bảo hộ cho công nhân bốc dỡ để đảm bảo vệ sinh an toàn lao động.

b) Khí thải phát sinh từ công đoạn đùn ép:

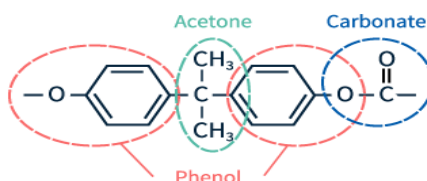
Tính toán lượng khí thải phát sinh từ quá trình đùn ép của nhà máy như sau:

Bảng 3.17. Khí ô nhiễm, hệ số phát thải đối với loại hình sản xuất sản phẩm nhựa

Mã số SSC	Mô tả	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải
3-08-010-01	Sản xuất keo dán	VOC	12,5 Lb/tấn sản phẩm
3-08-010-02	Đùn ép nhựa, tạo hạt	VOC	0,0706 Lb/tấn nhựa
3-08-010-03	Sản xuất phim, hình khuôn nhựa	Bụi VOC	0,082 Lb/tấn nhựa 0,0284 Lb/ tấn nhựa
3-08-010-04	Sản xuất tấm thảm	VOC	3,5 Lb/tấn nhựa
3-08-010-05	Sản xuất chất tạo bọt	VOC	60 Lb/tấn nhựa

(Nguồn: Michican Department of Environmental Quality- Environment Science and Services Division)

Quy đổi 1 Lb = 453,5924 gram. Trong giai đoạn vận hành tổng khối lượng hạt nhựa dự kiến sử dụng là **1.263,12** tấn/năm. Công thức hoá học của nhựa Polycarbonate:



Công thức hoá học của nhựa Polycarbonate bao gồm 2 gốc Phenol, 1 gốc Axeton và 1 gốc cacbonat. Khi đùn ép ở nhiệt độ 300 độ C, cấu trúc phân tử của nhựa bị phá vỡ và giải phóng các gốc phenol và Axeton.

Khối lượng nhựa sử dụng lớn nhất khoảng 4,048 tấn/ngày và lượng hơi VOCs phát sinh tương đương 129,64 g/ngày, hơi VOCs phát sinh là hơi phenol và hơi Axeton. Do đó tải lượng khí thải phát sinh tại công đoạn đùn ép sẽ được tính toán như sau:

Căn cứ tải lượng khí thải phát sinh theo tính toán và diện tích khu vực đặt thiết bị đùn ép là khoảng 500 m², chiều cao trung bình công nhân là 1,65m thì nồng độ khí thải phát sinh tại khu vực đặt thiết bị đùn ép là:

$$(129,64 \times 10^3)/(500 \times 1,65 \times 8) = 19,64 \text{ (mg/m}^3\text{)}$$

Đổi 1 mg/m³ = 0,762 mg/Nm³. Như vậy nồng độ hơi VOCs phát sinh trong công đoạn đùn ép nhựa là 14,96 mg/Nm³. Mặt khác, Axeton không quy định giới hạn,

nồng độ phenol thấp hơn so với giới hạn cho phép của QCVN 20/2009/BTNMT (<19 mg/Nm³). Tuy nhiên, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu và cải thiện môi trường làm việc đồng thời trang bị bảo hộ lao động cho công nhân để giảm tác động xấu của khí thải tại công đoạn này đến người lao động và môi trường xung quanh dự án.

**) Bụi từ công đoạn cắt xẻ tấm lợp và cắt xẻ thép*

Công đoạn này làm phát sinh một lượng nhỏ bụi kim loại. Theo kinh nghiệm sản xuất nhà máy tại thành phố Hà Nội của Chủ dự án thì lượng bụi phát sinh trong công đoạn cắt tấm rất nhỏ khoảng 0,001% lượng sản phẩm.

Khối lượng sản phẩm trong giai đoạn này là 22.022 tấn/năm (tương đương 70,58 tấn/ngày), dự án làm việc 8h/ngày.

Khu vực cắt có diện tích 200 m², chiều cao tác động theo tính toán khoảng 1,1m và thời gian làm việc 8h/ngày nồng độ bụi phát sinh trong từ công đoạn cắt của nhà máy được tính như sau:

$$C = 70,58 \times 0,001\% \times 10^6 / 200 \times 1,1 \times 8 = 0,4 \text{ (mg/m}^3\text{)}$$

Theo QCVN 02:2019/BYT thì lượng bụi phát sinh trong khu vực nhà xưởng vượt 4 mg/m³. Qua tính toán trên cho thấy nồng độ bụi phát sinh từ công đoạn cắt tấm của dự án nằm trong giới hạn cho phép.

**) Hơi phát sinh từ quá trình phun sơn*

Chuyển đổi nồng độ của hơi hóa chất từ điều kiện thường về điều kiện tiêu chuẩn: Áp dụng phương trình ceclaparon mendeleep, điều kiện thực tế ta tính được 1 mg/m³ = 0,762 mg/Nm³. Vậy nồng độ hơi hóa chất phát sinh trong điều kiện tiêu chuẩn sẽ là 109,2 mg/Nm³. Nồng độ phát sinh của Metylaxetat cao hơn giới hạn tiếp xúc tối đa tại nơi làm việc theo QCVN 03:2019/BYT (<100 mg/m³) và thấp hơn giới hạn cho phép theo QCVN 20:2009/BTNMT (<610 mg/Nm³). Do đó, để giảm thiểu tác động đến sức khỏe công nhân tại khu vực này, Công ty sẽ đầu tư hệ thống xử lý hơi hoá chất đảm bảo đạt QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

**) Khí thải từ hoạt động của máy phát điện công suất 350 KVA*

Dự án sử dụng 02 máy phát điện với công suất mỗi máy là 350 kVA và đặt tại khu riêng biệt. Máy phát điện dự phòng sử dụng nhiều loại nhiên liệu đầu vào khác nhau như: diesel, xăng, propal và khí thiên nhiên tùy thuộc vào công suất động cơ và loại máy. Nhưng đa phần với các máy phát điện công nghiệp nguồn nhiên liệu chủ yếu được sử dụng là xăng hoặc dầu diesel và máy phát điện của các dự án này cũng sử dụng dầu diesel là nhiên liệu chính. Quá trình đốt cháy nhiên liệu của máy phát điện có sinh ra các khí thải có thành phần gồm: SO₂; NO_x; CO và bụi.

Tính lưu lượng khí thải của 2 máy phát điện mỗi máy công suất 350 KVA. Định mức tiêu hao nhiên liệu của máy phát điện là 50 lít dầu DO/h.

Bảng 3.18. Tải lượng các chất gây ô nhiễm từ khí thải máy phát điện dự phòng sử

dùng dầu DO (hàm lượng S=0,5%)

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/1000 lít dầu)	Tải lượng ô nhiễm (kg/h)
1	Bụi tổng	1,79	0,89
2	SO ₂	10,81S	2,7
3	NO _x	8,63	4,32
4	CO	0,24	0,12

(Nguồn: Air pollution, MC graw-Hill kogakuka, 1994)

Tính lưu lượng khí thải theo công thức:

$$L = B \times \{V_o^{20} + (\mu - 1)V_o\} \times (273 + T)/273 \text{ (m}^3/\text{h)}$$

(Nguồn : Sổ tay hướng dẫn xử lý ô nhiễm môi trường trong sản xuất tiểu thủ công nghiệp – Tập 2 : Xử lý khói thải lò hơi)

Tính tương tự như với khí thải lò hơi, với các thông số :

L : Lưu lượng khí thải

B : Lượng dầu DO đốt (B = 50 lít/h tương đương 89 kg/h).

V_o : Lượng không khí cần để đốt cháy 1 kg dầu DO, V_o = 10,5 m³/kg

μ : Hệ số thừa không khí, giá trị chọn μ = 1,25

V_o²⁰ : Lượng khối (20⁰C) sinh ra khi đốt 1 kg dầu DO, V_o = 11,5 m³/kg

T: Nhiệt độ khí thải, T = 200⁰C

Áp dụng công thức tính trên, tính được lưu lượng khối thải của máy phát điện là 2022,65 m³/h.

Lưu lượng khối thải của máy phát điện ở điều kiện tiêu chuẩn:

$$L_2 = v_0^{20} \times 89 = 1023 \text{ m}^3/\text{h}$$

Như vậy, nồng độ các chất ô nhiễm sinh ra khi vận hành máy phát điện với lượng dầu tiêu thụ 50lít/h được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 3.19. Nồng độ các chất gây ô nhiễm từ khí thải máy phát điện

TT	Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/Nm ³)	QCVN 19-2009/BTNMT (mg/Nm ³)
1	Bụi	86,96	200
2	SO ₂	263,8	500
3	NO _x	422,08	850
4	CO	11,724	1000

Ghi chú: QCVN 19-2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với bụi và các chất vô cơ, cột B,

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện với QCVN 19-2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện đều nhỏ hơn giới hạn cho phép. Đồng thời, máy phát điện chỉ được sử dụng khi gặp sự cố mất điện nên thời gian

sử dụng rất ngắn và không thường xuyên. Vì vậy lượng khí thải phát sinh là rất ít, ảnh hưởng cục bộ trong thời gian rất ngắn đến môi trường.

****) Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án***

Tại trạm XLNT tập trung của dự án, các chất ô nhiễm không khí phát sinh từ quá trình phân hủy sinh học từ các quá trình hiếu khí, thiếu khí, yếm khí tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

Thành phần các chất ô nhiễm không khí phát thải chủ yếu là các sản phẩm của quá trình phân hủy vật chất hữu cơ như CH_4 , NH_3 , H_2S ,.... Lượng khí này thực tế không lớn nhưng thường có mùi đặc trưng, gây cảm giác khó chịu cho khu vực dự án do đó Chủ đầu tư sẽ có biện pháp khắc phục để hạn chế tác động tới môi trường khu vực và người dân khu vực lân cận Dự án.

Ngoài ra, trạm xử lý nước thải tập trung được phát hiện là nơi sinh ra các Sol khí sinh học có thể phát tán theo gió trong không khí trong khoảng vài chục mét đến vài trăm mét. Trong Sol khí người ta thường bắt gặp các vi khuẩn, nấm mốc... và chúng có thể là những mầm gây bệnh hay nguyên nhân gây những dị ứng qua đường hô hấp.

Sự hình thành các Sol khí sinh học ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh khu vực trạm xử lý nước thải. Đối với trạm xử lý nước thải tập trung của dự án, nguồn phát thải sol khí sinh học chủ yếu tại bể hiếu khí.

Sự hình thành các Sol khí sinh học ảnh hưởng đến chất lượng không khí xung quanh khu vực trạm xử lý nước thải. Đối với trạm xử lý nước thải tập trung của dự án, nguồn phát thải sol khí sinh học chủ yếu tại bể hiếu khí.

Bảng 3.18. Mật độ vi khuẩn trong không khí tại trạm xử lý nước thải tập trung

TT	Nhóm vi khuẩn	Giá trị (CFU/m ³)	Trung bình (CFU/m ³)
1	Tổng vi khuẩn	0 – 1290	168
2	E.coli	0 – 240	24
3	Vi khuẩn đường ruột và loài khác	0 – 1160	145
4	Nấm	0 - 60	16

Nguồn: 7th International Conference on Environmental Science and Technology – Ermoupolis. Bioaerosol formation near wastewater treatment facilities, 2001

Ghi chú: CFU/m³ = Đơn vị khuẩn lạc (Colony Forming Units)/m³

Bảng 3.19. Lượng vi khuẩn phát tán từ trạm xử lý nước thải

	Lượng vi khuẩn /1 m ³ không khí			
Khoảng cách	0 m	50 m	100 m	>500m
Cuối hướng gió	100 - 650	50 - 200	5 - 10	-
Đầu hướng gió	100 - 650	10 - 20	-	-

Nguồn: 7th International Conference on Environmental Science and Technology – Ermoupolis. Bioaerosol formation near wastewater treatment facilities, 2001

Lượng vi khuẩn phát sinh từ trạm xử lý nước thải khác nhau đáng kể ở từng vị trí, cao nhất ở tại trạm xử lý nước thải nhưng lại thấp khi ở khoảng cách xa. Tác động này chỉ ảnh hưởng trong phạm vi nhỏ ở khu vực của trạm xử lý nước thải, mức độ thấp và không thể tránh khỏi.

***) Mức độ tác động:**

SO₂: Là chất khí gây kích thích mạnh, gây co giật cơ trơn, tăng tiết dịch, viêm các chứng bệnh khác của đường hô hấp. Ngoài ra SO₂ còn có thể gây ra sự rối loạn chuyển hóa protein và đường, gây thiếu vitamin B và C, ức chế enzym oxydaza. Khí SO₂ xâm nhập vào cơ thể qua đường hô hấp hoặc hoà tan với nước bọt, từ đó qua đường tiêu hoá để ngấm vào máu. SO₂ trong không khí dễ bị oxy hóa thành SO₃ tác dụng với hơi nước trong khí quyển tạo thành acid Sulfuric hay muối sulfat tác động có hại cho cây trồng. Giới hạn nồng độ SO₂ cho phép trong khu vực sản xuất là 20mg/m³ còn ở vùng xung quanh và khu dân cư là 0,3mg/m³.

CO: Là khí không màu, không mùi, sinh ra trong điều kiện đốt thiếu không khí, con người đề kháng với CO rất khó khăn. Khi hít phải, CO sẽ đi vào máu, chúng phản ứng với Hemoglobin (có trong hồng cầu) thành một cấu trúc bền vững nhưng không có khả năng tải ôxy, khiến cho cơ thể bị ngạt. Nếu lượng CO hít phải lớn, sẽ có cảm giác đau đầu, chóng mặt, mệt mỏi, buồn nôn, ngất và rối loạn nhịp tim. Nếu CO nhiều, có thể bất tỉnh hoặc chết ngạt rất nhanh. Khi bị ôxy hoá, CO biến thành khí cacbonic (CO₂). Khí CO₂ cũng gây ngạt nhưng không độc bằng CO.

NO_x: Oxit nitơ có nhiều dạng, do nitơ có 5 hoá trị từ I đến V. Do ôxy hoá không hoàn toàn nên nhiều dạng oxit nitơ có hoá trị khác nhau hay đi cùng nhau, được gọi chung là NO_x. Có độc tính cao nhất là NO₂, khi chỉ tiếp xúc trong vài phút với nồng độ NO₂ trong không khí 5 phần triệu đã có thể gây ảnh hưởng xấu đến phổi, tiếp xúc vài giờ với không khí có nồng độ NO₂ khoảng 15-20 phần triệu có thể gây nguy hiểm cho phổi, tim, gan; nồng độ NO₂ trong không khí 1% có thể gây tử vong trong vài phút. NO_x có thể xâm nhập vào đường hô hấp gây loét hoặc qua đường tiêu hoá vào máu với nồng độ 100ppm có thể dẫn tới tử vong. NO₂ cũng có thể tác dụng với hơi nước trong môi trường không khí ẩm tạo acid ngưng tụ rơi xuống phá hủy cây cối mùa màng, rỗ gỉ kim loại, ăn mòn công trình. NO_x bị ôxy hoá dưới ánh sáng mặt trời có thể tạo khí Ôzôn gây chảy nước mắt và mẩn ngứa da, NO_x cũng góp phần gây bệnh hen, thậm chí ung thư phổi, làm hỏng khí quản.

Bụi: là những hạt có kích thước nhỏ, bay lơ lửng trong không khí, bụi có thể gây ra nhiều tác hại khác nhau nhưng trong đó tác hại đối với sức khỏe con người là

quan trọng nhất. Bụi có thể gây tổn thương đối với mắt, da hoặc hệ tiêu hóa (một cách ngẫu nhiên), nhưng chủ yếu là sự xâm nhập vào phổi do hít thở và lắng đọng lại trong phổi gây ra bệnh bụi phổi (pneumoconiosis). Làm suy giảm hệ hô hấp, xơ hóa lá phổi và tổn thương nghiêm trọng hệ hô hấp.

Hơi Methyl acetat: Methyl acetat có độc tính khá thấp và thân thiện với môi trường. Trong quá trình bảo quản và sử dụng cần lưu ý để Methyl acetate ở nơi thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, để xa các nguồn có thể gây cháy nổ, sau khi sử dụng cần đậy kín để giảm quá trình bay hơi của Metyl acetat.

Tác động tức thời:

- Kích ứng đường hô hấp: Khi hít phải Ethyl acetate với nồng độ cao, người lao động có thể bị kích ứng mũi và họng, dẫn đến ho, khó thở, chảy nước mũi.
- Kích ứng da: tiếp xúc trực tiếp với Ethyl acetate có thể gây kích ứng da, biểu hiện như mẩn đỏ, khô rát, bong tróc.
- Hệ thần kinh: tiếp xúc với nồng độ Ethyl acetate rất cao có thể gây ra chóng mặt, buồn nôn, đau đầu và mệt mỏi.

Tác động lâu dài:

- Nếu tiếp xúc thường xuyên với Ethyl acetate ở nồng độ thấp đến trung bình, người lao động có thể gặp các vấn đề về hô hấp như viêm mũi dị ứng hoặc hen suyễn.
- Tiếp xúc da kéo dài với Ethyl acetate có thể gây viêm da tiếp xúc dị ứng.

b, Tác động tới môi trường nước

*** Nguồn tác động**

- Nước mưa chảy tràn;
- Nước thải sinh hoạt;
- Nước làm mát sử dụng tuần hoàn, không thải bỏ.

*** Mức độ tác động**

- *Nước mưa chảy tràn*

Khi dự án đi vào hoạt động thì khu vực thực hiện dự án đã được xây dựng hoàn thiện hạ tầng giao thông, hệ thống cấp điện và hệ thống cấp thoát nước. Đường giao thông đã được đổ bê tông không thấm nước nên nước mưa chảy tràn giai đoạn này tương đối sạch chứa chủ yếu là các tạp chất vô cơ khó tan có kích thước nhỏ như bụi từ sân, đường đi, từ mái nhà... Ngoài ra với chất thải có kích thước lớn khi bị nước mưa cuốn theo sẽ làm tắc nghẽn dòng chảy, gây ngập úng khi có mưa lớn.

Với diện tích khu đất thực hiện dự án là 20.433 m² với tổng lượng mưa trung bình khoảng 1.500 – 1.600 mm/năm thì tổng lượng nước mưa chảy tràn phát sinh trên khu đất thực hiện dự án phát sinh khoảng 60.000 – 64.000 m³/năm. Nước mưa khá sạch, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa chảy tràn theo WHO được ước tính như sau:

Tổng Nitơ	: 0,5 ÷ 1,5 mg/l;
Photpho	: 0,004 ÷ 0,03 mg/l;
COD	: 10 ÷ 20 mg/l;
Tổng chất rắn lơ lửng	: 10 ÷ 20 mg/l.

Tuy nhiên nếu các tuyến cống thoát nước có bùn cặn lắng đọng nhiều thì khi nước mưa thoát không kịp sẽ gây úng ngập tức thời. Chủ dự án sẽ có biện pháp giảm thiểu để hạn chế các tác động từ nước mưa.

** Nước thải sinh hoạt*

Khi dự án Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải đi vào hoạt động thì lượng nước thải sinh hoạt phát sinh, số lượng công nhân việc làm việc tại dự án tối đa khoảng 165 người. Với mức tiêu thụ nước trung bình của một người là khoảng 0,07 m³/ngày (áp dụng tiêu chuẩn cấp nước có nấu ăn tại công ty), ước tính lượng nước thải phát sinh là:

$$165 \times 70 \times 100\% = 11,55 \text{ (m}^3/\text{ ngày đêm)}$$

(Theo Nghị định 80:2014/NĐ-CP, lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp)

Thành phần của nước thải sinh hoạt gồm: chất hữu cơ (BOD), chất dinh dưỡng (N/P), chất rắn lơ lửng (SS), vi sinh vật,... đây là những chất có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao đối với nguồn nước mặt và nước ngầm trong khu vực nếu không được xử lý nhất là hệ sinh vật nơi tiếp nhận nguồn thải. Ngoài ra trong nước thải sinh hoạt chứa các vi khuẩn mang mầm bệnh, trứng giun sán, các vi khuẩn này theo nguồn nước làm lan truyền mầm bệnh, gây hại cho con người và môi trường.

Nước thải sinh hoạt nếu không được xử lý tốt, sẽ gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí xung quanh và ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

Về lý thuyết nồng độ ô nhiễm của nước thải sinh hoạt phụ thuộc vào lưu lượng thải, lượng chất ô nhiễm đơn vị tính trung bình cho 1 người/ngày, đặc điểm, tính chất của các công trình và thiết bị vệ sinh. Nước thải sinh hoạt được tính như sau:

Tổng tải lượng chất ô nhiễm = Định mức trung bình 1 người x N

Trong đó: N là tổng số cán bộ công nhân viên của dự án

Kết quả tính toán tổng tải lượng các chất gây ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt của Dự án trong giai đoạn hoạt động ổn định được thể hiện qua bảng như sau:

Bảng 3.18: Tải lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Định mức TB (g/người.ngày)	Tổng tải lượng (g/ngày)
1	BOD ₅	50	15.000
2	COD	89	26.700
3	TSS	86	25.800

4	Dầu mỡ	20	6.000
5	Coliform (MPN/100ml)	10 ⁴	165 x 10 ⁴

Ghi chú: () Hoàng Kim Cơ, Kỹ thuật môi trường, NXB Khoa học và kỹ thuật*

Từ tổng tải lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm như sau:

$$C = P/V \text{ (g/m}^3\text{)} = P \times 10^3 / V \times 10^3 = P/V \text{ (mg/l)}$$

Trong đó:

P: Tổng tải lượng chất gây ô nhiễm (g/ngày)

V: Thể tích nước thải sinh hoạt (V= 11,55m³/ngày)

C: Nồng độ chất gây ô nhiễm (mg/l)

Theo tính toán như trên, ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt tại bảng sau:

Bảng 3.19: Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt

TT	Chất ô nhiễm	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/l)	QCĐP 01:2019/HY	
			C	C _{max} (K =1,2; K _{hy} =0,9)
1	BOD ₅	714,29	30	30,6
2	COD	1.271,43	-	-
3	TSS	1.228,57	50	63,75
4	Dầu mỡ	285,7	10	10
5	Coliform (MPN/100ml)	142.857	3.000	3.000

(Nguồn: tính toán)

Ghi chú:

K: hệ số ứng với quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ (K=1,2 đối với cơ sở sản xuất quy mô dưới 500 người).

K_{hy}: hệ số khu vực của tỉnh Hưng Yên (huyện Văn Lâm hệ số K_{hy}=0,9)

- Nhận xét:

Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của cán bộ công nhân viên của dự án cao hơn so với QCĐP 01:2019/HY nhiều lần. Vì vậy, để giảm thiểu tác động của nước thải sinh hoạt, chủ dự án sẽ có biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra ngoài môi trường được trình bày ở phần sau của báo cáo.

** Nước làm mát tuần hoàn, không thải bỏ:*

Chủ dự án sẽ đầu tư dây chuyền công nghệ sản xuất hiện đại, tại công đoạn tạo

hình sản phẩm có sử dụng nước sạch để làm mát máy móc và khuôn đúc, mỗi dây chuyền đúc ép tạo hình có kèm theo 1 bể chứa nước làm mát với thể tích bể chứa 1 m³. Toàn bộ lượng nước làm mát này được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình sản xuất (làm mát cho đường ống của máy móc, thiết bị và khuôn đúc) và bổ sung lượng thất thoát do bay hơi (lượng nước tại bể chứa nước làm mát tuần hoàn có dung tích khoảng 20 m³). Quá trình làm mát được thực hiện nhờ hệ thống làm mát nước bằng tháp giải nhiệt. Nước sau khi làm mát máy móc, khuôn đúc được đưa tới tháp giải nhiệt, sau đó đưa về bể chứa nước làm mát tuần hoàn để phục vụ cho quá trình làm mát tiếp theo của dây chuyền sản xuất.

Nước thải phát sinh từ quá trình làm mát có đặc tính là nhiệt độ cao (thông thường nhiệt độ từ 70-90⁰C. Nước làm mát có nguồn cung cấp là nước sạch đã qua xử lý, tuy nhiên chưa loại bỏ được các ion cứng nên khi làm mát khuôn, nước có nhiệt độ cao sẽ gây ra hiện tượng đóng cặn, do đó trong nước làm mát có chứa các cặn rắn lắng đọng xuống đáy bể hoặc bám vào thành bể chứa. Do vậy, nước làm mát có đặc tính nhiệt độ cao và chứa chất rắn lơ lửng, lâu ngày tạo cặn.

Bể chứa nước làm mát tuần hoàn được định kỳ nạo vét bùn cặn. Quá trình làm mát nước sẽ làm bay hơi gây thất thoát một lượng nhỏ do quá trình bốc hơi, do vậy tại khu vực bể chứa được bổ sung thêm lượng nước mát khi cần thiết, ước tính khoảng 2 m³/ngày đêm.

c. Tác động của chất thải rắn

** Nguồn tác động*

- Chất thải rắn sinh hoạt;
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường;
- Chất thải nguy hại.

** Mức độ tác động*

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

Thành phần chất thải sinh hoạt phần lớn là các chất hữu cơ dễ phân huỷ (như rau, thức ăn thừa, vỏ hoa quả). Ngoài ra còn có một phần nhỏ các loại bao bì thực phẩm, giấy phế liệu. Chất thải rắn còn có chứa một lượng không đáng kể các thành phần khó phân huỷ như bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, thủy tinh. Khi dự án đi vào vận hành với số lượng cán bộ công nhân viên lao động tối đa khoảng 165 người, với định mức khoảng 0,5kg/người/ngày khi đó tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 75kg/ngày tương đương 23,4 tấn/năm.

Ngoài ra, dự án còn phát sinh bùn thải từ hố ga thoát nước, bể tự hoại. Như vậy, tổng lượng phát sinh bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống xử lý NTSH, hố ga thoát nước ước tính khoảng 1,0 tấn/năm định kỳ 1 năm/lần nạo vét.

Các chất thải rắn sinh hoạt này nếu được thu gom, phân loại tại nguồn và tập

kết đúng nơi quy định sẽ hạn chế được khả năng phát thải ra môi trường và mức độ tác động đến môi trường được dự báo là không đáng kể.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:*

Danh mục chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được trình bày dưới bảng sau:

Bảng 3.20: Khối lượng chất thải thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Vị trí phát sinh	Đơn vị	Khối lượng
2.1	Pallet thải	Kho nguyên liệu	Kg/năm	3.000
2.2	Bao bì thải: hộp carton, giấy, bao tải, túi nilon hỏng, vỏ chai lọ,...	Văn phòng	Kg/năm	2.000
2.3	Bavia thép, bavia tôn	Sản xuất kết cấu thép và tấm lợp mạ màu	Kg/năm	12.000
2.4	Bụi kim loại từ công đoạn cắt		Kg/năm	220,2
2.5	Khuôn thải	Sản xuất tôn lấy sáng và tấm nhựa thông minh	Kg/năm	14
2.6	Bùn thải từ bể chứa nước làm mát tuần hoàn		Kg/năm	50
2.7	Bavia nhựa, sản phẩm lỗi hỏng từ quá trình sản xuất tôn lấy sáng cao cấp và tấm lợp thông minh		Kg/năm	8.000
2.8	Sản phẩm tấm cách nhiệt PU lỗi hỏng	Sản xuất tấm cách nhiệt PU	Kg/năm	4.000
2.9	Bavia tôn		Kg/năm	1.000
2.10	Bavia thép, sản phẩm thép lỗi hỏng	Sản xuất kết cấu thép, ống thép	Kg/năm	10.000
2.11	Lưới lọc thải	Đùn ép tạo hình	Kg/năm	5
	Tổng		Kg/năm	40.289

- *Chất thải nguy hại:*

Chất thải nguy hại phát sinh khi dự án đi vào hoạt động dự kiến như sau:

Bảng 3.21: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh

TT	Loại chất thải nguy hại	Vị trí phát sinh	Mã CTNH	Khối lượng
1	Hộp mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Văn phòng	08 02 04	2 kg/năm
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại	Thắp sáng nhà	16 01 06	2 kg/năm

	thủy tinh hoạt tính thải	xưởng		
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.	Bảo dưỡng máy móc	17 02 03	100 kg/năm
4	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Sản xuất tấm cách nhiệt PU	18 01 02	1500 kg/năm
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải		18 01 03	250 kg/năm
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tạo các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Bảo dưỡng máy móc	18 02 01	100 kg/năm
7	Than hoạt tính thải	Từ hệ thống xử lý hơi hóa chất	12 01 04	50 kg/năm
	Tổng CTNH			2004 kg/năm

Chất thải nguy hại được liệt kê trong danh mục đã nêu có khả năng gây ung thư, đột biến, gây cháy nổ, có thể cháy do ma sát, hoặc tự thay đổi – chuyển hóa về hóa học.

Do tính dễ cháy nổ, hoạt tính hóa học cao, nếu không có biện pháp quản lý và kiểm soát tốt thì các chất nguy hại này sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng của con người.

Mức độ tác động: Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc đặc tính nguy hại khác.

Để giảm thiểu những nguy cơ tác động tới môi trường cũng như sức khỏe người lao động của loại chất thải này Dự án sẽ có các biện pháp thích hợp (giám sát chặt chẽ quy trình vận hành, nâng cao nhận thức về môi trường của công nhân,...), hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Công ty sẽ báo cáo tình hình phát sinh chất thải nguy hại gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên định kỳ 1 lần/năm.

3.3.1.2. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải

Trong giai đoạn vận hành của dự án, các nguồn tác động không liên quan đến chất thải là:

- Tiếng ồn, rung động từ hoạt động sản xuất của dự án;
- Nhiệt dư từ quá trình sản xuất
- Giao thông khu vực;
- Các tác động đến kinh tế - xã hội khu vực.

a. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, rung động phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án như sau:

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu sản xuất và hàng hoá
- Máy cắt, máy đập, máy chấn, máy xả băng,...
- Hoạt động của máy phát điện dự phòng

***) Tiếng ồn**

Tham khảo báo cáo quan trắc môi trường lao động của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương tại CCN Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội có loại hình sản xuất giống như loại hình sản xuất của dự án thì giá trị tiếng ồn đo được tại các khu vực sản xuất dao động từ 68,3-74,7 dBA, khu vực đặt máy phát điện dự phòng 80-85 dBA. Mức ồn tuy không vượt ngưỡng 85 dBA nhưng có những tác động tới người lao động tại nơi phát sinh tiếng ồn. Mặc dù máy phát điện chỉ được sử dụng khi gặp sự cố mất điện nên thời gian sử dụng rất ngắn và không thường xuyên, tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng cục bộ trong thời gian rất ngắn đến môi trường, cán bộ công nhân viên tại dự án. Tuy nhiên, Dự án vẫn cần có các biện pháp để giảm thiểu tiếng ồn của máy móc tại khu vực dự án.

***) Độ rung**

Trong quá trình vận hành của dự án nguồn phát sinh rung động chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện vận tải ra vào. Kết quả độ rung do các thiết bị được trình bày cụ thể trong bảng dưới đây:

Bảng 3.24. Dự báo mức độ rung động của các máy móc, thiết bị

STT	Loại máy móc, thiết bị	Cách nguồn rung 10m	Cách nguồn rung 30m	Cách nguồn rung 60m
	Phương tiện vận chuyển	74	64	54
QCVN 27:2010/BTNMT (khu vực thông thường, 6h-21h): 70dB				

(Nguồn: Ủy ban bảo vệ môi trường Mỹ)

Từ số liệu ở bảng trên cho thấy rung động tạo ra trong quá trình hoạt động của dự án chỉ có ảnh hưởng chủ yếu trong phạm vi dự án. Các khu vực cách xa nhà xưởng (>60m) tác động độ rung nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 27:2010/BTNMT.

*** Đánh giá tác động:**

Tiếng ồn: Tiếng ồn và độ rung cao hơn tiêu chuẩn sẽ gây ảnh hưởng đến sức khoẻ lao động và gây ra các triệu chứng như mất ngủ, mệt mỏi, gây tâm lý khó chịu và làm giảm năng suất lao động. Tiếp xúc với tiếng ồn có cường độ cao trong thời gian dài sẽ làm thính lực giảm sút, dẫn tới bệnh điếc nghề nghiệp.

Tiếng ồn tác động đến tai, sau đó tác động đến hệ thần kinh trung ương, rồi đến hệ tim mạch, dạ dày và các cơ quan khác, sau đó mới đến cơ quan thích giác.

Tác động của tiếng ồn phụ thuộc vào tần số và cường độ âm, tần số lặp lại của tiếng ồn.

- Tác động đến cơ quan thính giác: tiếng ồn làm giảm độ nhạy cảm, tăng ngưỡng nghe, ảnh hưởng đến quá trình làm việc và an toàn.

- Tác động đến các cơ quan khác:

- Hệ thần kinh trung ương: Tiếng ồn gây kích thích hệ thần kinh trung ương, ảnh hưởng đến bộ não gây đau đầu, chóng mặt, sợ hãi, giận dữ vô cớ.

- Hệ tim mạch: làm rối loạn nhịp tim, ảnh hưởng tới sự hoạt động bình thường của tuần hoàn máu, làm tăng huyết áp.

- Dạ dày: làm rối loạn quá trình tiết dịch, tăng axit trong dạ dày, làm rối loạn sự co bóp, gây viêm loét dạ dày.

Độ rung:

- Tần số thấp (dưới 20 Hz) gây nên say, tổn thương cột sống

- Tần số cao (20 – 1000 Hz) gây nên bệnh rung nghề nghiệp, rối loạn vận mạch, tổn thương gân, cơ, khớp, thần kinh và một số bệnh về xương.

b. Nhiệt dư

Khu vực có liên quan đến nguồn nhiệt dư là khu đèn ép nhựa. Lượng nhiệt lượng này toả vào không gian nhà xưởng làm nhiệt độ bên trong nhà xưởng cao hơn so với nhiệt độ ngoài trời (chưa kể đến ảnh hưởng của điều kiện khí hậu trong khu vực) và gây ảnh hưởng tới sức khoẻ và năng suất lao động. Khi phải làm việc trong điều kiện nhiệt độ cao, quá trình trao đổi chất trong cơ thể công nhân sản sinh ra nhiều nhiệt sinh học hơn. Do vậy, nếu khả năng sinh học của cơ thể người lao động không đủ để trung hòa các nhiệt dư thì gây ra trạng thái mệt mỏi, làm tăng khả năng gây chấn thương và có thể xuất hiện dấu hiệu lâm sàng của bệnh do nhiệt cao. Trong trường hợp phải làm việc thời gian dài trong điều kiện nhiệt độ cao sẽ gây rối loạn các hoạt động sinh lý của cơ thể và gây ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thần kinh trung ương. Nếu quá trình này kéo dài có thể dẫn đến bệnh đau đầu kinh niên.

c. Giao thông khu vực

Khi dự án đi vào hoạt động, số lượng xe ra vào dự án góp phần gia tăng lượng xe lưu thông trên các tuyến đường khu vực.

Việc gia tăng các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án làm tăng nguy cơ ách tắc giao thông tại nút giao, ngã rẽ các tuyến vào khu vực. Điều này tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây tai nạn giao thông ảnh hưởng đến tính mạng và tài sản của người dân lưu thông trên tuyến đường.

d. Tác động đến kinh tế – xã hội khu vực

- * *Tác động tích cực:*

- Hoạt động của Dự án đã tạo ra nguồn thu cho ngân sách nhà nước thông qua

các khoản thuế.

- Tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương.

** Tác động tiêu cực:*

- Tác động đến hoạt động giao thông vận tải: Các phương tiện giao thông ra vào khu vực ngoài việc phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn.

- Các vấn đề về gây mất trật tự xã hội có thể xảy ra.

e. Tác động đến môi trường sinh thái

** Hệ sinh thái dưới nước*

- Các tác động đối với hệ sinh thái dưới nước bắt nguồn từ ô nhiễm nguồn nước do nước thải của Dự án gây nên (trong trường hợp các chỉ tiêu vượt quá quy chuẩn cho phép).

- Sự ô nhiễm do chất hữu cơ sẽ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước do vi sinh vật sử dụng oxy hòa tan để phân hủy các chất hữu cơ. Oxy hòa tan giảm sẽ gây tác hại đến hệ thủy sinh. Tiêu chuẩn chất lượng nuôi cá theo FAO quy định, nồng độ oxy hòa tan (DO) trong nước phải cao hơn 50% giá trị bão hòa (tức cao hơn 4 mg/L ở 25°C).

- Các chất rắn lơ lửng làm ngăn cản sự xuyên ánh sáng xuống nước, giảm quang hợp và giảm trao đổi chất gây tác hại cho đời sống thủy sinh.

** Hệ sinh thái trên cạn*

- Hầu hết các động vật đều rất nhạy cảm với sự ô nhiễm môi trường. Các chất ô nhiễm trong khí thải đều có tác động xấu đến thực vật và động vật.

- Bụi phủ lên lá cây làm cản trở quá trình quang hợp, hô hấp của thực vật làm cho cây chậm sinh trưởng.

- Các thành phần ô nhiễm trong không khí như SO₂, NO₂ và bụi ngay cả ở nồng độ thấp cũng làm chậm quá trình sinh trưởng của cây trồng, ở nồng độ cao làm vàng lá, quả bị lép, bị nứt và ở mức độ cao hơn cây sẽ bị chết. Đồng thời gây ảnh hưởng tới hệ hô hấp của động vật.

3.3.1.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án

a, Sự cố cháy nổ

Sự cố cháy nổ khi xảy ra gây nên các thiệt hại về người và của ảnh hưởng đến kinh tế xã hội và môi trường khu vực. Có thể xác định các nguyên nhân cụ thể như:

- Hoạt động vận chuyển nguyên nhiên vật liệu đến kho bãi của khu vực dự án bị rò rỉ xăng dầu trên đường.

- Các kho chứa nguyên, nhiên liệu là các nguồn dễ gây cháy.

- Hệ thống cấp điện cho các máy móc, thiết bị trong quá trình vận hành sản xuất có thể gây ra sự cố giật, chập và dẫn đến cháy nổ...gây thiệt hại về kinh tế và tai nạn lao động cho công nhân.

b, Sự cố tai nạn lao động

Nhìn chung tai nạn lao động có thể xảy ra tại bất kỳ một công đoạn nào của dự án, có thể xảy ra khi vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu, hàng hóa và khi vận hành máy móc, thiết bị. Nguyên nhân của các trường hợp xảy ra tai nạn lao động là do tính bất cẩn trong lao động, thiếu trang bị bảo hộ lao động, hoặc do thiếu ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh về nội quy an toàn lao động của công nhân.

- Nguy cơ rủi ro về tai nạn lao động đối với công nhân có thể xảy ra nếu nhà máy không quan tâm đến an toàn và kỷ luật lao động.

- Các yếu tố môi trường khắc nghiệt và cường độ lao động cao ngoài trời có thể gây ra những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người công nhân như gây mệt mỏi, choáng váng hay ngất xỉu. Điều này có thể gây ra các tai nạn lao động đáng tiếc.

- Chủ dự án sẽ quan tâm áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho công nhân làm việc tại nhà máy và các điều kiện làm việc cũng như sinh hoạt cho công nhân, hạn chế tối đa những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người lao động.

c. Sự cố ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh: do công ty có bếp ăn trưa dành cho nhân viên của công ty nên có thể xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh nếu như chất lượng của thực phẩm mua về không đảm bảo và không rõ nguồn gốc xuất xứ. Tuy nhiên, do nhà bếp có ý thức tuân thủ an toàn vệ sinh thực phẩm nên trong công ty chưa xảy ra hiện tượng ngộ độc thực phẩm.

d. Đánh giá, dự báo các tác động đến công trình thủy lợi khu vực dự án

Khi dự án đi vào hoạt động, lượng nước thải phát sinh khoảng 11,55 m³/ngày đêm tương đương với 0,000134 m³/s. Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của dự án là kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù, sau đó thoát ra sông Điện Biên, do đó trong quá trình hoạt động của dự án sẽ gây tác động đến hệ thống mương tiêu thoát nước của khu vực làm ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước và khả năng tiêu thoát nước của khu vực, do đó chủ dự án cần phải có biện pháp giảm thiểu tránh làm ảnh hưởng đến hệ thống kênh tiêu nước khu vực dự án.

e, Sự cố về công trình bảo vệ môi trường

- Hệ thống xử lý nước thải:

Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải có thể xảy ra đối với dự án gồm:

- + Hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do mất điện.
- + Hệ thống ngừng hoạt động do hỏng hóc máy móc, thiết bị xử lý.
- + Sự cố vỡ đường ống dẫn thu gom, xử lý nước thải.

- Hệ thống xử lý hơi hóa chất:

+ Quạt hút bị hỏng hóc do đó không thu gom được lượng hơi hóa chất phát sinh từ quá trình sản xuất.

- + Hết hạn lớp vật liệu hấp phụ than hoạt tính

- Đối với khu lưu giữ chất thải:

+ Diện tích khu lưu giữ chất thải không đảm bảo dẫn đến chất thải không được lưu giữ trong khu vực có mái che, tường bao quanh.

+ Chất thải không được vận chuyển đi xử lý thường xuyên dẫn đến tình trạng ứ đọng chất thải.

3.3.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

3.3.2.1. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường không khí

*** Bụi, khí thải và tiếng ồn từ các phương tiện giao thông, quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, sản phẩm tại nhà kho**

- Thiết kế tăng ma sát tại đường dốc dẫn vào cổng chính của dự án để hạn chế tốc độ của các phương tiện ra vào;

- Tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi về giao thông nhằm phân luồng xe ra vào hợp lý và thuận tiện;

- Trồng nhiều cây xanh tại các khu vực đất trống tạo cảnh quan, không gian xanh. Trồng cây xanh là biện pháp hỗ trợ tích cực để vừa giúp lọc không khí và tạo cảnh quan cho khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như hút bụi và giữ bụi, lọc sạch không khí, chắn tiếng ồn... Cây xanh lựa chọn trồng tại khu vực dự án là cây bản địa, dễ dàng thích nghi với điều kiện khí hậu của địa phương;

- Thường xuyên quét dọn, phun nước tưới nước mặt đường để giảm thiểu lượng bụi phát sinh;

Công ty sẽ bố trí trồng cây xanh xung quanh dự án với tổng diện tích 8.112 m², cụ thể như sau:

Bảng 3.22: Vị trí, diện tích trồng cây xanh của Công ty

TT	Hướng trồng	Khu vực trồng	Loại cây trồng	Diện tích
1	Phía Đông	Giáp tường rào, khu vực xưởng sản xuất, khu nhà ăn, nhà nghỉ ca công nhân	Cây bạch đàn, cây nhãn, bàng Đài Loan...	2.839,2 m ²
2	Phía Tây	Giáp tường rào, khu kỹ thuật, khu xưởng sản xuất	Cây phượng, bàng, xoài, sấu, bàng Đài Loan,...	2.839,2 m ²
3	Phía Nam	Giáp tường rào, khu vực nhà điều hành, khu vực xưởng sản xuất	Cây xoài, sấu, bàng Đài Loan, lộc vùng, cây cảnh...	2.028 m ²
4	Phía Bắc	Giáp tường rào, cổng ra vào dự án	Cây xanh, mít, xoài, cau, ...	1.216,8 m ²
Tổng cộng				8.112 m²

*** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng**

Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau để giảm thiểu tác động từ máy phát điện:

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (dầu DO 0,05%S).
- Ngoài ra, máy phát điện được bảo dưỡng định kỳ hàng tháng và chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện, do đó, mức độ ảnh hưởng từ khí thải máy phát điện là không đáng kể.

*** Biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án**

+ Dự án sẽ định kỳ nạo vét bùn từ hệ thống thoát nước và vận chuyển đi đổ thải tại vị trí quy định.

+ Xây dựng bể kín, sử dụng nắp thăm kín. Thiết kế đường thông hơi đưa lên cao

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế của trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Tuân thủ các yêu cầu vận hành và giám sát trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Trồng cây xanh có tán cách ly xung quanh trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

+ Ngoài ra, vị trí đặt trạm xử lý nước thải nằm riêng biệt với khu vực sản xuất, do đó mùi phát sinh không có ảnh hưởng lớn đến cán bộ công nhân viên tại dự án, chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến nhân viên vận hành trạm.

3.3.2.2 Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường nước

a. Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống thoát nước mưa xây dựng xung quanh dự án, dọc theo các tuyến đường giao thông và đổ vào hệ thống thoát nước phía Nam của dự án. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

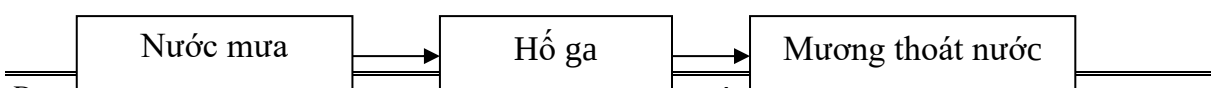
Rãnh thu nước mưa B400; cống thoát nước mưa D600 được xây dựng bằng BTCT. Độ dốc của cống là 0,1%.

Lắp đặt hệ thống song chắn rác tại các hố ga để tách rác có kích thước lớn ra khỏi nguồn nước, rác đọng lại trên song được thu gom theo chất thải rắn.

Khi vào mùa mưa, hàng tháng phải có đội vệ sinh môi trường vệ sinh, nạo vét các hố ga, đường cống dẫn nước, không để rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

Giáo dục ý thức (hoặc có biện pháp) để công nhân làm việc trong Dự án luôn vệ sinh sạch sẽ khu vực sinh sống của mình và thu gom rác thải đúng nơi qui định là một yếu tố quan trọng nhằm giảm thiểu khả năng ô nhiễm nước mưa chảy tràn.

- Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn của dự án như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ xử lý nước mưa chảy tràn

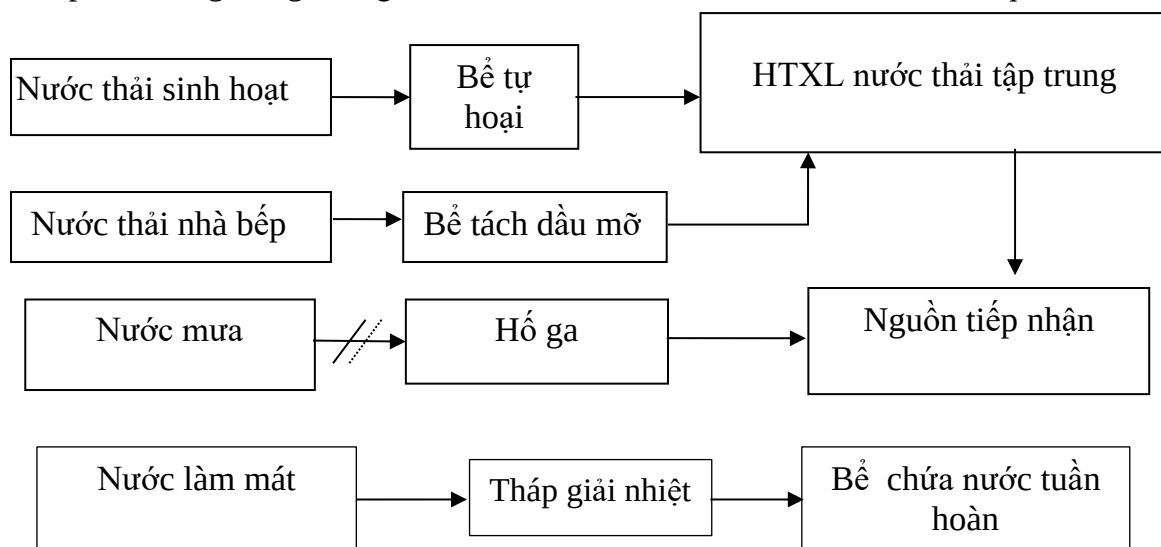
Nước mưa chảy tràn lẫn đất cát, chất rắn lơ lửng, được thu gom vào hệ thống cống bê tông dẫn riêng tới các hố ga. Tại hố ga chất rắn lơ lửng, đất cát lắng xuống được nạo vét và dầu mỡ nổi lên trên được vớt sau mỗi đợt mưa. Sau đó khi qua hệ thống hố ga nước mưa được thải ra kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù (nằm ở phía Đông Bắc của dự án) thuộc xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Vị trí tọa độ của xả nước mưa 1 dự kiến: X= 2300662,69 ; Y= 557970,86.

Vị trí tọa độ của xả nước mưa 2 dự kiến: X= 2300491,90; Y= 558041,51.

b. Nước thải sinh hoạt

Sơ đồ phân luồng dòng thải giai đoạn vận hành của dự án được thể hiện qua hình sau:

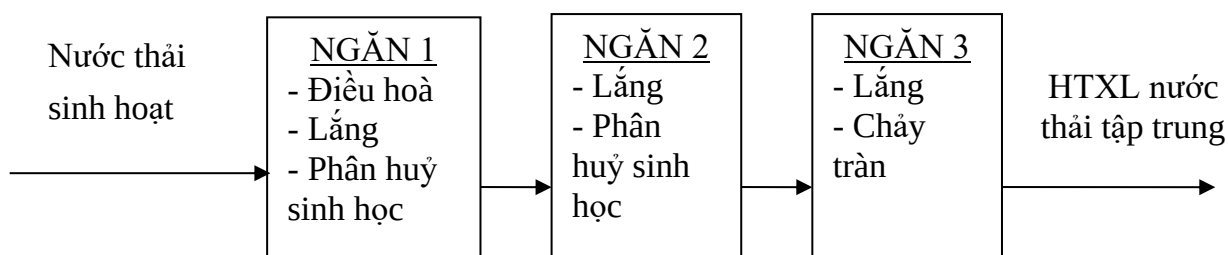


Hình 3.4. Sơ đồ phân luồng dòng thải của dự án

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy đạt QCVN 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy}= 0,9) – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt, sẽ được thải ra nguồn tiếp nhận.

*) Biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt

- **Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh**: Giải pháp xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của khu vệ sinh sẽ sử dụng bể tự hoại 3 ngăn được trình bày theo sơ đồ sau:



Hình 3.5. Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại 3 ngăn

Nguyên tắc hoạt động của loại công trình này là lắng cặn và phân huỷ, lên men cặn lắng hữu cơ. Công ty sử dụng bể tự hoại loại 3 ngăn đạt tiêu chuẩn quy định về kích thước và khối lượng. Phần cặn được lưu lại phân huỷ kỵ khí trong bể, phần nước được đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Thể tích yêu cầu của bể tự hoại: $V1 = d \times Q$

Trong đó: $V1$ = Thể tích bể tự hoại

d : Thời gian lưu với điều kiện khí hậu nhiệt đới gió mùa, có thể chọn $d = 3$ ngày.

Q : Lượng nước thải sinh hoạt trong ngày (m^3) ($Q = 11,55 m^3$)

$$V1 = 11,55 m^3 \times 3 = 34,65 m^3$$

Thể tích phần chứa bùn: $Wb = b \times N/1000 m^3$

Trong đó: N : Số lượng người (trong giai đoạn vận hành ổn định là 165 người)

b : Tiêu chuẩn tính ngăn chứa bùn, 30 lít/ngày.

$$Wb = 30 \times 165/1000 = 4,95 m^3$$

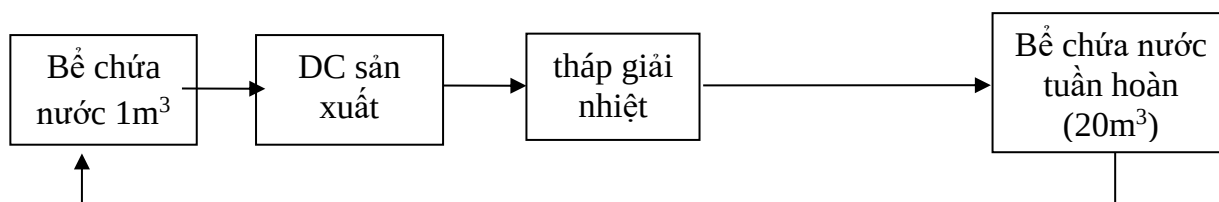
Như vậy thể tích bể tự hoại cần xây dựng là: $34,65 + 4,95 = 39,6 m^3$.

Dự án sẽ bố trí 03 bể tự hoại tại khu nhà điều hành, khu vực nhà xưởng sản xuất kết hợp kho và khu vực các phân xưởng sản xuất kết hợp kho với tổng thể tích tối thiểu khoảng $40 m^3$.

Dự án sử dụng 1 bể tách dầu mỡ tại khu vực nhà ăn với thể tích khoảng $1 m^3$.

*) Biện pháp tuần hoàn nước làm mát

Chủ dự án sẽ đầu tư dây chuyền công nghệ sản xuất hiện đại, sau công đoạn đùn ép tấm nhựa cần qua công đoạn làm mát, mỗi dây chuyền sản xuất đùn ép đều có kèm theo 1 bể chứa nước làm mát với thể tích $1 m^3$. Tổng dự án sử dụng 02 máy đùn ép. Hệ thống xử lý nước làm mát của nhà máy như sau:



Hình 3.6. Sơ đồ hệ thống tuần hoàn nước làm mát của nhà máy

Thuyết minh quy trình:

Nước sạch từ bể chứa nước làm mát của mỗi dây chuyền được cấp cho các máy đùn ép nhằm mục đích làm mát khuôn và làm mát thiết bị máy móc. Toàn bộ lượng nước sau làm mát máy móc, khuôn được dẫn tới tháp giải nhiệt để giảm nhiệt độ của nước sau đó dẫn về bể chứa nước tuần hoàn (dung tích $20 m^3$), sau đó nước được bơm

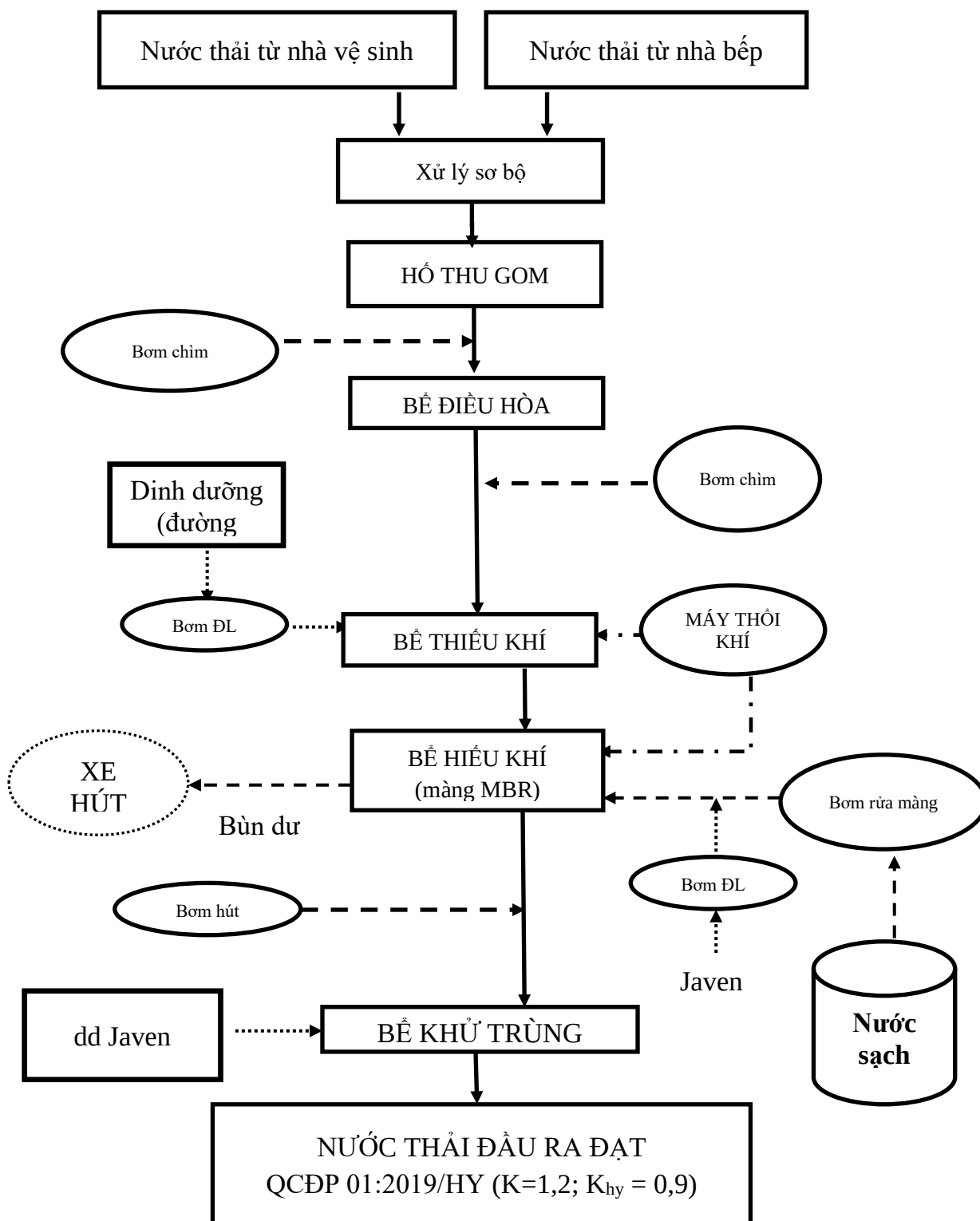
tuần hoàn về từng bể chứa nước làm mát (dung tích khoảng 1 m³) của từng dây chuyền và tái sử dụng cho quá trình sản xuất.

Công ty sẽ đầu tư 01 tháp giải nhiệt đảm bảo cho quá trình làm mát tại dây chuyền sản xuất hoạt động ổn định. Bể chứa nước làm mát tuần hoàn được xây bằng bê tông cốt thép, bên trong bể có lót tấm chống thấm đảm bảo nước trong bể chứa không phát tán ra ngoài môi trường. Công suất động cơ tháp giải nhiệt: 1,2 kW; Lưu lượng gió: 200 m³/phút; Lưu lượng nước: 50 l/phút. Tháp giải nhiệt được đặt bên trên bể. Toàn bộ lượng nước làm mát được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình sản xuất.

Bể chứa tuần hoàn được định kỳ nạo vét bùn cặn. Quá trình làm mát nước sẽ làm bay hơi gây thất thoát một lượng do quá trình bốc hơi, do vậy tại khu vực bể chứa được định kỳ bổ sung do bay hơi khoảng 2 m³/ngày đêm.

***) Hệ thống xử lý nước thải tập trung**

Khi công ty đi vào hoạt động ổn định tổng lượng nước thải cần xử lý bao gồm nước thải sinh hoạt là 11,55 m³/ngày đêm. Vì vậy, công ty sẽ tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m³/ngày đêm. Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt giới hạn cho phép theo QCVN 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy}= 0,9). Sơ đồ quy trình xử lý nước thải tập trung tại nhà máy như sau:



Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của Công ty

Thuyết minh công nghệ:

Xử lý sơ bộ

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn. Làm giảm một phần nồng độ chất ô nhiễm hữu cơ bằng quá trình lắng và lên men kỵ khí, chuyển hóa các chất ô nhiễm khó xử lý, phức tạp về dạng đơn giản, dễ xử lý hơn.

Đảm bảo cho quá trình xử lý phía sau đạt hiệu quả cao hơn. Bể có công dụng giống bể xử lý kỵ khí.

Nước thải nhà bếp sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ.

Sau khi xử lý sơ bộ nước thải được thu gom về hố thu gom.

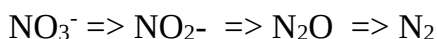
* **Hố thu gom:** Nước thải sau khi qua xử lý sơ bộ được tập trung tại hố thu gom của hệ thống xử lý tập trung sau đó đi qua song chắn rác trước khi đi vào ngăn điều hòa của hệ thống xử lý.

* **Bể điều hòa:** Nước thải từ hố thu gom được bơm về bể điều hòa nước thải. Bể điều hòa đóng vai trò điều hòa lưu lượng nước thải đi vào các hệ thống xử lý tiếp theo đảm bảo độ ổn định của hệ thống xử lý.

* **Bể thiếu khí:** Xử lý hợp chất có chứa N và P thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphoril.

Quá trình Nitrat hóa xảy ra như sau:

Hai chủng loại vi khuẩn chính tham gia vào quá trình này là Nitrosonas và Nitrobacter. Trong môi trường thiếu oxi, các vi khuẩn này sẽ khử Nitrat Denitrificans sẽ tách oxi của Nitrat (NO_3^-) và Nitrit (NO_2^-) theo chuỗi chuyển hóa:



Khí N_2 tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài.

Với quá trình Photphorit hóa, chủng loại vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng vi sinh vật hiếu khí.

Bên trong bể thiếu khí được thiết kế đặt các ống đục lỗ DN 2mm để phân phối khí thô. Dự án sử dụng một máy thổi khí để cung cấp khí thô có kích thước lớn để đảo trộn nước thải, tăng hiệu quả của quá trình khử nitrat của bể điều hòa và bể thiếu khí. Tại mỗi bể, sẽ lắp đặt các van điều tiết lưu lượng khí thổi vào.

* **Bể xử lý hiếu khí (MBR)**

Quá trình hiếu khí ở đây sử dụng bùn hoạt tính lơ lửng hiếu khí có chứa nhiều chủng vi sinh vật có khả năng phân hủy, oxy hóa các hợp chất hữu cơ trong nước thải. Không khí từ bên ngoài được cung cấp vào bể hiếu khí bằng máy thổi khí đặt cạn thông qua hệ thống đĩa phân phối khí tinh đặt dưới đáy nhằm để duy trì nồng độ oxy hòa tan tối ưu cho các chủng vi sinh vật hiếu khí sinh trưởng và phát triển. Lưu lượng khí cung cấp xuống bể hiếu khí được điều tiết bằng hệ thống van đặt ngay trên đường ống khí.

Bể hiếu khí có vai trò xử lý BOD có trong nguồn nước. Quá trình này là quá trình sinh trưởng hiếu khí, chuyển hoá các hợp chất hữu cơ tan có trong nguồn nước thành bùn hoạt tính (activated sludge) tồn tại ở dạng pha rắn, gồm 2 quá trình xử lý:

- Dùng vi sinh vật hiếu khí kết hợp với oxy để chuyển hoá các hợp chất hữu cơ tan có trong nước thành tế bào vi sinh vật mới (sinh tổng hợp tế bào).

- Dùng oxy trong không khí để oxy hoá các hợp chất hữu cơ tan có trong nguồn nước để chuyển hoá thành các hợp chất khí (chủ yếu là CO_2) và các thành phần khác. Ngoài ra lượng oxy dư còn được dùng để chuyển hoá các hợp chất chứa nitơ (chủ yếu là NH_4^+) thành NO_2^- và NO_3^- .

Tại bể hiếu khí có đặt khung màng MBR (trong khung màng MBR bao gồm các tấm màng lọc MBR – màng dạng tấm phẳng có kích thước lỗ lọc là $0,2\ \mu\text{m}$). Màng lọc MBR có chức năng là rút nước sạch trong bể hiếu khí đi qua các lỗ lọc có trên các tấm màng MBR sang bể khử trùng, thông qua bơm hút màng. Bơm hút màng sẽ hút nước sạch từ màng MBR đi qua các lỗ lọc có trên bề mặt của tấm màng MBR. Các lỗ lọc trên tấm màng MBR chỉ có kích thước là $0,2\ \mu\text{m}$ do đó chỉ có nước sạch và các thành phần có kích thước nhỏ hơn $0,2\ \mu\text{m}$ mới có thể đi qua được lỗ lọc, đảm bảo có rất ít hoặc không có cặn lơ lửng đi theo nước sạch sang bể khử trùng.

Bơm rửa màng sẽ đẩy nước sạch vào tấm màng MBR, nước sạch sau đó được đi qua các lỗ lọc có trên bề mặt của tấm màng, đồng thời bơm rửa màng sẽ kéo theo các cặn bẩn bám trên các lỗ lọc và trên bề mặt tấm màng, nhằm duy trì tuổi thọ cho các tấm màng MBR.

Bơm hút màng và bơm rửa màng đều được kiểm soát bằng các đồng hồ đo áp suất nhằm đảm bảo không hút quá nhiều và không đẩy quá mạnh vào trong màng gây ra hiện tượng rách màng, hỏng màng, giảm tuổi thọ cho màng MBR.

Dưới khung màng MBR có hệ thống phân phối khí thô, bằng các ống uPVC đục lỗ $\text{Ø}2\text{mm}$ được bố trí dàn đều dưới khung màng, có mục đích để rung các tấm màng không cho vi sinh vật và bùn hoạt tính dính bám trên bề mặt tấm màng nhằm nâng cao hiệu quả hút và tránh tắc cho các tấm màng MBR.

- Quá trình hút, rửa màng MBR bằng nước sạch được thực hiện theo chế độ tự động như sau:

+ Hút màng: thông qua bơm hút màng được thực hiện 08 phút;

+ Rửa màng: thông qua bơm rửa màng được thực hiện 02 phút;

Quá trình hút màng, rửa màng được thực hiện luân phiên, thực hiện liên tục và được cài đặt tự động trong suốt quá trình vận hành.

- Quá trình rửa màng định kỳ bằng dung dịch Javen 0,2%: thực hiện định kỳ 3 tháng/lần, màng được rửa trong thời gian 15 phút.

Lượng nước sau khi rửa màng được xử lý tiếp trong bể hiếu khí. Định kỳ 2-3 năm, màng MBR được thay để đảm bảo hiệu quả xử lý của màng.

Tại bể hiếu khí MBR có lắp đặt bơm tuần hoàn nước thải từ bể hiếu khí MBR về bể thiếu khí nhằm phục vụ cho quá trình khử nitơ, tăng hiệu quả xử lý nitơ có trong

nước thải.

Một số hình ảnh minh họa về màng MBR:



Khung màng

Màng MBR

Hình 3.8. Hình ảnh minh họa về màng MBR

Giai đoạn 3: Xử lý hoàn thiện

*** Bể khử trùng**

Hầu hết các giai đoạn xử lý trước không xử lý được virus gây bệnh (vi khuẩn có kích thước rất nhỏ). Để hoàn thiện cho toàn bộ quá trình xử lý thì cần phải dùng hoá chất có khả năng tiêu diệt toàn bộ mầm bệnh này. Ở công đoạn này sử dụng NaOCL dạng dung dịch (chất oxy hoá mạnh) bổ sung vào nguồn nước để diệt các mầm vi trùng và vi khuẩn gây bệnh.

Nước thải sau khi qua Bể khử trùng đảm bảo nước thải đạt QCĐP 01:2019/HY ($K=1,2$; $K_{hy}=0,9$).

Giai đoạn 4: Xử lý bùn

*** Bể xử lý bùn**

Toàn bộ lượng bùn dư và bùn thải của các giai đoạn xử lý được thu gom và chuyển về Bể chứa bùn. Sau đó sẽ thuê đơn vị xử lý môi trường hút và vận chuyển đi xử lý theo định kỳ.

Bảng 3.23: Các hạng mục công trình của HTXL nước thải tập trung

STT	Hạng mục công trình	Kích thước (Dài * Rộng * Cao) (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu	Nguồn gốc
-----	---------------------	---	-------------------------------	-------------	--------------

STT	Hạng mục công trình	Kích thước (Dài * Rộng * Cao) (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu	Nguồn gốc
1	Hố thu gom	2,0*2,0*2,5	10,0	BTCT	Việt Nam
2	Bể điều hòa	4,1*2,5*3,5	35,87	BTCT	Việt Nam
3	Bể thiếu khí	2,5*1,4*2,12	7,42	BTCT	Việt Nam
4	Bể hiếu khí MBR	2,5*1,7*2,32	9,86	BTCT	Việt Nam
5	Bể khử trùng	2,5*0,78*0,6	1,17	BTCT	Việt Nam

* Các hạng mục thiết bị HTXL NTSH:

Bảng 3.24: Thông số kỹ thuật thiết bị của công trình HTXL nước thải tập trung

Hạng mục	Thiết bị chính	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
Hố thu gom	Bơm chìm hố thu gom	-Loại: Bơm chìm -Lưu lượng: Q=4 m ³ /h -Cột cấp: H=6 m - Công suất: 1/3 HP, 1 pha 50Hz; -Vật liệu: thân gang, cánh gang, trục Inox;	Bộ	01
	Phao báo mức cho bơm	-Loại: Phao quả - Báo 02 mức (cao và mức thấp)	Bộ	01
Bể điều hòa	Rọ chắn rác tinh	-Vật liệu: SUS304; - Chế tạo theo thiết kế	Bộ	01
	Bơm chìm bể điều hòa	- Loại: Bơm chìm, - Lưu lượng: Q=4 m ³ /h - Cột cấp: H=6 m - Công suất: 1/3 HP, 1 pha 50Hz; - Vật liệu: thân gang, cánh gang, trục Inox;	Bộ	01
	Phao báo mức cho bơm	- Loại: Phao quả - Báo 02 mức (cao và mức thấp)	Bộ	01

Hạng mục	Thiết bị chính	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
	Hệ thống phân phối khí	- Loại: ống phân phối khí thô - Vật liệu: PVC	Hệ	01
Bể thiếu khí	Hệ khí đảo trộn	- Loại: ống phân phối khí thô - Vật liệu: PVC	Hệ	01
	Bồn chứa dinh dưỡng	- Vật liệu: PP/PE - Thể tích: 500L	Hệ	01
	Bơm định lượng	- Lưu lượng: 0-15 L/H - Cột áp: 1bar - Công suất: 0,058 kW/50Hz/220V	Cái	01
	Đệm vi sinh	- Dạng cầu gai (PP/PE) - Kích thước: DN 105 - Áp suất làm việc: 1 – 1.5 bar. - Nhiệt độ làm việc: < 45°C.	Hệ	01
Bể hiếu khí MBR	Máy thổi khí cạn	- Loại: Root - Lưu lượng 1,6 m ³ /p - Cột áp: H=4 m; - Công suất: P=2,2 kW/380V/50Hz	Cái	01
	Hệ thống phân phối khí tinh	- Loại: đĩa: 270 mm, phân phối khí tinh - Lưu lượng: 0-9m ³ /h - Vật liệu: EDPM	Hệ	01
	Giá thể vi sinh	- Đệm cầu MBBR - Đường kính: DN 50 - Vật liệu: PP/PE	Hệ	01
	Bơm nội tuần hoàn	- Loại: Bơm Air lift, - Lưu lượng: Q=5m ³ /h - Cột cấp: H=6m - Vật liệu: Inox 304; PVC	Bộ	01
	Màng MBR	- Loại màng sợi rỗng - Vật liệu: • Vật liệu màng: PVDF • Kiểu màng: PSH 41 • Kích thước lỗ màng: 0.1 µm	Hệ	01

Hạng mục	Thiết bị chính	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		• Đường kính sợi màng OD: 2.05mm		
	Khung màng MBR	- Vật liệu: Inox 304 - Chế tạo theo thiết kế	Bộ	01
	Bơm hút màng	- Loại bơm tự mồi - Lưu lượng: 1,5m ³ /h - Cột áp: 20m - Công suất: 0.75Kw/20V/50Hz	Cái	01
	Lưu lượng kế	- Đo lưu lượng nước thải	Cái	01
	Phao báo mức	- Loại: Phao quả - Báo 02 mức (cao và mức thấp)	Bộ	01
Bể khử trùng	Bồn chứa hóa chất khử trùng	- Vật liệu: PP/PE - Thể tích: 500L	Hệ	01
	Bơm định lượng hóa chất khử trùng	- Lưu lượng: 0-15 L/H -Cột áp: 1bar -Công suất: 0,058 kW/50Hz/220V	Cái	01

* *Đánh giá tính hiệu quả, hiệu suất, khả thi và hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải:*

- Vận hành đơn giản, không đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao;
- Chi phí vận hành thấp;
- Không gây độc hại cho người vận hành hệ thống;
- Hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung lên đến 98%.

* Chế độ vận hành hệ thống xử lý nước thải: vận hành tự động, liên tục 24/24h, hóa chất được nhân viên vận hành hệ thống pha theo đúng hướng dẫn trong quy trình vận hành hệ thống và dùng chế độ bơm tự động điều chỉnh về các bể xử lý. Trong chế độ vận hành tự động các máy bơm nước thải, máy thổi khí cạn, máy bơm định lượng dinh dưỡng được điều khiển tự động bằng phao báo mức và role thời gian. Chế độ này cho phép tiết kiệm điện năng và nhân công khi vận hành.

- Vị trí xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án tại khu xử lý kỹ thuật vệ sinh môi trường. Diện tích xây dựng hệ thống là 120 m².

- Vị trí xả thải: kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù (nằm ở phía Đông Nam của dự

án) thuộc xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Tọa độ điểm xả dự kiến (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°): X= 2300423.64 Y= 558074.63.

- Phương thức xả thải: bơm cưỡng bức.
- Chế độ xả thải: gián đoạn.

3.3.2.3 Biện pháp giảm thiểu do tác động của chất thải rắn và chất thải nguy hại

**) Biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải sinh hoạt*

Dự án sẽ thực hiện phân loại rác sinh hoạt tại nguồn gồm các loại:

- + Rác thải hữu cơ dễ phân hủy (thức ăn thừa, các loại rau củ quả sau khi chế biến,...);
- + Rác thải có thể tái chế, tái sử dụng (giấy thải, nhựa thải,...);

Các loại chất thải sinh hoạt được đựng trong các thùng chứa chuyên dụng, dự kiến đầu tư 03 thùng nhựa chứa chất thải sinh hoạt dung tích 200lít/thùng và 03 xe đẩy chuyên dụng với dung tích 1 m³/xe. Chủ dự án bố trí khu lưu giữ rác thải sinh hoạt có diện tích khoảng 10 m² và chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (như Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11, công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và môi trường Việt Nam...) hàng ngày thu gom xử lý theo quy định.

**) Biện pháp lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường*

Căn cứ theo điều 81 của luật Bảo vệ môi trường năm 2020 về hướng dẫn phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường thì chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được thu gom phân loại theo các nhóm như sau:

- + Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế: bao bì nguyên liệu, thép vụn, sản phẩm lỗi hỏng (bằng nhựa hoặc kim loại), palet gỗ hỏng ...
- + Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý: bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, bùn thải từ bể tự hoại và hố ga, ...

Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường được đựng trong các thùng chứa chuyên dụng, dự kiến đầu tư 05 thùng chứa chất thải thông thường, dung tích 240 lít/thùng và bao bì mềm bằng nilon, bao bì dẹt để lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường. Chủ dự án bố trí khu lưu giữ tạm thời chất thải thông thường diện tích khoảng 20 m² được xây dựng có tường bao quanh, nền bê tông, mái che và biển báo. Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (như Công ty Cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11 – URENCO 11,...) thu gom xử lý theo quy định.

**) Biện pháp lưu giữ chất thải nguy hại*

- Được phân loại và lưu giữ riêng.
- Thiết bị lưu giữ: Sử dụng 05 thùng nhựa dung tích 120-200 lít/thùng.
- Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định (như công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11, công ty

cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và môi trường Việt Nam...)

- Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích khoảng 30 m² (5mx6m) được xây dựng có tường bao quanh, nền bê tông, mái che và biển báo. Chất thải nguy hại được thu gom lưu giữ tại khu lưu giữ chất thải tạm thời của nhà máy có gờ, rãnh chống tràn và gắn biển cảnh báo theo quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định. Biển cảnh báo được lắp tại mỗi thùng chứa chất thải nguy hại ở vị trí đúng với tầm nhìn của mọi người, hoặc cao hơn một chút và dấu hiệu biển gồm hình tam giác đều, nền tam giác màu vàng, viền đen với các biểu tượng màu đen và chữ màu đen (nếu có) tương ứng với tính chất của loại chất thải và ý nghĩa cảnh báo theo TCVN 6707:2009. Một số hình ảnh về biển cảnh báo chất thải nguy hại như sau:



Hình 3.9. Biển cảnh báo chất thải nguy hại

3.3.2.4. Các biện pháp giảm thiểu các nguồn tác động không liên quan đến chất thải

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

Hầu hết các loại máy móc, thiết bị dự kiến sử dụng đều có mức ồn không lớn lắm. Để giảm tiếng ồn Nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Giảm thiểu tiếng ồn tại nguồn bằng việc cân bằng động các cơ cấu quay, thiết kế các bộ phận giảm âm.

- Các thiết bị gây ồn lớn như: máy phát điện, máy bơm,... áp dụng phương pháp cách âm, cách ly nguồn phát sinh bằng việc bố trí máy phát điện, máy bơm tại khu vực kỹ thuật tách riêng với khu vực sản xuất và nhà văn phòng.

- Đối với các thiết bị không thể cách ly như quạt gió, tại các ống hút, ống đẩy sử dụng các mối nối mềm. Lắp các chi tiết giảm ồn và rung, ống giảm thanh và gioăng cao su, lò xo giảm chấn.

- Bảo dưỡng thay thế phụ tùng thiết bị đúng quy trình của nhà sản xuất.

b. Biện pháp giảm thiểu nhiệt dư

- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng với chiều cao hợp lý đảm bảo cho không khí bên ngoài và không khí bên trong nhà xưởng lưu thông, trao đổi dễ dàng, giảm thiểu bức xạ nhiệt do ánh nắng mặt trời và nguồn hơi nóng do hoạt động sản xuất.

- Lắp đặt các quạt công nghiệp tại khu vực phát sinh nhiệt.

c. Các vấn đề về an toàn lao động

- Trang bị kiến thức đầy đủ cho công nhân trước khi công nhân bước vào làm việc chính thức, cần có thời gian đào tạo ngắn hạn để đảm bảo công nhân hiểu rõ quy trình làm việc của máy móc và thực hiện nghiêm ngặt quy trình đảm bảo an toàn lao động.

- Trang bị các phương tiện an toàn lao động cho công nhân như quần áo bảo hộ lao động, ủng, găng tay, mũ bảo hộ, ...

- Kiểm tra định kỳ các thiết bị an toàn, chế độ vận hành của các thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao.

- Nhà máy sẽ thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên trong Nhà máy.

d, Giảm thiểu tác động đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội

- Dự án tập trung một lực lượng lao động làm việc hàng ngày là điều kiện dễ nảy sinh mâu thuẫn giữa công nhân và người dân địa phương. Sự xáo trộn xã hội, kéo theo một số hiện tượng tiêu cực có thể dẫn đến các tệ nạn xã hội (cờ bạc, rượu chè, ma túy, mại dâm,...). Chính vì vậy, chủ dự án có các biện pháp phòng ngừa ứng phó kịp thời như:

- Tăng cường công tác tuyên truyền lao động làm việc tại nhà máy.

- Kết hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý công nhân lao động.

e. Biện pháp giảm thiểu tác động đến công trình thủy lợi

Do nguồn tiếp nhận nước thải và nước mưa của dự án là kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù (nằm ở phía Đông của dự án) thuộc xã Xã Đình Dù và xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Do vậy, để giảm thiểu tối đa tác động tới hoạt động tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước của khu vực thì dự án bố trí hệ thống thu gom với độ dốc đường ống đảm bảo khả năng tự chảy, tránh ứ đọng nước mưa chảy tràn. Riêng nước thải sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn hiện hành của địa phương trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Nước thải phát sinh tại dự án sẽ được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt QCVN 01:2019/HY ($K=1,2$, $K_{hy}=0,9$) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Do đó tác động của nước thải đến chất lượng nước tại công trình thủy lợi là không đáng kể.

3.3.2.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a, Đối với sự cố cháy nổ

Biện pháp phòng ngừa:

- Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho đội phòng cháy cơ sở để kịp thời xử lý các tình huống khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Vệ sinh công nghiệp đối với nhà kho, nhà xưởng

- Bố trí, sắp xếp hàng hóa đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC

- Trang bị phương tiện chữa cháy đầy đủ theo quy định.

- Thiết kế, lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, chữa cháy tự động đối với toàn bộ diện tích nhà xưởng, nhà kho theo quy định
- Thực hiện đóng bảo hiểm bắt buộc đối với nhà, công trình kiến trúc và các trang thiết bị kèm theo; máy móc thiết bị; các loại hàng hóa, vật tư và tài sản khác.
- Nước cấp cho cứu hỏa được lấy trực tiếp từ các họng cứu hỏa cạnh nhà xưởng đặt tại những vị trí thích hợp thuận tiện trong công trình.
- Hệ thống PCCC của công trình được thiết kế và được sự chấp nhận riêng của cơ quan quản lý.
- Bố trí lắp đặt các thiết bị như bình chữa cháy bằng dạng bột hoặc khí phù hợp với các nguồn phát sinh gây cháy tại khu vực lắp đặt.
- Hệ thống hoạt động thường trực 24/24 để đảm bảo an toàn trong mọi trường hợp bất ngờ xảy ra cháy.

Phương án tuyên truyền và tập huấn ứng phó sự cố cháy nổ cho nhân viên.

- Chủ dự án thường xuyên nhắc nhở, tập huấn về công tác PCCC – chữa cháy và thoát nạn (có sự hướng dẫn của Công an PCCC) cho mọi đối tượng trong Dự án.
- Quản lý việc sử dụng các thiết bị điện trong các khu kinh doanh đúng kỹ thuật tránh sử dụng điện quá tải làm ảnh hưởng đến hệ thống điện toàn công trình.
- Các bảng tiêu lệnh PCCC phải được gắn ở những nơi có nguy cơ cháy nổ cao.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị giám sát các thông số kỹ thuật và kiểm tra hệ thống quạt tăng áp, hút khí ở các buồng thang thoát nạn.
- Thiết kế hệ thống chống sét theo đúng quy định của nhà nước
- Kiểm tra dây dẫn điện tránh sự quá tải trên đường dây
- Định kỳ kiểm tra các thiết bị chữa cháy và báo cháy, các thiết bị và dây dẫn chống sét công trình để đảm bảo khi có sự cố xảy ra thì vẫn hoạt động tốt.
- Phải chấp hành các quy định về an toàn điện
- Chủ dự án trang bị từ bình cứu hỏa và đặt vào các vị trí theo đúng tiêu chuẩn để bảo đảm chữa cháy tại chỗ kịp thời.

Hệ thống chữa cháy cục bộ bằng các bình xách tay:

Nhằm đảm bảo an toàn và kịp thời dập tắt các đám cháy khi vừa phát sinh, trong khu nhà xưởng được bố trí lắp đặt các bình khí xách tay. Bình chữa cháy cầm tay được bố trí tại các vị trí xung yếu đặt trong các tủ chữa cháy dùng để dập tắt đám cháy tức thời khi mới bắt đầu cháy. Vị trí lắp đặt nơi dễ thấy, dễ lấy và thuận tiện cho việc sử dụng khi có cháy . Các loại bình sử dụng gồm:

- Bình chữa cháy bột đa chức năng MFZL4 để chữa các đám cháy có nguồn gốc là xenlulo, cháy điện, cháy kim loại và các loại đám cháy khác, trừ chữa cháy các thiết bị kỹ thuật không thể vệ sinh được sau khi chữa cháy.
- Bình chữa cháy CO₂ được bố trí để chữa cháy các thiết bị kỹ thuật, thiết bị

điện tử...

- Xe đẩy chứa cháy bột loại 35kg MFZ 35 được bố trí ở gara với mục đích chữa cháy các đám cháy xăng dầu đã phát triển tương đối lớn.

Biện pháp ứng phó sự cố:

- Khi phát hiện sự cố xảy ra, người phát hiện phải bấm còi báo động đồng thời hô hào mọi người xung quanh để cùng dập lửa; dùng bình xịt hoặc hệ thống bơm nước để dập tắt đám cháy;

- Người gần khu vực cầu dao điện nhanh chóng đến ngắt nguồn điện và cho ngừng hoạt động sản xuất;

- Di tản mọi người ra khỏi khu vực cháy;

- Thông báo cho đơn vị cảnh sát chữa cháy, đơn vị y tế gần nhất;

- Nếu có người mắc kẹt phải tổ chức thực hiện giải cứu và đưa người mắc kẹt ra ngoài;

- Người bị kẹt trong khu vực đám cháy phải dùng quần áo bịt kín và thực hiện các thao tác đã huấn luyện để di tản ra khỏi khu vực đám cháy;

- Khi người mắc kẹt được đưa ra khỏi đám cháy mà bị ngất, bộ phận y tế cấp cứu bên ngoài hoặc ai đó thực hiện thao tác sơ cứu hà hơi thổi ngạt như đã được tập huấn, và đưa người bị thương đi bệnh viện.

b, Tai nạn lao động

Để tránh các sự cố tai nạn lao động không đáng có xảy ra, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố như sau:

Phòng ngừa:

- Đề ra các nội quy an lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành an toàn cho máy móc, thiết bị, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân, tổ nhóm vi phạm.

- Quy định về trang phục, đầu tóc gọn gàng trong khi làm việc và trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Cấm sử dụng điện thoại di động, làm việc riêng trong giờ làm việc;

- Đào tạo, huấn luyện các kỹ năng làm việc cho người mới được tuyển dụng;

- Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về an toàn lao động cho người công nhân;

- Kiểm tra thiết bị an toàn, gương chiếu hậu của phương tiện vận tải để tránh các tai nạn không đáng có xảy ra.

Ứng phó:

Khi sự cố xảy ra tùy theo mức độ của tai nạn mà thực hiện các biện pháp ứng phó khác nhau nhưng về cơ bản qua các bước như sau:

- Khi phát hiện sự cố người phát hiện cần nhận biết được mức độ nguy hiểm

của tai nạn và thông báo cho giám đốc sản xuất hoặc trưởng bộ phận sản xuất để cho dừng hoạt động và thực hiện thao tác cứu chữa người bị tai nạn.

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu kịp thời: Các phương pháp sơ cứu khẩn cấp là các biện pháp cấp cứu tạm thời ban đầu nhằm cứu hộ sinh mạng và tránh tai biến khi người lao động bị tai nạn mà chưa có sự chăm sóc của các bác sỹ. Khi xảy ra tai nạn cần phải:

Kiểm tra xem nạn nhân có bị chảy máu, gãy xương, nôn hay không.

Kiểm tra xem nạn nhân có còn tỉnh táo, còn thở, mạch còn hay không.

Các biện pháp sơ cứu

- Ra máu nhiều:

+ Dùng bông hoặc gạc sạch bịt vết thương

+ Nâng tay hoặc chân bị thương so với tim

+ Dùng băng để buộc chặt vết thương, chú ý không buộc quá chặt

+ Chú ý nếu sử dụng phương pháp cầm máu trực tiếp không có hiệu quả thì sử dụng nẹp cầm máu.

- Bỏng do nhiệt:

+ Làm mát xung quanh vết bỏng bằng nước lạnh, đá.

+ Để nguyên dạng vết thương, không thoa kem, dầu lên vết thương.

- Gãy xương:

Trước hết phải điều trị vết thương khi có máu ra cần phải cầm máu, khi có mảnh xương nhô cần khử trùng cho vết thương, để miếng gạc dày, sạch lên vết thương và dùng băng đàn hồi băng cầm máu, tránh dùng dây và băng thường để buộc.

Có chấn thương không nguy hiểm đến tính mạng: Sơ cứu tại chỗ nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế gần nhất. Tai nạn nghiêm trọng sơ cứu tại chỗ, gọi cấp cứu theo số 115 và làm theo hướng dẫn của y tế. Nếu huy động được phương tiện, nhanh chóng chuyển đến cơ sở để cấp cứu, gọi điện báo cáo cơ sở.

c, Sự cố đối với các công trình bảo vệ môi trường

**** Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:***

+ Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

+ Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động, quy trình vận hành của hệ thống; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ.

+ Định kỳ tiến hành hút hầm cầu với bể tự hoại và hút bùn cặn tại bể xử lý nước thải.

+ Đối với các sự cố liên quan đến hệ thống xử lý nước thải. Công ty sẽ tính

toán, thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt với hệ số an toàn cao, đảm bảo hệ thống hoạt động hiệu quả, không bị vượt quá lưu lượng.

Tuy nhiên trong quá trình vận hành có thể do lỗi vận hành của công nhân dẫn đến đầu ra của hệ thống xử lý không đạt. Công ty sẽ kết hợp với các đơn vị có chuyên môn, chức năng trong việc đào tạo, hướng dẫn công nhân vận hành và giải quyết các hậu quả do sự cố xảy ra.

Nếu hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố mà chưa thể khắc phục ngay công ty sẽ phải dừng hoạt động sản xuất, tuyệt đối không thải nước thải chưa xử lý ra môi trường.

**) Biện pháp ứng phó sự cố liên quan hệ thống xử lý nước thải tập trung*

Người vận hành hệ thống xử lý khi phát hiện các sự cố trong quá trình vận hành thông qua trực giác, thính giác hoặc từ tín hiệu của các thiết bị... Riêng các sự cố mang tính kỹ thuật được căn cứ trên kết quả phân tích các chỉ tiêu trong nước thải. Quy trình ứng phó như sau:

- **Bước 1:** Phát hiện sự cố thông qua đèn báo lỗi màu vàng trên tủ tại vị trí thiết bị sáng và dòng cảnh báo màu đỏ chớp trên màn hình thiết bị điều khiển tự động đồng thời khi đó còi hú để nhân viên vận hành nhanh chóng phát hiện hệ thống đang gặp sự cố.

Báo cáo Công ty và các bộ phận liên quan như trường trạm, nhà cung cấp máy móc, thiết bị... để phối hợp cùng khắc phục sự cố.

- **Bước 2:** Tiến hành kiểm tra, phát hiện các máy móc, thiết bị hư hỏng và đánh giá nguyên nhân gây hư hỏng.

- **Bước 3:** Kiểm tra có thiết bị, vật tư thay thế hay không. Nếu có, lập tức tiến hành xử lý nguyên nhân gây hư hỏng, nhanh chóng đưa hệ thống xử lý nước thải đi vào hoạt động trở lại.

Sau đó, đưa máy móc đi sửa chữa, kiểm tra nguyên nhân gây hư hỏng để đưa ra phương án vận hành phù hợp hơn.

- **Bước 4:** Trong trường hợp máy móc, thiết bị hư hỏng không có vật tư để thay thế tại chỗ, Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị cung cấp thiết bị tiến hành thay thế, sửa chữa nhanh nhất có thể.

Đối với trường hợp không thể khắc phục ngay nhưng sự cố không ảnh hưởng tức thời đến chất lượng nước thải sau xử lý, vẫn duy trì hoạt động của hệ thống trong thời gian sửa chữa.

- **Bước 5:** Sau khi đã khắc phục xong sự cố, người vận hành cho hệ thống hoạt động trở lại một cách bình thường.

** Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với hệ thống xử lý hơi hoá chất*

+ Định kỳ thay thế vật liệu hấp phụ than hoạt tính đảm bảo hiệu quả xử lý cao

+ Trường hợp quạt hút của hệ thống xử lý gặp sự cố hỏng hóc, phải kịp thời thay thế để không làm phát sinh hơi hoá chất gây ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân.

*** Khu lưu giữ chất thải:**

+ Xây dựng khu lưu giữ chất thải có mái che, xung quanh có gờ bao đề phòng khi có sự cố rò rỉ chất thải ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

+ Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

+ Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

d, Sự cố ngộ độc thực phẩm

Nhà ăn phải đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh: phải có thiết bị, tủ kính che đậy thức ăn, dùng nước sạch để đun nấu, ngâm rửa thực phẩm,....

3.4. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

a, Các công trình bảo vệ môi trường của dự án

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường mà chủ đầu tư dự án đưa ra và đã trình bày trên, dự toán kinh phí để thực hiện các công trình bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

Bảng 3.25: Kinh phí đầu tư các hạng mục công trình BVMT của dự án

TT	Danh mục các công trình	Thành tiền (VNĐ)	Trách nhiệm thực hiện
I	Giai đoạn thi công xây dựng		
1	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt và CTNH	5.000.000	Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương
2	Thuê đơn vị chức năng, thu gom, xử lý	10.000.000	
3	Nhà vệ sinh di động, thu gom, nước mưa, nước thải, hố ga lắng,...	100.000.000	
II	Giai đoạn vận hành dự án		
1	Quạt thông gió, quạt hút các loại	100.000.000	Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại
2	Hệ thống cây xanh trong khu vực dự án	80.000.000	
3	Bể tự hoại 3 ngăn (3 bể)	60.000.000	

4	Bể tách dầu mỡ (1 bể)	3.000.000	Tùng Dương
5	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	600.000.000	
6	Hệ thống xử lý khí thải	700.000.000	
7	Hệ thống tuần hoàn nước làm mát	200.000.000	
8	Khu lưu giữ chất thải rắn thông thường và nguy hại	50.000.000	
9	Các thùng thu gom CTR thông thường và CTNH	3.000.000	

(Giá của các danh mục công trình đang thực hiện chỉ có ý nghĩa tham khảo và được ước tính dựa trên giá tại thời điểm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Khi triển khai thực tế giá sẽ được xác lập cụ thể trên cơ sở giá vật liệu nhân công tại thời điểm xây dựng).

b. Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành các công trình BVMT

*** Giai đoạn thi công xây dựng**

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng thi công xây dựng với các nhà thầu, sẽ có điều khoản đảm bảo rằng nhà thầu sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng đã đề ra trong báo cáo ĐTM của dự án;

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý dự án về mọi mặt chất lượng, kỹ thuật, tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường bắt đầu từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư cho đến khi kết thúc giai đoạn xây dựng theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

*** Giai đoạn vận hành**

Công tác bảo vệ môi trường đảm bảo thực hiện:

- + Đảm bảo công tác quét dọn, vệ sinh và phân loại rác thải;
- + Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;
- + Vận hành hệ thống thoát nước mưa, nước thải, khí thải;
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến BVMT;

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải” được thực hiện dựa theo các phương pháp sau: Phương pháp thống kê; Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm, Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập năm 1993, Phương pháp so sánh, phương pháp lập bảng liệt kê và phương pháp tham vấn cộng đồng dân cư. Độ tin cậy của các phương pháp ĐTM được trình bày trong bảng như sau:

Bảng 3.26: Độ tin cậy của các phương pháp ĐTM

Stt	Phương pháp	Độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê	Cao	Dựa theo số liệu thống kê chính thức của tỉnh.
2	Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	Cao	- Thiết bị lấy mẫu, phân tích mới, hiện đại - Dựa vào phương pháp lấy mẫu tiêu chuẩn
3	Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập năm 1993	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới thiết lập nên chưa thật sự phù hợp với điều kiện Việt Nam
4	Phương pháp so sánh	Cao	Kết quả phân tích có độ tin cậy cao
5	Phương pháp lập bảng liệt kê	Trung bình	Phương pháp chỉ đánh giá định tính hoặc bán định lượng, dựa trên chủ quan của những người đánh giá
6	Phương pháp tham vấn cộng đồng	Cao	Dựa vào ý kiến chính thức bằng văn bản của UBND xã và cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp từ dự án.

Báo cáo ĐTM cho dự án “Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải” do Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương làm chủ đầu tư với sự tư vấn của Trung tâm Quan trắc- Thông tin tài nguyên và Môi trường. Đơn vị tư vấn đã đánh giá đầy đủ và có đủ độ tin cậy cần thiết về các tác động của dự án và đề xuất được các giải pháp khả thi để hạn chế các tác động có hại.

Tuy nhiên, một số đánh giá trong báo cáo ĐTM theo phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập năm 1993 này đã cũ và một số đánh giá còn định tính hoặc bán định lượng do chưa có đủ thông tin, số liệu chi tiết để đánh giá định lượng.

Chương 4. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

4.1. Chương trình quản lý môi trường của chủ đầu tư dự án

Chương trình quản lý môi trường được thiết lập trên cơ sở tổng hợp kết quả của các Chương 1,3 dưới dạng bảng như sau:

Giai đoạn	Các hoạt động của dự án	Các tác động Môi trường	Các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Giai đoạn chuẩn bị	- San lấp mặt bằng - Xây dựng lán trại	Tác động tới môi trường không khí, nước, đất gồm: Khí thải, nước thải	- Hệ thống thoát nước - Che chắn cách ly khu vực dự án với các khu vực xung quanh	Trong suốt giai đoạn chuẩn bị
Giai đoạn thi công, xây dựng	- Vận chuyển nguyên vật liệu; - Xây dựng các hạng mục công trình kỹ thuật; - Bảo dưỡng phương tiện, máy móc thi công; - Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công tại công trường;	Tác động tới môi trường không khí, nước, đất gồm: Khí thải, nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại	- Hệ thống lắng, thoát nước mưa, nước thải thi công; - Nhà vệ sinh di động; - Thùng chứa chất thải.	Trong suốt quá trình xây dựng của dự án
Giai đoạn vận hành	- Hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm ra vào kho và nhà máy; - Quá trình bốc dỡ nguyên vật liệu, bốc dỡ sản phẩm tại nhà kho;	Bụi, khí thải, nhiệt dư	- Hệ thống cây xanh tạo cảnh quan, không gian xanh; - Thường xuyên quét dọn, phun nước tưới nước mặt đường để giảm thiểu lượng bụi phát sinh; - Lắp đặt hệ thống quạt hút,	Trong suốt quá trình dự án đi vào hoạt động.

	- Công đoạn phun sơn tĩnh điện; - Công đoạn đùn ép nhựa;		quạt thông gió. - Lắp đặt Hệ thống xử lý hơi hóa chất công suất 6.000 m ³ /h	
	- Nước thải sinh hoạt - Nước mưa chảy tràn. - Nước thải làm mát	Tác động tới hệ thống thoát nước, môi trường nước mặt, môi trường nước ngầm.	- Hệ thống thu gom và thoát nước thải; - Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; - Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 15 m³/ngày đêm;	Trong suốt quá trình dự án đi vào hoạt động.
	- Chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại phát sinh của dự án	- Các hoạt động làm phát sinh chất thải rắn và CTNH. - Tác động tới môi trường cảnh quan.	- Thùng chứa chất thải; - Khu lưu giữ chất thải thông thường có diện tích 30 m²; - Khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 30 m²; - Thuê đơn vị thu gom, xử lý	Trong suốt quá trình dự án đi vào hoạt động

4.2. Chương trình giám sát môi trường của chủ đầu tư dự án

4.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Bảng 4.1: Chương trình giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

Vị trí lấy mẫu	Thông số	Tần suất	Quy chuẩn so sánh
<i>I - Giám sát chất lượng môi trường không khí xung quanh</i>			QCVN 05:2023/BTNMT QCVN 26:2010/BTNMT
02 mẫu tại khu vực thực hiện dự án (Đầu và cuối khu đất thực hiện dự án)	Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, TSP, SO ₂ , CO, NO ₂	tối thiểu 6 tháng/lần	
<i>II - Giám sát chất thải rắn</i>			
Liên tục trong quá trình xây dựng và định kỳ 06 tháng tổng hợp báo cáo 01 lần			

4.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm của dự án

Dự án thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường, phải có giấy phép môi trường trước khi đi vào hoạt động. Các công trình xử lý nước thải, khí thải của dự án thuộc đối tượng thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chủ dự án có trách nhiệm giám sát mẫu nước thải, khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5, điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

4.2.3. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án

Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m³/ngày đêm và hệ thống xử lý hơi hoá chất lưu lượng 6.000 m³/h. Theo quy định tại điều 97 và 98 nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 thì dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kì đối với nước thải, khí thải.

** Giám sát chất thải rắn*

- Vị trí giám sát: Khu lưu giữ chất thải thông thường và chất thải nguy hại;
- Thông số giám sát: Lượng thải; thành phần;
- Tần suất giám sát: Liên tục trong quá trình hoạt động và định kỳ 1 năm/lần tổng hợp báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

4.2.4. Các phương pháp quan trắc và phân tích

Tuân thủ theo quy định của Nhà nước về hoạt động quan trắc, phân tích môi trường.

4.2.5. Dự toán kinh phí quản lý, giám sát môi trường

- Dự toán kinh phí giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng của dự án:
- + Phân tích mẫu không khí xung quanh: 6 triệu đồng.
- Kinh phí quản lý môi trường trong quá trình hoạt động hàng năm (Hoạt động

tập huấn, đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường, diễn tập ứng phó sự cố cho cán bộ, công nhân viên, chi phí thuê đơn vị có chức năng xử lý chất thải rắn, vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải): 150 triệu đồng/năm.

Chương 5. KẾT QUẢ THAM VẤN

5.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

5.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên mạng thông tin điện tử

Cơ quan quản lý trang thông tin điện tử: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên.

Đường dẫn trên Internet tới nội dung được tham vấn:

<https://sotnmt.hungyen.gov.vn/portal/Pages/gop-y-van-ban.aspx?uid=82>

Thời điểm và thời gian đăng tải: từ ngày 19/2/2024 đến 04/3/2024;

5.1.2. Tham vấn bằng tổng chức họp lấy ý kiến

** Niêm yết báo cáo:*

Thời gian niêm yết báo cáo: từ ngày 25/01/2024 đến ngày 05/2/2024

Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND xã Đình Dù, huyện Văn Lâm .

** Họp tham vấn tại UBND xã Đình Dù*

Thời điểm họp tham vấn: tại trụ sở UBND xã Đình Dù ngày 05/02/2024

Thành phần họp tham vấn:

+ Đại diện Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương;

+ Lãnh đạo UBND xã Đình Dù ;

+ Đại biểu tham dự: Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch UBMTTQ, chủ tịch hội nông dân, chủ tịch hội phụ nữ, hội Cựu chiến binh, trưởng thôn và phó thôn Đình Dù; địa chính;

+ Các hộ dân thôn Đình Dù.

Sau khi chủ dự án gửi niêm yết báo cáo ĐTM về trụ sở UBND xã, Chủ dự án đã phối hợp với UBND xã tổ chức mời tất cả các hộ dân có đất bị thu hồi nằm trong khu vực dự án (99 hộ) của thôn Đình Dù và một số hộ dân nằm gần khu vực dự án tham dự cuộc họp tham vấn ý kiến cộng đồng dân cư về dự án. Tuy nhiên, tại buổi họp, chỉ có 2 hộ dân tham dự cuộc họp, trong đó 02 hộ dân này có đất bị thu hồi. Danh sách các đại biểu tham dự và các hộ dân đính kèm biên bản họp tham vấn tại Phụ lục Báo cáo.

5.1.3. Tham vấn bằng văn bản

Thực hiện theo luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, Chủ dự án đã gửi đến UBND, UBMTTQ xã Đình Dù công văn số công văn số 251/CV-ND ngày 25/01/2024 và gửi đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công văn số 01/CV ngày 29/2/2024 kèm theo báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải để xin ý kiến tham vấn cộng đồng dân cư khu vực thực hiện dự án và Cơ quan quản lý nhà nước về công trình thủy lợi.

UBND, UBMTTQ xã Đình Dù đã nhận được văn bản của chủ đầu tư dự án thông báo nội dung của Dự án, kèm theo báo cáo đánh giá tác động tới môi trường và

biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa sự cố ô nhiễm môi trường của Dự án.

- Công văn trả lời tham vấn của UBND xã Đình Dù số 18/CV-UBND ngày 05/02/2024;

- Công văn trả lời tham vấn của UBND xã Đình Dù số 03/CV-UBND ngày 05/02/2024;

- Công văn gửi kết quả tham vấn ĐTM số 456/STNMT-QLMT ngày 8/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên;

- Công văn trả lời tham vấn của Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hưng Yên số 343/SNN-TL ngày 05/3/2024;

5.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

Kết quả tham vấn cộng đồng được trình bày chi tiết trong bảng dưới đây:

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
I	Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử		
	Sau thời gian 15 ngày đăng tải nội dung tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên, từ ngày 19/2/2024 đến 04/3/2024, hệ thống nhận được: 0 (không) ý kiến, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp đối với nội dung tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư.		
II	Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến		
	- Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường kịp thời khi gây hậu quả ảnh hưởng đến môi trường. - Trong quá trình thi công và đi vào hoạt động các phương tiện giao thông vận tải ra vào dự án không chờ quá tải và che chắn hợp lý để không gây ảnh hưởng đến môi trường cũng như chất lượng đường giao thông khu vực dự án. - Đề nghị Công ty áp dụng các biện pháp giảm ồn, không ảnh hưởng đến hoạt động sinh hoạt của người dân địa phương. - Đề nghị chủ dự án tạo mối quan hệ hài hòa, mật thiết với người dân địa phương trong suốt quá trình vận hành dự án. - Đề nghị chủ dự án có phương án thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.	Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công xây dựng giám sát thi công đảm bảo an toàn giao thông trên công trường; Chủ dự án đã có biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình dự án đi vào hoạt động tại chương III của báo cáo; - Cam kết chủ động thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện các nguy cơ sự cố để kịp thời khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng, đặc biệt là hoạt động thi công của các nhà thầu. Đảm bảo các điều kiện an toàn trong quá trình xây dựng, hoạt động của dự án, xây dựng và chủ động tổ chức	Cộng đồng dân cư xã Đình Dù

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
		thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rủi ro.	
III	Tham vấn bằng văn bản		
1	Về vị trí thực hiện dự án: Hiện trạng ranh giới, vị trí dự án hiện trạng có công trình thủy lợi làm nhiệm vụ tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước phục vụ dân sinh, giao thông,...	- Chủ dự án hoàn toàn đồng ý với các ý kiến đóng góp của đại diện UBMTTQ xã Đình Dù và đại diện cộng đồng dân cư.	UBMTTQ xã Đình Dù
2	Về các tác động môi trường của dự án đầu tư: UBMTTQ xã Đình Dù đồng ý với các nội dung tương ứng được trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án gửi kèm	- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án rất mong nhận được sự ủng hộ, hợp tác và giúp đỡ của người dân địa phương.	
3	Về các biện pháp giảm thiểu tác động xấu: Các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu của dự án đến môi trường đã nêu trong báo cáo tương đối đầy đủ. UBMTTQ đồng ý với các biện pháp giảm thiểu tác động xấu của dự án tới môi trường như đã trình bày trong tài liệu gửi kèm của Chủ dự án	- Trong quá trình hoạt động của dự án, Chủ dự án cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường theo quy định của nhà nước. - Chủ dự án cam kết tuân thủ các quy định của địa phương, của các cơ quan quản lý trong suốt quá trình hoạt động.	
4	Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: UBMTTQ đồng ý với chương trình quản lý, giám sát môi trường và các phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi	- Chủ dự án đang phối hợp các cơ	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	trường như đã trình bày trong tài liệu của chủ dự án gửi kèm	quan ban ngành để thống nhất phương án thủy lợi đảm tiêu thoát nước cho khu vực dự án.	
5	Về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư: - Có biện pháp che chắn giảm thiểu tác động của bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng của dự án, tránh gây tác động tới các hộ dân gần khu vực dự án; - Thực hiện nghiêm các quy định về trọng tải xe khi lưu thông đối với hệ thống giao thông của thị trấn và khu vực; - Đề nghị Chủ dự án đầu tư các công trình BVMT và vận hành hệ thống như nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường;		
6	- Trong quá trình thi công dự án yêu cầu đơn vị thi công thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường xung quanh; - Đề nghị chủ dự án quan tâm tới các biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt trong quá trình dự án đi vào hoạt động và không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh; - Kết hợp với Công an xã Đình Dù trong việc đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực địa bàn Dự án hoạt động; - Đề nghị Công ty ưu tiên tuyển dụng nguồn lao động địa phương và cần tuân thủ nghiêm túc các quy định về lao		

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng quan tâm
	động trong quá trình tuyển dụng và sử dụng lao động tại cơ sở.		
IV	Ý kiến tham vấn bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Về vị trí thực hiện dự án: Phạm vi, ranh giới khu đất thực hiện dự án có liên quan trực tiếp đến công trình thủy lợi nên khi thực hiện dự án sẽ ảnh hưởng đến việc tưới tiêu nước của công trình thủy lợi. - Về đánh giá tác động môi trường: Bổ sung đánh giá chi tiết, cụ thể tác động của dự án đến tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (nằm trong khu đất lập dự án) và nhiệm vụ tưới tiêu nước của công trình thủy lợi đảm bảo phù hợp với nội dung Biên bản thỏa thuận đã ký với ngành thủy lợi ngày 10/3/2023 - Về biện pháp giảm thiểu tác động: Bổ sung các biện pháp, giải pháp giảm thiểu tác động của Dự án (trong giai đoạn thi công hoàn trả công trình thủy lợi) đến nhiệm vụ tưới tiêu nước cho khu vực liên kề Dự án của công trình thủy lợi.	- Về vị trí thực hiện dự án: Đã điều chỉnh tọa độ vị trí các điểm giới hạn bảo đảm phù hợp với vị trí khu đất thực hiện Dự án tại mục 1.1 chương I - Về đánh giá tác động môi trường: đã bổ sung đánh giá chi tiết, cụ thể tác động của dự án đến tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi tại mục 3.2.1.3 Trang 84 - Về biện pháp giảm thiểu tác động: đã bổ sung các biện pháp, giải pháp giảm thiểu tác động của Dự án tại mục 3.2.2.2 Trang 88, 89	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Căn cứ vào kết quả khảo sát và phân tích Đánh giá tác động môi trường cho dự án “Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải” của Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương có thể đưa ra một số kết luận và kiến nghị như sau:

Dự án “Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải” đi vào vận hành sẽ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng về sản phẩm tấm nhựa thông minh và sản phẩm ống thép cho thị trường.

Tuy nhiên, trong quá trình xây dựng và hoạt động của Dự án có thể gây ra một số tác động tiêu cực tới môi trường và con người trong khu vực dự án. Nhưng Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thương mại Tùng Dương đã có kế hoạch đầu tư cụ thể, đánh giá hết những tác động có thể có và cam kết thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu, khắc phục các tác động đó. Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu và phòng ngừa ứng phó sự cố là đầy đủ, khả thi. Đây sẽ là cơ sở đảm bảo cho sự phát triển bền vững của khu vực dự án. Cam kết các hoạt động của Dự án đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường như đã quy định theo TCVN, QCVN.

2. Kiến nghị

Để dự án đi vào hoạt động có hiệu quả và mang lại những lợi ích phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội chung của toàn tỉnh, chủ đầu tư dự án có một số kiến nghị sau:

- Trên cơ sở đánh giá các nguồn tác động và đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, chúng tôi rất mong các cấp có thẩm quyền xét duyệt để Dự án sớm được triển khai và đi vào hoạt động.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư dự án trong quá trình hoạt động như: việc vận chuyển nguyên, nhiên liệu...

- Hỗ trợ về công tác an toàn giao thông, an ninh, trật tự xã hội tại khu vực Dự án.

3. Cam kết

3.1. Cam kết thực hiện các văn bản pháp luật

Dựa vào những đánh giá trên về tác động của dự án tới môi trường cũng như những điều khoản trong Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định về bảo vệ môi trường, các quy định về bảo vệ môi trường của tỉnh Hưng Yên, trong giai đoạn vận hành dự án chủ đầu tư cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường cụ thể như sau:

- Công khai báo cáo ĐTM khi được phê duyệt tại địa phương phục vụ công tác giám sát môi trường;

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý môi trường và giám sát môi trường như đã trình bày tại Chương 4.

- Công ty cam kết xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt trình cơ quan nhà

nước có thẩm quyền chấp thuận và thực hiện các biện pháp bảo vệ, quản lý và sử dụng lượng đất hữu cơ bóc bề mặt của đất trồng lúa theo quy định của Luật Trồng trọt và Nghị định 112/2024/NĐ-CP.

- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định, chất thải phải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, cụ thể:

- Đối với nước thải:

- + Cam kết xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

- + Cam kết không phát sinh nước thải sản xuất ra ngoài môi trường.

- + Cam kết toàn bộ nước thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để đảm bảo quy chuẩn QCVN 01:2019/HY (K=1,2; K_{hy}= 0,9) trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận là kênh tiêu T1 trạm bơm Đình Dù nằm ở phía Đông của dự án. Cam kết không phát sinh nước thải sản xuất ra ngoài môi trường, không đốt lưới lọc thải tại dự án.

- Đối với chất thải:

- + Cam kết quản lý chất thải rắn xây dựng theo hướng dẫn tại Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên ban hành quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- + Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ đúng theo quy định về quản lý CTNH tại thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- + Cam kết vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định;

- + Cam kết áp dụng các biện pháp che chắn công trình thi công, che chắn xe chở nguyên vật liệu, thu gom chất thải xây dựng, vật liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển đảm bảo không để phát tán bụi ra môi trường xung quanh trong quá trình thi công xây dựng và trong quá trình vận chuyển.

- + Cam kết đảm bảo về an toàn vệ sinh lao động trong thi công xây dựng công trình;

- + Cam kết nghiêm túc thực hiện các quy định về an ninh trật tự của địa phương và các quy định khác của pháp luật;

- Đối với sự cố:

- + Cam kết chịu trách nhiệm đến cùng đối với các sự cố do chủ đầu tư gây ra trong quá trình thi công dự án: đền bù thiệt hại cho người dân và thực hiện các giải pháp khắc phục ngay nếu xảy ra sự cố.

- + Cam kết đền bù thiệt hại trong quá trình hoạt động nếu để xảy ra sự cố môi trường;

- + Thực hiện các biện pháp, các quy định vận chuyển đảm bảo vệ sinh môi

trường, bảo vệ các công trình giao thông.

+ Nộp đầy đủ các phí, lệ phí môi trường (nếu có).

3.2. Cam kết với cộng đồng

Cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu của địa phương nơi thực hiện dự án (các ý kiến trong quá trình tham vấn cộng đồng). Chủ dự án cam kết thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, cam kết thực hiện, quan tâm thực hiện các yêu cầu của cộng đồng dân cư tại buổi họp tham vấn cộng đồng đảm bảo triển khai dự án không làm ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của nhân dân, không phá hủy các công trình văn hóa, giao thông của địa phương.

Cam kết tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không để xảy ra ngập úng tại khu vực;

Cam kết thực hiện các biện pháp tuyên truyền, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho các công nhân viên làm việc trong công ty.

3.3. Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan trong các giai đoạn của dự án

Cam kết thực hiện đầy đủ các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường trong giai đoạn xây dựng và giai đoạn dự án đi vào hoạt động.

Cam kết thực hiện trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Cam kết áp dụng các giải pháp kỹ thuật, sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công phù hợp để giảm thiểu tối đa những tác động ảnh hưởng đến môi trường và đời sống, sinh hoạt của khu dân cư xung quanh; có phương án thi công, vận tải đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực; hạn chế sử dụng các loại máy móc, thiết bị gây tiếng ồn lớn trong giờ cao điểm.

Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố và rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

Cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các tiêu chuẩn Việt Nam./.

Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên xem xét thẩm định và trình UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án để chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÁC TÀI LIỆU, DỮ LIỆU THAM KHẢO

Nguồn tài liệu và dữ liệu của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất thùng xe, sắt xi ô tô tải” được trình bày trong bảng sau:

TT	Tên tài liệu	Nguồn tài liệu
1	Tài liệu về kỹ thuật xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tài liệu của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và ngân hàng thế giới (WB)
2	Tuyển tập Quy chuẩn Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng	Quy chuẩn Việt Nam- 2008- 2009
3	Phương pháp đánh giá nhanh ô nhiễm- WHO	Do tổ chức Y tế thế giới ban hành năm 1993.
4	Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2021	Cục thống kê tỉnh Hưng Yên
5	Niên giám thống kê tỉnh Hưng Yên năm 2022	Cục thống kê tỉnh Hưng Yên
6	Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2024- UBND huyện Văn Lâm	UBND huyện Văn Lâm
7	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023; nhiệm vụ và giải pháp năm 2024	UBND xã Đình Dù